BỘ Y TẾ **CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QLD-ĐK V/v công bố danh mục thuốc theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2022/NĐ-CP của CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

Kính gửi: Các cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc lưu hành tại Việt Nam

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2022/NĐ-CP ngày 29/4/2022 của Chính phủ về việc về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 12/2021/UBTVQH15 ngày 30/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép thực hiện một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế để phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 (Nghị định 29/2022/NĐ-CP),

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Y tế tại Công văn số 2811/BYT-QLD ngày 31/5/2022,

Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế thông báo:

1. Công bố danh mục các thuốc, nguyên liệu làm thuốc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2022/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

1.1. Danh mục các thuốc, nguyên liệu làm thuốc sản xuất trong nước được công bố tại Phụ lục I kèm theo công văn này.

1.2. Danh mục các thuốc, nguyên liệu làm thuốc nước ngoài được công bố tại Phụ lục II kèm theo công văn này.

1.3. Danh mục các vắc xin, sinh phẩm được công bố tại Phụ lục III kèm theo công văn này.

2. Danh mục thuốc được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ: https://moh.gov.vn/home và Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược tại địa chỉ: https://dav.gov.vn. Danh mục này được tiếp tục cập nhật, bổ sung tại các đợt công bố tiếp theo.

3. Thông tin chi tiết của từng thuốc được tra cứu theo số đăng ký công bố trong danh mục tại địa chỉ https://dichvucong.dav.gov.vn/congbothuoc/index.

4. Đối với các thuốc, nguyên liệu làm thuốc trong danh mục đã thực hiện thay đổi, bổ sung trong quá trình lưu hành hoặc có đính chính thông tin liên quan đến giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc, doanh nghiệp xuất trình văn bản phê duyệt hoặc xác nhận của Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược) với các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị thông báo về Cục Quản lý Dược hoặc liên hệ trực tiếp đồng chí Nguyễn Văn Lợi – Trưởng Phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược; số điện thoại: 0904205699, địa chỉ email: loinv.qld@moh.gov.vn để kịp thời giải quyết.

Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế thông báo để cơ sở biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an; Cục Y tế GTVT- Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược VN; Các Công ty XNK dược phẩm;
- Các Bệnh viện & Viện có giường bệnh trực thuộc BYT;
- Cổng thông tin điện tử của BYT;
- Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược;
- Lưu: VT, ĐK.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thành Lâm

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC TRONG NƯỚC CÓ GĐKLH HẾT HIỆU LỰC TỪ 30/12/2021 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 31/12/2022 THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo công văn số /QLD-ĐK ngày / /2022)

(*) Ghi chú: Danh mục này gồm các thuốc hết hạn trước 30/6/2022. Các thuốc khác đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 29/2022/NĐ-CP đang được tiếp tục cập nhật, bổ sung tại các đợt công bố tiếp theo.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1	VD-22915-15	3B-Medi	Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm và Thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2	VD-26870-17	3B-Medi tab	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3	VD-20329-13	3BSTADA	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4	VD-26140-17	3BTP	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5	VD-24125-16	A. T Ambroxol	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
6	VD-24206-16	A.C Mexcold	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
7	VD-24127-16	A.T Alugela	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
8	VD-24128-16	A.T Arginin 800	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
9	VD-24130-16	A.T Calci plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
10	VD-26104-17	A.T Calmax	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
11	VD-24131-16	A.T Desloratadin	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
12	VD-26743-17	A.T Domperidon	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
13	VD-26744-17	A.T Esomeprazol 20 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
14	VD-26105-17	A.T Levofloxacin 250 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
15	VD-26106-17	A.T Levofloxacin 500 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
16	VD-24132-16	A.T Loratadin	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
17	VD-26747-17	A.T Perindopril 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
18	VD-26107-17	A.T Simvastatin 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
19	VD-18416-13	A9 - Cerebrazel	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
20	VD-20749-14	ABAB 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
21	VD-21272-14	Abioval-H 80	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
22	VD-16478-12	ABROCTO	Công ty cổ phần dược ATM	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
23	VD-24153-16	Acarfar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
24	VD-23770-15	ACCDRUG-DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
25	VD-21705-14	Aceclofenac T/H	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
26	VD-23483-15	Acecyst	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
27	VD-26968-17	Acedexphen 25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
28	VD-26076-17	Acedolflu	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
29	VD-23527-15	Acefalgan 150	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
30	VD-23528-15	Acefalgan 500	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn Valeant
31	VD-26134-17	Acefalgan 500	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn Valeant	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn Valeant
32	VD-24204-16	Acegoi	Công ty CPDP AGIMEXPHARM	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
33	VD-20645-14	Acemol NDP 325	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
34	VD-20646-14	Acemol NDP 500	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
35	VD-26588-17	Acenews	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
36	VD-22293-15	ACENOCOUMAROL 1	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
37	VD-22294-15	ACENOCOUMAROL 4	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
38	VD-20678-14	Acepron 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
39	VD-20679-14	Acepron 325 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
40	VD-20680-14	Acepron 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
41	VD-22822-15	Acepron 650	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
42	VD-22122-15	Acepron 80	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
43	VD-20681-14	Acepron Codein	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
44	VD-26090-17	Acetab 650	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
45	VD-19404-13	Acetaextra	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
46	VD-24239-16	Acetaphen 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
47	VD-24018-15	Acetate Ringer's	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam
48	VD-23472-15	Acetylcistein 200 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
49	VD-21827-14	Acetylcystein	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
50	VD-27595-17	Acetylcystein	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
51	VD-18919-13	Acetylcystein 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
52	VD-22770-15	Acetylcystein 200 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
53	VD-26163-17	Acetylcystein 200	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
54	VD-23445-15	Acetylcystein 200 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
55	VD-23568-15	Acetylcystein 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
56	VD-14765-11	Acetylcystein 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
57	VD-21910-14	Acetylcystein 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
58	VD-26762-17	Acetylcystein Boston 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
59	VD-26763-17	Acetylcystein Boston 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
60	VD-24442-16	Acetylcystein EG 200mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
61	VD-20019-13	Acetylcysteine 200mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
62	VD-26619-17	Acetylcysterin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
63	VD-22364-15	AcezinDHG 5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
64	VD-19639-13	Aciclovir	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
65	VD-22934-15	Aciclovir 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
66	VD-24375-16	Aciclovir 400 mg	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
67	VD-18434-13	Aciclovir 5%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
68	VD-23266-15	Aciclovir Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
69	VD-16333-12	Aciclovir MKP 200	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
70	VD-26894-17	Acid tranexamic 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
71	VD-21216-14	Acigmentin 1000	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
72	VD-21619-14	Acigmentin 281,25	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
73	VD-21218-14	Acigmentin 375	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
74	VD-21219-14	Acigmentin 562,5	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
75	VD-21220-14	Acigmentin 625	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
76	VD-27299-17	Acinstad 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
77	VD-17551-12	Aciste 1MIU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
78	VD-17552-12	Aciste 2MIU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
79	VD-27084-17	Aciste 3 MIU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
80	VD-26396-17	Acitonal 5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
81	VD-18820-13	Acitys	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
82	VD-26213-17	Acnemine	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
83	VD-19571-13	Acnequidt	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
84	VD-21788-14	Acnes medical Cream	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
85	VD-26515-17	Acnol 10	Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn - Sagopha	Công ty TNHH dược phẩm Sài gòn - Sagopha
86	VD-21331-14	Acough	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
87	VD-21884-14	Actadol - Extra	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
88	VD-19584-13	Actadol 150	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
89	VD-20975-14	Actadol 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
90	VD-21438-14	Actadol 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
91	VD-21960-14	Actadol 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
92	VD-19585-13	Actadol 80	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
93	VD-21244-14	Actidine 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
94	VD-21245-14	Actidine 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
95	VD-23306-15	Actifif-Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
96	VD-27354-17	Actiso DHĐ	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt
97	VD-26214-17	Actorisedron 35	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
98	VD-18785-13	Acyacy 800	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
99	VD-16621-12	Acyclovir 200	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex.	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex.
100	VD-26787-17	Acyclovir 200	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
101	VD-27017-17	Acyclovir 3%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
102	VD-27018-17	Acyclovir 5%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
103	VD-26788-17	Acyclovir 800	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
104	VD-26711-17	Acyclovir 800 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
105	VD-26113-17	Acyclovir Boston 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
106	VD-24572-16	Acyclovir Stada 200 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
107	VD-26553-17	Acyclovir Stada 200 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
108	VD-27536-17	Acyclovir Stada 400 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
109	VD-21528-14	Acyclovir STELLA 400 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
110	VD-23346-15	Acyclovir STELLA 800 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
111	VD-20511-14	Acyvir	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
112	VD-17818-12	Adagrin	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
113	VD-22783-15	Adazol	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
114	VD-27207-17	Aderonat	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
115	VD-21885-14	Adhema	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
116	VD-23739-15	Admed	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
117	VD-27151-17	Adrenalin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
118	VD-22521-15	Adrenalin 1mg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
119	VD-21546-14	Adrenaline-BFS 1mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
120	VD-20185-13	Aecysmux	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
121	VD-26777-17	Aecysmux 200 Effer	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
122	VD-23473-15	Aescin 20 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
123	VD-20502-14	Afulocin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
124	VD-23484-15	Agi- calci	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
125	VD-18220-13	Agi- Ery 500	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
126	VD-23485-15	Agi- neurin	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
127	VD-26720-17	Agi-Beta	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
128	VD-19310-13	Agi-bromhexine	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
129	VD-26091-17	Agicetam 400	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
130	VD-18693-13	Agiclovir 5%	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
131	VD-26092-17	Agidexclo	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
132	VD-18925-13	Agifovir	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
133	VD-24111-16	Agimetpred 4	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
134	VD-26721-17	Agimlisin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
135	VD-22790-15	Agimol 150	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
136	VD-22791-15	Agimol 325	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
137	VD-26722-17	Agimol 80	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
138	VD-22792-15	Agimosarid	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
139	VD-17880-12	Agimoti	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
140	VD-14666-11	Agirenyl	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
141	VD-23487-15	Agiroxi 50	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
142	VD-24112-16	Agisimva 20	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
143	VD-19753-13	Agitec-F	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
144	VD-13753-11	Agitritine 200	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
145	VD-20653-14	AG-Ome	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
146	VD-26093-17	Ag-Ome	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
147	VD-27093-17	Ajecxamic	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
148	VD-26184-17	Akavic 10	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
149	VD-18210-13	Akfedin 120	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
150	VD-18212-13	Akfedin 60	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
151	VD-26280-17	Akitykity-new	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
152	VD-20613-14	Alaginusa	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
153	VD-23414-15	Alaxan	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
154	VD-26854-17	Albenca 400	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
155	VD-22647-15	Albendazol 400 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
156	VD-20647-14	Albendazol 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
157	VD-26554-17	Albendazol Stada 200 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
158	VD-21193-14	Alchysin	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
159	VD-22714-15	Alchysin 8400	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
160	VS-4876-14	Alcohol 70°	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
161	VD-19398-13	Alcool 90	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
162	VD-21342-14	Aledats 35 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
163	VD-26547-17	Alenbe 70mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
164	VD-24424-16	Alenbone	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
165	VD-26397-17	Alenbone Plus	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
166	VD-27329-17	Alendro-D	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
167	VD-22169-15	Alendronat	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
168	VD-26438-17	Alenocal	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
169	VD-26521-17	Alermed-Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
170	VD-24391-16	Aleucin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
171	VD-20035-13	Alfacef 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
172	VD-23335-15	Algelstad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
173	VD-23569-15	Alimazin 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
174	VD-24240-16	Alipid 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
175	VD-22715-15	Aliricin	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
176	VD-21036-14	Aller fort	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
177	VD-26522-17	Aller fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
178	VD-26523-17	Aller fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
179	VD-22828-15	Allerfar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
180	VD-26969-17	Allergex	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
181	VD-19696-13	Allerphast	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
182	VD-22356-15	Allerphast 180mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
183	VD-27426-17	Allopsel 300	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
184	VD-26712-17	Allopurinol 200	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
185	VD-26572-17	Allopurinol Stada 100 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
186	VD-23985-15	Allopurinol STELLA 300 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
187	VD-23962-15	Almasane	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
188	VD-22771-15	Almipha 8,4 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
189	VD-19920-13	Alodip 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
190	VD-26635-17	Alovirum	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
191	VD-21465-14	Alpha - Chymotrypsin - US	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
192	VD-22400-15	Alpha Chymotrypsin	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
193	VD-18417-13	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
194	VD-19250-13	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
195	VD-20138-13	Alphachymotrypsin	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
196	VD-22104-15	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
197	VD-23997-15	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
198	VD-26250-17	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
199	VD-16529-12	Alpha-Chymotrypsin	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
200	VD-20618-14	Alphachymotrypsin - BVP 8400	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
201	VD-26456-17	Alphachymotrypsin Doren	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
202	VD-19771-13	Alphachymotrypsin Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
203	VD-17892-12	Alphachymotrypsin-CGP	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
204	VD-21084-14	Alphadaze	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
205	VD-23938-15	Alphadaze	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
206	VD-24286-16	Alpha-EnteroEXT	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
207	VD-27074-17	Alphatrypa	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
208	VD-26281-17	Alphatrypa DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
209	VD-26282-17	Alphatrypa-Fort DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
210	VD-23296-15	Alphausar	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
211	VD-26343-17	Alramgin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
212	VD-26589-17	Alstuzon	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
213	VD-27252-17	Alton C.M.P	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
214	VD-20654-14	Alumag-S	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
215	VD-22829-15	Aluminium Phosphat Gel	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
216	VD-24208-16	Alu-P Gel	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
217	VD-23529-15	Aluphos	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
218	VD-16685-12	Alverin	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.
219	VD-20494-14	Alverin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
220	VD-22059-14	Alverin - US	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
221	VD-18326-13	Alzocalm 0,5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
222	VD-18327-13	Alzocalm 1,0	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
223	VD-18328-13	Alzocalm 2,0	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
224	VD-26474-17	AM Itori 60	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
225	VD-18858-13	Amapirid 2mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
226	VD-18859-13	Amapirid 4mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
227	VD-15305-11	Ambroco	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
228	VD-26215-17	Ambrolex 0,6%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
229	VD-21200-14	Ambroxol	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
230	VD-22049-14	Ambroxol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
231	VD-24040-15	Ambroxol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
232	VD-24539-16	Ambroxol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
233	VD-24540-16	Ambroxol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
234	VD-27370-17	Ambroxol 30 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
235	VD-22812-15	AMBROXOL BOSTON	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
236	VD-26489-17	Ambroxol RVN	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
237	VD-26246-17	Ambroxol SK	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
238	VD-23552-15	Ambuxol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
239	VD-26970-17	Amebismo	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
240	VD-26971-17	Amebismo	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
241	VD-23446-15	Amedred	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
242	VD-20229-13	Ameferex	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
243	VD-20230-13	Ameferex folic	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
244	VD-22958-15	Amefibrex 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
245	VD-22191-15	Amefibrex 200	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
246	VD-20455-14	Amefibrex 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
247	VD-22504-15	Ameflu	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
248	VD-21869-14	Ameflu Day Time	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
249	VD-27253-17	Amelicol	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
250	VD-21875-14	Ameprazol 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
251	VD-21876-14	Ameprazol 40	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
252	VD-22966-15	Amesartil 75	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
253	VD-22960-15	Amespasm	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
254	VD-19406-13	Ametrazol spira	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
255	VD-19407-13	Ametrazol spira forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
256	VD-18981-13	Ametuss	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
257	VD-23626-15	Ametuss 5 cough relief	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
258	VD-24122-16	Amfastat 20	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
259	VD-26972-17	Amidorol	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
260	QLĐB-772-19	Amifull	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
261	VD-27505-17	Amilavil 10 mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
262	VD-27298-17	Aminoleban	Công ty Cổ phần Otsuka OPV	Công ty Cổ phần Otsuka OPV
263	VD-19242-13	Aminosteril 10%	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
264	VD-24404-16	Aminowel Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
265	VD-15932-11	Amiparen - 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam
266	VD-26114-17	Amiritboston 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
267	VD-26115-17	Amiritboston 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
268	VD-22600-15	Amisine 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
269	VD-26865-17	Amitriptylin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
270	VD-23998-15	Amkuk	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
271	VD-27371-17	Amlodipin 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
272	VD-26805-17	Ammuson	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
273	VD-22220-15	Amogentine 250mg/62,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
274	VD-23669-15	Amogentine 875mg/125mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
275	VD-23778-15	Amohexine	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
276	VD-17953-12	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
277	VD-18249-13	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
278	VD-18307-13	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
279	VD-18308-13	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
280	VD-23670-15	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
281	VD-18309-13	Amoxicilin 250mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
282	VD-17537-12	Amoxicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
283	VD-21369-14	Amoxicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
284	VD-24579-16	Amoxicilin 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
285	VD-18302-13	Amoxicillin 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
286	VD-17538-12	Amoxicillin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
287	VD-20313-13	Amoxicillin 250mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
288	VD-20020-13	Amoxicillin 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
289	VD-14480-11	Amoxicillin MKP 500	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
290	VD-20472-14	Amoxycilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
291	VD-18072-12	Ampelop	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
292	VD-23887-15	Ampelop	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
293	VD-16804-12	Ampicilin 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
294	VD-16805-12	Ampicilin 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
295	VD-18613-13	Ampicilin 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
296	VD-17539-12	Ampicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
297	VD-20849-14	Ampicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
298	VD-23671-15	Ampicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
299	VD-20888-14	Ampicilin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
300	VD-16806-12	Ampicilin 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
301	VD-24396-16	Ampicilin 500 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
302	VD-17526-12	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
303	VD-20473-14	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
304	VD-21370-14	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
305	VD-22221-15	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
306	VD-22532-15	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
307	VD-23999-15	Ampicilline 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
308	VD-21123-14	Ampiryl 4mg	Công ty TNHH một thành viên dược phẩm và sinh học y tế	Công ty TNHH một thành viên dược phẩm và sinh học y tế
309	VD-26579-17	Amsibed 20	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
310	VD-20252-13	Amucopect-New for children	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
311	VD-24496-16	Amursolic	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
312	VD-18697-13	Amvifuxime 250	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
313	VD-27343-17	Amydatyl	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
314	VD-23570-15	Andol S	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
315	VD-20517-14	Andonbio	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
316	VD-17240-12	Andonmuc	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
317	VD-19484-13	Anelipra 5	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
318	VD-22795-15	Anepzil	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
319	VD-26593-17	Angut	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
320	VD-22142-15	Anpemux	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
321	VD-21074-14	Antanazol	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
322	VD-18221-13	Antidartre	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
323	VD-26748-17	Antigmin	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
324	VD-26749-17	Antilox	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
325	VD-26750-17	Antilox forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
326	VD-24134-16	Antimuc 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
327	VD-26108-17	Antivic 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
328	VD-26751-17	Antivic 75	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
329	VD-27091-17	Antopi 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
330	VD-27092-17	Antopi 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
331	VD-21719-14	Anyfen	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
332	VD-18939-13	APFFU	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
333	VD-24010-15	Apitim 5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
334	VD-26973-17	Apuric 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
335	VD-26974-17	Apuric 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
336	VD-21509-14	Argide	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
337	VD-22649-15	Argide	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
338	VD-23307-15	Arginice	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
339	VD-20592-14	Arginine	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC (NIC Pharma)	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC (NIC Pharma)
340	VD-23336-15	Argistad 1G	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
341	VD-20540-14	Argistad 250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
342	VD-20372-13	Argistad 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
343	VD-23293-15	Aricamun	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
344	VD-19851-13	Aronatboston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
345	VD-19325-13	Aronatboston Plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
346	VD-20782-14	Arthrivit	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
347	VD-20783-14	Arthrivit	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
348	VD-19108-13	Arthrobic 15	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
349	VD-19109-13	Arthrobic 7,5	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
350	VD-17746-12	Arthur	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
351	VD-23815-15	Artrofort 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
352	VD-22401-15	Arximuoc	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
353	VD-23738-15	Asakoya	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
354	VD-23882-15	Asapnano	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
355	VD-21332-14	Asbunyl	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
356	VD-26217-17	Ascarantel 6	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
357	VD-23530-15	Ascorbin-1000	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
358	VD-23151-15	Asigastrogit	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
359	VD-26580-17	Asperlican 150	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
360	VD-17816-12	Aspilets EC	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
361	VD-22339-15	Aspirin 81 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
362	VD-24048-15	Aspirin pH8	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ALASKA PHARMA U.S.A	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
363	VD-27517-17	Aspirin Stada 81 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
364	VD-22495-15	Asthmastop 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
365	VD-21870-14	Asthmastop 5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
366	VD-26555-17	Asthmatin 10	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
367	VD-26556-17	Asthmatin 4	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
368	VD-26557-17	Asthmatin 5	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
369	VD-18938-13	ATASIC 200	Công ty TNHH US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
370	VD-19892-13	Atenolol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
371	VD-26752-17	Atibutrex	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
372	VD-24592-16	Aticef 250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
373	VD-24135-16	Atifolin inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
374	VD-26753-17	Atihepam inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
375	VD-26754-17	Atilene	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
376	VD-24136-16	Atimezon inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
377	VD-27633-17	Atinon 10	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
378	VD-26755-17	Atirin 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
379	VD-26109-17	Atisolu 40 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
380	VD-23327-15	Atorhasan 10	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm
381	VD-26975-17	Atorhinal	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
382	VD-22695-15	Atorlip 10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
383	VD-23380-15	Atorlip 20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
384	VD-19317-13	Atorlog 20	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
385	VD-21312-14	Atorvastatin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
386	VD-21313-14	Atorvastatin 20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
387	VD-24479-16	Atorvastatin 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
388	VD-21985-14	Atorvastatin RVN 20	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
389	VD-24142-16	Atorvpc 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
390	VD-24143-16	Atorvpc 20	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
391	VD-24241-16	Atovast 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
392	VD-27208-17	ATP	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
393	VD-22582-15	Atropin sulfat	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
394	VD-18616-13	Atropin sulfat 0,25 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
395	VD-24376-16	Atropin Sulphat	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
396	VD-24588-16	Atropine-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
397	VD-23415-15	Atussin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
398	VD-24046-15	Atussin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
399	VD-24000-15	Atzozem	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
400	VD-27057-17	Auclanityl 562,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
401	VD-27058-17	Auclanityl 875/125mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
402	VD-24491-16	Audogyl	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
403	VD-17112-12	Augbactam 156,25	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
404	VD-23175-15	Augbactam 1g	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
405	VD-17113-12	Augbactam 281,25	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
406	VD-21430-14	Augbactam 625	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
407	VD-19318-13	Augbidil	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
408	VD-27254-17	Augbidil 1g	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
409	VD-26363-17	Augbidil 250mg/31,25mg	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
410	VD-17976-12	Augxicine 250mg/31,25mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
411	GC-237-15	Aulakan	(Cơ sở đặt gia công) Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
412	GC-238-15	Aulakan-F	(Cơ sở đặt gia công) Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
413	VD-21743-14	Auliplus	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
414	VD-27278-17	Aumakin 625	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
415	VD-18548-13	Aumoxtine 250	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
416	VD-23252-15	Aumoxtine 625 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
417	VD-26727-17	Aupiflox 400mg/250ml	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
418	VD-20069-13	Austen	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
419	VD-23264-15	Austen-S	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
420	VD-19204-13	AustrapharmMesone	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
421	VD-19205-13	AustrapharmMesone 16	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
422	VD-23265-15	Austriol	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
423	VD-19756-13	Ausxicam	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
424	VD-26116-17	Avasboston 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
425	VD-26117-17	Avasboston 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
426	VD-26728-17	Avicemor 750mg/150ml	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
427	VD-20405-14	Avimci	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
428	VD-21034-14	Axe Brand Inhaler (Ống hít mũi hiệu cây búa)	Công ty Dược phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam	Công ty Dược phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam
429	VD-20068-13	Axe Brand Red Flower Oil (Dầu nóng hồng hoa hiệu cây búa)	Công ty Dược phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam	Công ty Dược phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam
430	VD-19257-13	Axomus	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
431	VD-23280-15	Ayale	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
432	VD-20520-14	Ayite	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
433	VD-20976-14	Azibiotic	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
434	VD-19693-13	Azicine 250 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
435	VD-20231-13	Azicrom 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
436	VD-21871-14	Azicrom 250	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
437	VD-20232-13	Azicrom 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
438	VD-23799-15	Aziphar	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
439	VD-27557-17	Azithromycin 100	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
440	VD-10806-10	Aztalxan	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
441	VD-17580-12	AZTRAM	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
442	VD-18367-13	B Complex C	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
443	VD-18904-13	B.Vitab	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
444	VD-22898-15	B1B6B12	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
445	VD-21255-14	Babemol	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
446	VD-21256-14	Babemol	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
447	VD-24594-16	Baburex	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
448	VD-24113-16	Baburol	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
449	VD-23627-15	Babyfever	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
450	VD-27075-17	Babytrim - New	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
451	VD-17543-12	Babytrim- New Alpha	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
452	VD-22897-15	Bactamox 1 g	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
453	VD-20448-14	Bactamox 375	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
454	VD-20449-14	Bactamox 625	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
455	VD-22900-15	Bactamox 750 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
456	VD-23792-15	Bài thạch T/H	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
457	VD-18213-13	Bambutor	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
458	VD-24287-16	Banago 10	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
459	VD-22515-15	Banago 20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
460	VD-23070-15	Banalcine	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
461	VD-22374-15	Banitase	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
462	VD-21713-14	Bari sulfat	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
463	VD-22130-15	Bariptine	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
464	VD-21287-14	Basethyrox	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
465	VD-19469-13	Basmicin 200	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
466	VD-18768-13	Basmicin 400	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
467	VD-23958-15	Bazato	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm
468	VD-26035-17	Bcinnalgine	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
469	VD-23134-15	BDF-FDACell 50	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
470	VD-20547-14	Bé nóng	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
471	VD-26061-17	Becacipro	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
472	VD-19151-13	Beclopi 75	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
473	VD-18886-13	Beco-Arginine	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
474	VD-22632-15	Becocystein	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
475	VD-24499-16	Becohista	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
476	VD-21469-14	Becolitor 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
477	VD-21470-14	Becolitor 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
478	VD-26761-17	Becolorat	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
479	VD-22445-15	Becolugel	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
480	VD-22810-15	Becolugel - O	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
481	VD-18493-13	Becopanthyl	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Công ty liên doanh Meyer - BPC
482	VD-19148-13	Becoridone	Công ty CPDP Bến Tre	Công ty CPDP Bến Tre
483	VD-26475-17	Becorilid	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
484	VD-12504-10	Becoron C	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
485	VD-24500-16	Becosemid	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
486	VD-27402-17	Becotarel	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
487	VD-27403-17	Becovacine 1,5 MIU	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
488	VD-23295-15	Beenenit	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
489	VD-24020-15	Beetona	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
490	VD-18887-13	Befabrol	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
491	VD-23904-15	Befadol CF	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
492	VD-22446-15	Befadol Kid	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
493	VD-27404-17	Befaryl	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
494	VD-19154-13	Begaba 300	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
495	VD-18741-13	Belcozyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
496	VD-16772-12	Beliver	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
497	VD-24464-16	Benate	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
498	VD-23877-15	Benate fort cream	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
499	VD-23878-15	Benate fort ointment	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
500	VD-24209-16	Benca	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
501	VD-22381-15	Benda 500	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
502	VD-23879-15	Benita	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
503	VD-22402-15	Benthasone	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
504	VD-19272-13	Benzydamin Throat Spray 0.15%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
505	VD-19273-13	Benzydamin Throat Spray 0.3%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
506	VD-27140-17	Benzylpenicilin 1.000.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
507	VD-20037-13	Bepracid 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
508	VD-19319-13	Berberin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
509	VD-24397-16	Berberin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
510	VD-26036-17	Berberin	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
511	VD-27596-17	Berberin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
512	VD-22823-15	Berberin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
513	VD-21982-14	Berberin 100 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
514	VD-19572-13	Berberin clorid	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
515	VD-16791-12	Berberin mộc hương	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
516	VD-22796-15	Besalicyd	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
517	VD-27395-17	Besamux 200	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
518	VD-19603-13	Besfoben	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
519	VD-26809-17	Best GSV	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
520	VD-27255-17	Bestdocel 20	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
521	QLĐB-766-19	Bestdocel 20mg/1ml	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
522	VD-21823-14	Bestdocel 80	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
523	QLĐB-767-19	Bestdocel 80mg/4ml	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
524	VD-23648-15	Bestpirin	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
525	VD-27279-17	Betacylic	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
526	VD-27033-17	Betahistin 24	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
527	VD-24501-16	Betahistin-AM	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
528	VD-22365-15	Betahistine 16	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
529	VD-22734-15	Betamethason 0,5mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
530	VD-22735-15	Betamethason 0,5mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
531	VD-20977-14	Betamethason Exp	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
532	VD-23268-15	Betamethason Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
533	VD-23269-15	Betamethason Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
534	VD-26045-17	Betamex	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
535	VD-23939-15	Betanic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
536	VD-24541-16	Betanic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
537	VD-18187-13	Betaphenin	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
538	VD-24356-16	Betoflex 0,05%	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
539	VD-24220-16	Beuticystine	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
540	VD-21510-14	Bexilan 250	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
541	VD-26810-17	Bexinclin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
542	VD-26043-17	Bezarich	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
543	VD-24589-16	BFS-Cafein	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
544	VD-22023-14	BFS-Calciclorid	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
545	VD-21547-14	BFS-Calcium folinate	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
546	VD-24007-15	BFS-Drotaverine	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
547	VD-21548-14	BFS-Furosemide	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
548	VD-26122-17	BFS-Grani (không chất bảo quản)	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
549	VD-22024-14	BFS-Hyoscin	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
550	VD-26769-17	BFS-Hyoscin 40mg/2ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
551	VD-26123-17	BFS-Nabica 8,4%	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
552	VD-23379-15	BFS-Naloxone	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
553	VD-24008-15	BFS-Neostigmine 0.25	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
554	VD-24009-15	BFS-Neostigmine 0.5	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
555	VD-26770-17	BFS-Netilmicin	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
556	VD-26771-17	BFS-Noradrenaline 10mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
557	VD-21778-14	BFS-Noradrenaline 1mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
558	VD-21549-14	BFS-Piracetam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
559	VD-19024-13	Biacefpo 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
560	VD-19025-13	Biacefpo 200	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
561	VD-27256-17	Bicebid 200	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
562	VD-19320-13	Bicefdox 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
563	VD-19841-13	Biceflexin 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
564	VD-18250-13	Biceflexin powder	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
565	VD-26558-17	Bicimax	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
566	VD-21231-14	Bidi BC Complex	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
567	VD-22118-15	Bidiclor 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
568	VD-19842-13	Bidicorbic 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
569	VD-19768-13	Bidilucil	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
570	VD-19843-13	Bidimoxy 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
571	VD-23774-15	Bidiseptol	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
572	VD-26364-17	Bidivon	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
573	VD-19844-13	Bifotirin 1g	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
574	VD-21232-14	Bifumax 1,5g	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
575	VD-21966-14	BigAvalo	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
576	VD-21233-14	Bigemax 1G	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
577	VD-21234-14	Bigemax 200	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
578	VD-21235-14	Bigentil 100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
579	VD-21605-14	Bigiko 40	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
580	VD-23434-15	Bigiko 80	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
581	VD-26365-17	Biluracil 250	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
582	VD-19296-13	Biocalcium	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
583	VD-22274-15	Biofil	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
584	VD-27626-17	Biosride	Công ty TNHH TM dược phẩm Nguyễn Vy	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
585	VD-26524-17	Biotin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
586	VD-20597-14	Biprotana	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
587	VD-23135-15	Biracin - E	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
588	VD-21236-14	Biragan 150	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
589	VD-23136-15	Biragan 300	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
590	VD-24392-16	Biragan 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
591	VD-24393-16	Biragan 650	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
592	VD-21237-14	Biragan codein	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
593	VD-23139-15	Bironem 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
594	VD-22050-14	Bisacodyl	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
595	VD-21129-14	BisacodylDHG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
596	VD-19431-13	Bisarolax	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
597	VD-20933-14	Bisepthabi	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
598	VD-19942-13	Biseptol 480	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
599	VD-27257-17	Bisilkon	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
600	VD-21806-14	Bisinthvon 8	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
601	VD-22814-15	Bisoboston 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
602	VD-16168-11	Bisoloc	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
603	VD-16169-11	Bisoloc	Công ty TNHH **United** International Pharma	Công ty TNHH **United** International Pharma
604	VD-17805-12	Bisoloc plus	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
605	VD-18160-12	Bisoloc plus	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
606	VD-18530-13	Bisoplus HCT 5/12.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
607	VD-22474-15	Bisoprolol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
608	VD-20806-14	Bisoprolol Plus HCT 2.5/6.25	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)
609	VD-20807-14	Bisoprolol Plus HCT 5/6.25	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)
610	VD-24559-16	Bisostad 2.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
611	VD-23337-15	Bisostad 5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
612	VD-21772-14	Bitalvic	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
613	VD-19953-13	Biticans	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
614	VD-18929-13	Bitolysis 1,5%	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
615	VD-18930-13	Bitolysis 1,5% low calci	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
616	VD-18931-13	Bitolysis 2,5%	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
617	VD-18932-13	Bitolysis 2,5% Low calci	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
618	VD-18933-13	Bitolysis 4,25%	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1
619	VD-18934-13	Bitolysis 4,25% Low calci	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1
620	VD-22060-14	Bitrepso	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty TNHH US Pharma USA
621	VD-20831-14	Bivantox	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
622	VD-15065-11	Biviantac	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
623	VD-19949-13	Bivibact 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
624	VD-19950-13	Bivibact 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
625	VD-19803-13	Bivicipag	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
626	VD-21900-14	Bivicode 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
627	VD-18890-13	Bivicox 200	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
628	VD-18664-13	Bivikiddy +	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
629	VD-19472-13	Biviminal 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
630	VD-22717-15	Bivinadol	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
631	VD-26651-17	Bivitelmi 40	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
632	VD-26049-17	Bivitelmi 80	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
633	QLĐB-553-16	BivoEro 150	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
634	QLĐB-758-19	BivoUri 80	Công ty TNHH BRV Healthcare (Cty BRV)	Công ty TNHH BRV Healthcare (Cty BRV)
635	VD-21238-14	Bixicam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
636	VD-27276-17	Biztolbaby	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
637	QLĐB-760-19	BK-1	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
638	QLĐB-761-19	BK2	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
639	QLĐB-768-19	Bleomycin Bidiphar	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
640	VD-23100-15	Bluecap	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
641	VD-22366-15	Bocalex C 1000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
642	VD-21239-14	Bocartin 150	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
643	VD-21240-14	Bocartin 50	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1
644	VD-21241-14	Bocartin 50	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
645	VD-18816-13	Bocinor	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
646	VD-19789-13	Boganic	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
647	VD-19790-13	Boganic	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
648	VD-19791-13	Boganic Forte	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
649	VD-27500-17	Bominity	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
650	VD-26811-17	Bone-Glu	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
651	VD-21246-14	Bosagas 40	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
652	VD-21247-14	Bosagas 80	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
653	VD-19852-13	Bosgyno	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
654	VD-24140-16	Bosrontin	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
655	VD-22815-15	Bostadin	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
656	VD-23513-15	Bostrypsin	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
657	VD-22811-15	Bosuca	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
658	VD-23796-15	Bột Talc	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
659	VD-22091-15	Bovega	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
660	VD-21333-14	Braintrop 400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
661	VD-26219-17	Braintrop 800	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
662	VD-17907-12	Bratorex-Dexa	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
663	VD-23812-15	Bretam	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
664	VD-21639-14	Brezimed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
665	VD-21797-14	Brikorizin	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
666	VD-12946-10	Brocamyst	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
667	VD-26812-17	Brodicef 250	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
668	VD-26813-17	Brodicef 500	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
669	VD-27405-17	Brofun	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
670	VD-23326-15	Brometic 2mg/10ml	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
671	VD-21130-14	Bromhexin 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
672	VD-21511-14	Bromhexin 4	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
673	VD-20548-14	Bromhexin 8	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
674	VD-22255-15	Bromhexin 8	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
675	VD-27634-17	Bromhexin-US 8mg	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
676	VD-21334-14	Broncholax	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
677	VD-26976-17	Bronsolvin 8	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
678	VD-27220-17	Brosuvon	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
679	VD-17042-12	Bucarvin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.
680	VD-24542-16	Busconic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
681	VD-22839-15	Butridat 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
682	VD-22840-15	Butridat 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
683	VD-21308-14	Bvit 1 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
684	VD-26165-17	Bvit 6 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
685	VD-21662-14	C - Calci	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
686	VD-21265-14	C 500 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
687	VD-23519-15	C.ales 20mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
688	VD-16995-12	C.C.life	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3.
689	VD-21577-14	Cabendaz	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
690	VD-19399-13	Cabovis viên thanh nhiệt giải độc	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
691	VD-22061-14	Cadicefaclor 250 mg	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
692	VD-27635-17	Cadicefpo 100	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
693	VD-20400-13	Cadiconazol	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
694	VD-27636-17	Cadidox	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
695	VD-20100-13	Cadidroxyl 250	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
696	VD-21578-14	Cadidroxyl 500	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
697	VD-24049-15	Cadifagyn	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
698	VD-24657-16	Cadifamo	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
699	VD-24658-16	Cadiflex	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAM THÀNH PHỐ	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
700	VD-24050-15	Cadiflex 500	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
701	VD-24051-15	Cadifradin 500	CÔNG TY TNHH HUY VĂN	Công ty CỔ PHẦN US Pharma USA
702	VD-23421-15	Cadigesic Extra	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
703	VD-19745-13	Cadimelcox	Công ty Cổ phần US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
704	VD-21579-14	Cadimin C 500	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
705	VD-20102-13	Cadimusol	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
706	VD-24052-15	Cadimusol	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
707	VD-18263-13	Cadineuron	Công ty TNHH US pharma USA	Công ty TNHH US pharma USA
708	VD-18705-13	Cadipredson 16	Công ty Cổ Phần US pharma USA	Công ty Cổ Phần US pharma USA
709	VD-18706-13	Cadipredson 4	Công ty Cổ phần US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
710	VD-19235-13	Cadirizin	Công ty Cổ phần US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
711	VD-24659-16	Cadirocin 150	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
712	VD-20103-13	Cadirovib	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
713	VD-21580-14	Cadiroxim 500	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
714	VD-26630-17	Cadisimvas	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
715	VD-18264-13	Cadismectite	Công ty Cổ phần Us Pharma USA	Công ty Cổ phần Us Pharma USA
716	VD-20104-13	Caditadin	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
717	VD-24660-16	Cadivastal	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
718	VD-20256-13	Cafein 70 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
719	VD-20987-14	Caflaamtil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
720	VD-23196-15	Cafunten	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
721	VD-21085-14	CALCI - D	CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM NIC (NIC-PHARMA)	CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM NIC (NIC-PHARMA)
722	VD-23447-15	Calci & Vitamin D	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
723	VD-19573-13	Calci carbonat	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
724	VD-19097-13	Calci clorid	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
725	VD-22935-15	Calci clorid 500mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
726	VD-24225-16	Calci folinat 100mg/10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
727	VD-24226-16	Calci folinat 50mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
728	VD-19098-13	Calci hydrogen phosphat	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
729	VD-19845-13	Calci vita	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
730	VD-22961-15	Calcical	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
731	VD-17012-12	Calcigenol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
732	VD-21824-14	Calcilinat F100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
733	VD-26977-17	Calcimax	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
734	VD-21606-14	Calcium - BVP	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
735	VD-15319-11	Calcium- D	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
736	VD-27518-17	Calcium Stada 500 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
737	VD-26764-17	Calciumboston ascorbic	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
738	QLĐB-762-19	Calitaxel	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen
739	QLĐB-763-19	Calitaxel	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen
740	VD-18253-13	Camlyhepatinsof	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
741	VD-17592-12	Cammic	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
742	VD-23729-15	Cammic	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
743	VD-20254-13	Canabios 25	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
744	VD-19473-13	Canabios 30	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
745	VD-20255-13	Canabios 50	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
746	VD-18593-13	Canasone C.B.	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
747	VD-21075-14	Cancetil	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
748	VD-21076-14	Cancetil	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
749	VD-21760-14	Cancetil plus	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
750	VD-26185-17	Candesartan cilexetil 32 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
751	VD-26573-17	Candesartan Stada 8mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
752	VD-21630-14	Canpaxel 100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
753	QLĐB-582-16	Canpaxel 150	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
754	VD-21631-14	Canpaxel 30	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
755	QLĐB-583-16	Canpaxel 300	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
756	VD-19943-13	Canxi SBK 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
757	VD-19944-13	Canxi SBK 50	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
758	VD-20963-14	Cao đặc Actiso	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
759	VD-27277-17	Cao đặc bồ công anh	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
760	VD-21956-14	Cao đặc cà gai leo	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
761	VD-20964-14	Cao đặc Diệp hạ châu	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
762	VD-20965-14	Cao đặc Đinh lăng	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
763	VD-23162-15	Cao đặc hy thiêm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
764	VD-21435-14	Cao đặc nấm linh chi	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
765	VD-26378-17	Cao đặc ngải cứu (tương đương 50 kg ngải cứu) 5kg	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
766	VD-21957-14	Cao đặc nhân sâm	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
767	VD-24407-16	Cao đặc nhân trần	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
768	VD-26379-17	Cao đặc nhọ nồi	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
769	VD-21714-14	Cao đặc thiên niên kiện	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
770	VD-18321-13	Cao linh chi lingzhi extract	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
771	VD-22992-15	Cao sao vàng	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
772	VD-26922-17	Cao sao vàng	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
773	V1429-H12-10	Cao sao vàng TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
774	VD-26814-17	Capriles	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
775	VD-19258-13	Capsicin gel 0,025%	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
776	VD-24114-16	Captagim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
777	VD-20545-14	Captopril	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
778	VD-21224-14	Captopril 25mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
779	VD-23023-15	Captopril 25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
780	VD-27519-17	Captopril Stada 25 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
781	VD-18524-13	Captoril	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
782	VD-23439-15	Carbamazepin 200 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
783	VD-26166-17	Carbocistein 100 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
784	VD-22496-15	Cardicare 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
785	VD-22497-15	Cardicare 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
786	VD-21663-14	Cardigix 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
787	VD-21664-14	Cardigix 5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
788	VD-22720-15	Carditem	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
789	VD-23869-15	Cardivasor	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
790	VD-22841-15	Caretril 10	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
791	VD-22842-15	Caretril 30	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
792	VD-19933-13	Carlutin	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
793	VD-20456-14	Cartijoints extra	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
794	VD-19777-13	Carvedol 25 mg	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
795	VD-22843-15	Carvelmed 12.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
796	VD-22844-15	Carvelmed 6.25	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
797	VD-22669-15	Carvestad 12.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
798	VD-27434-17	Casilas-20	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
799	VD-23294-15	CATOLIS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
800	VD-23101-15	Caviar 40	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
801	VD-24425-16	Cazerol	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
802	VD-20339-13	Cebral	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
803	VD-21453-14	Cebraton	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
804	VD-21454-14	Cebraton	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
805	VD-21980-14	Cebraton Liquid	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
806	VD-18359-13	Cecolfen F	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
807	VD-22170-15	Cedetamin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
808	VD-22906-15	Cedetamin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
809	VD-26866-17	Cedetamin tablets	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
810	VD-19889-13	Cedipect	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
811	VD-19230-13	Ceelin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
812	VD-19743-13	Ceelin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
813	VD-19503-13	Cefaclor 125 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
814	VD-19626-13	Cefaclor 125 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
815	VD-22064-14	Cefaclor 125 - US	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
816	VD-18201-13	Cefaclor 125mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
817	VD-20850-14	Cefaclor 125mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
818	VD-21657-14	Cefaclor 125mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
819	VD-18202-13	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
820	VD-18203-13	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
821	VD-19047-13	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
822	VD-19627-13	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
823	VD-24144-16	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
824	VD-26895-17	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
825	VD-18971-13	Cefaclor 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
826	VD-14047-11	Cefaclor 375mg	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
827	VD-20851-14	Cefaclor 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
828	VD-26398-17	Cefaclor Stada 500mg capsules	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
829	VD-21373-14	Cefaclorvid 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
830	VD-22233-15	Cefaclorvid 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
831	VD-24145-16	Cefacyl 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
832	VD-22824-15	Cefacyl 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
833	VD-23518-15	Cefacyl 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
834	VD-19474-13	Cefadroxil 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
835	VD-27477-17	Cefadroxil 500-HV	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US Pharma USA
836	VD-22522-15	Cefadroxil 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
837	VD-21305-14	CEFADROXIL 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
838	VD-26186-17	Cefadroxil 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
839	VD-23680-15	Cefadroxil 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
840	VD-24480-16	Cefadroxil 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
841	VD-18972-13	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
842	VD-21371-14	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
843	VD-21896-14	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
844	VD-23712-15	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
845	VD-24001-15	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
846	VD-27300-17	Cefadroxil PMP 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
847	VD-27301-17	Cefadroxil PMP 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
848	VD-26399-17	Cefakid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
849	VD-27372-17	Cefalexin 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
850	VD-23713-15	Cefalexin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
851	VD-22305-15	Cefalexin 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
852	VD-19968-13	Cefalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
853	VD-23071-15	Cefalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
854	VD-24002-15	Cefalexin 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
855	VD-21582-14	Cefantif 300 cap	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ MINH VIỆT	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
856	VD-26400-17	Cefastad 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
857	VD-23827-15	Cefastad 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
858	VD-26401-17	Cefastad 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
859	VD-22281-15	Cefastad 750	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
860	VD-20503-14	Cefatam 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
861	VD-20504-14	Cefatam 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
862	VD-23824-15	Cefatam Kid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
863	VD-20836-14	Cefazolin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
864	VD-24227-16	Cefazolin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
865	VD-24297-16	Cefazolin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
866	VD-18399-13	Cefazolin VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
867	VD-20889-14	Cefbactam VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
868	VD-24119-16	Cefbuten 200	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
869	VD-24120-16	Cefbuten 400	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
870	VD-20690-14	Cefclor 250	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
871	VD-20692-14	Cefclor 500 mg	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
872	VD-24181-16	Cefdina 125	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
873	VD-23553-15	Cefdina 250	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
874	VD-22123-15	Cefdinir 125	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
875	VD-27558-17	Cefdinir 125	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
876	VD-24655-16	Cefdinir 125-MV	Công ty TNHH TM DP Quốc tế Minh Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
877	VD-27559-17	Cefdinir 300	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
878	VD-20105-13	Cefdinir 300 - HV	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty TNHH US pharma USA
879	VD-22833-15	Cefdinir 300 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
880	VD-21899-14	Cefepim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
881	VD-24308-16	Cefimbrano 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
882	VD-22232-15	Cefimbrano 200	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
883	VD-20251-13	Cefixim 100	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
884	VD-21583-14	CEFIXIM 400-CGP	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
885	VD-18459-13	Cefixime MKP 100	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
886	VD-18460-13	Cefixime MKP 50	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
887	VD-24336-16	Cefixime Uphace 50	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
888	VD-18943-13	Cefjidim 1g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
889	VD-18944-13	Cefjidim 2g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
890	VD-23688-15	Cefnirvid 300	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
891	VD-23595-15	Cefodomid 100	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
892	VD-23596-15	Cefodomid 100mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
893	VD-24228-16	Cefodomid 200	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
894	VD-23597-15	Cefodomid 50	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
895	VD-22936-15	Cefodomid 50mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
896	VD-23203-15	Cefoperazon Stada 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
897	VD-18695-13	Cefoperazone + Sulbactam	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
898	VD-20837-14	Cefotaxim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
899	VD-18400-13	Cefotaxim VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
900	VD-22937-15	Cefotaxime 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
901	VD-24229-16	Cefotaxime 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
902	VD-24410-16	Cefotaxime 1g	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
903	VD-20270-13	Cefotaxime ACS Dobfar	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
904	VD-26187-17	Cefotiam 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
905	VD-26841-17	Cefoxitin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
906	VD-26842-17	Cefoxitin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
907	VD-26816-17	Cefpivoxil 400	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
908	VD-20106-13	Cefpodoxim 100 - HV	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty TNHH US pharma USA
909	VD-20865-14	Cefpodoxim 100mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
910	VD-20866-14	Cefpodoxim 200	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
911	VD-20107-13	Cefpodoxim 200 - HV	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
912	VD-20022-13	Cefpodoxime-MKP 100	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
913	VD-20023-13	Cefpodoxime-MKP 50	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
914	VD-27637-17	Cefprozil 250-US	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
915	VD-27638-17	Cefprozil 500-US	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
916	VD-18401-13	Cefradin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
917	VD-21584-14	Cefradin 500 - US	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty TNHH US Pharma USA
918	VD-20772-14	Cefradin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
919	VD-22938-15	Ceframid 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
920	VD-18402-13	Ceftazidim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
921	VD-18403-13	Ceftazidim VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
922	VD-23040-15	Ceftazidime 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
923	VD-23016-15	Ceftibiotic 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
924	VD-23017-15	Ceftibiotic 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
925	VD-22820-15	CEFTIKAS 100	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
926	VD-23726-15	Ceftizoxim 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
927	VD-26843-17	Ceftizoxim 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
928	VD-17035-12	Ceftizoxim 1G	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
929	VD-21699-14	Ceftizoxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
930	VD-26844-17	Ceftizoxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
931	VD-17036-12	Ceftizoxim VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
932	VD-26402-17	Ceftriaxon EG 1g/10ml	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
933	VD-26403-17	Ceftriaxon EG 1g/3,5ml	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
934	VD-24426-16	Ceftristad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
935	VD-20253-13	Ceftume 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
936	VD-19945-13	Cefucofa	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
937	VD-24028-15	Cefurel 1.5g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
938	VD-27639-17	Cefurich 500	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
939	VD-23816-15	Cefuro-B 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
940	VD-23817-15	Cefuro-B 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
941	VD-20978-14	Cefurobiotic 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
942	VD-20979-14	Cefurobiotic 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
943	VD-23727-15	Cefuroxim 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
944	VD-26283-17	Cefuroxim 1,5G	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
945	VD-26779-17	Cefuroxim 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
946	VD-23204-15	Cefuroxim Stada 750 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
947	VD-22939-15	Cefuroxime 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
948	VD-22940-15	Cefuroxime 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
949	VD-27077-17	Cefwin 200 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
950	VD-24427-16	Cefzidimstad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
951	VD-20108-13	Celecoxib 100 - HV	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
952	VD-23270-15	Celecoxib 100 Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
953	VD-21911-14	Celecoxib 100mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
954	VD-20109-13	Celecoxib 200 - HV	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
955	VD-22066-14	Celecoxib 200 - US	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
956	VD-26477-17	Celecoxib 200 Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
957	VD-22773-15	Celecoxib 200 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
958	VD-19757-13	Celecoxib 200mg	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
959	VD-21912-14	Celecoxib 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
960	VD-27259-17	Celerzin	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
961	VD-23047-15	Celextavin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
962	VD-23308-15	Celezmin-Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
963	VD-27302-17	Celorstad kid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
964	VD-23381-15	Celosti 100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
965	VD-20686-14	Cemofar 150	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
966	VD-21634-14	Cemofar 325	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
967	VD-24231-16	Cendromid 100	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
968	VD-23740-15	Cenesthen	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
969	GC-230-14	Centasia	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Cơ sở đặt gia công)	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Cơ sở nhận gia công)
970	VD-19376-13	Cent'Housand	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
971	VD-22498-15	Centocalcium vitamin D	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
972	VD-21658-14	Cepemid 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
973	VD-26896-17	Cepemid 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
974	VD-16807-12	Cephalexin 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
975	VD-17357-12	Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
976	VD-18311-13	Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
977	VD-20852-14	Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
978	VD-23176-15	Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
979	VD-16808-12	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
980	VD-18300-13	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - CÔNG TY CPDP IMEXPHARM tại Bình Dương
981	VD-20880-14	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
982	VD-21904-14	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
983	VD-23079-15	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
984	VD-24337-16	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
985	VD-18312-13	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
986	VD-22534-15	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
987	VD-26306-17	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
988	VD-26366-17	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
989	VD-27280-17	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
990	VD-18812-13	Cephalexin 750	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
991	VD-17119-12	Cephalexin MKP 500	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
992	VD-23826-15	Cephalexin PMP 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
993	VD-24429-16	Cephalexin PMP 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
994	VD-23828-15	Cephalexin PMP 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
995	VD-24430-16	Cephalexin PMP 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
996	VD-23205-15	Cephalexin Stada Kid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
997	VD-26188-17	Cephalothin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
998	VD-22187-15	Cephazomid 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
999	VD-24431-16	Cepimstad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1000	VD-24146-16	Ceplorvpc 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1001	VD-23394-15	Ceporel 1g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1002	VD-24637-16	Ceporel 2g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1003	VD-24432-16	Cepoxitil 100	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1004	VD-24433-16	Cepoxitil 200	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1005	VD-19590-13	Cepoxitil 50 Sachet	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1006	VD-20038-13	Ceraapix	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1007	VD-19773-13	Cerepax 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1008	VD-21665-14	Cerepax 250	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1009	VD-21666-14	Cerepax 750	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1010	VD-26978-17	Ceretrop 10%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1011	VD-23628-15	Ceretrop 800	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1012	VD-20314-13	Cesyrup	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1013	VD-20499-14	Cesyrup	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1014	VD-21667-14	Cetabudol	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1015	VD-20829-14	Cetachit 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1016	VD-21366-14	Cetachit 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1017	VD-23733-15	Ceteco glucosamin	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1018	VD-23734-15	Cetecoasuta 21	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1019	VD-23735-15	Cetecoasuta 42	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1020	VD-24347-16	Cetecoceticent 10	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1021	VD-23094-15	Cetecoviba 16	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1022	VD-23629-15	Cetigam 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1023	VD-19819-13	Cetirizin	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1024	VD-20648-14	Cetirizin	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1025	VD-22736-15	Cetirizin	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
1026	VD-22737-15	Cetirizin	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
1027	VD-23701-15	Cetirizin	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
1028	VD-27597-17	Cetirizin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1029	VD-21586-14	Cetirizin - US	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1030	VD-19268-13	Cetirizin 10 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1031	VD-22403-15	Cetirizin 10 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1032	VD-24210-16	Cetirizin 10 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1033	VD-22215-15	Cetirizin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
1034	VD-26119-17	Cetirizin Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1035	VD-24507-16	Cetirizin RVN	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
1036	VD-21723-14	Cetirizine EG 10mg Tab.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1037	VD-22509-15	Cetirizine SK	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1038	VD-27537-17	Cetirizine Stada 10 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
1039	VD-21962-14	Cetrimaz	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1040	VD-23689-15	Cevit 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1041	VD-23690-15	Cevit 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1042	VD-24663-16	CEVOCAME	CÔNG TY CỔ PHẦN USPHARMA HÀ NỘI	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1043	VD-20881-14	Cezirnate 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1044	VD-23087-15	Cezirnate 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1045	VD-24516-16	Chalme	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1046	VD-26293-17	Chamcromus 0,03%	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1047	VD-26294-17	Chamcromus 0,1%	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1048	VD-23925-15	Chè dây	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
1049	VD-27586-17	Chemacin	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1050	VD-18254-13	Chitogast	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1051	VD-18255-13	Chitogast 60	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1052	VD-18805-13	Chloram-H	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1053	VD-27281-17	Chloramphenicol 250 mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1054	VD-26620-17	Chlorpheniramin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1055	VD-26621-17	Chlorpheniramin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1056	VD-27598-17	Chlorpheniramin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1057	VD-24459-16	CHOLAREST 40	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1058	VD-24021-15	Cholina	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1059	VD-22146-15	Chymodk	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1060	VD-22871-15	Chymodk	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1061	VD-20980-14	Chymotrypsin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1062	VD-21833-14	Ciclevir 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1063	VD-21834-14	Ciclevir 400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1064	VD-21835-14	Ciclevir 800	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1065	VD-22163-15	Cidetuss	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1066	VD-20549-14	Cifga	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1067	VD-20693-14	Cifnir 300 mg	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1068	VD-26871-17	Ciheptal 1200	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1069	VD-24628-16	Cimacin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1070	VD-22256-15	Cimetidin	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
1071	VD-23571-15	Cimetidin 300 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1072	VD-17977-12	Cimetidin 300mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1073	VD-18581-13	Cimetidin 300mg	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1074	VD-20308-13	Cimetidin Kabi 200	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1075	VD-19565-13	Cimetidin Kabi 300	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1076	VD-22680-15	Cimetidin Stada 400 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1077	VD-26897-17	Cimetidine 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1078	VD-19394-13	Cinarizin	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1079	VD-26359-17	CinatamDNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1080	VD-19236-13	Cinnarizin	Công ty Cổ phần US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
1081	VD-16230-12	Cinnarizin 25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1082	VD-24309-16	Cinnarizin 25mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1083	VD-19297-13	Cinnarizine	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1084	VD-27427-17	Cinnarizine RVN	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
1085	VD-20040-13	Cinnarizine STADA 25 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1086	VD-20168-13	Cipostril	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩmAgimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1087	VD-19552-13	Ciprofloxacin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1088	VD-22774-15	Ciprofloxacin	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1089	VD-26239-17	Ciprofloxacin	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1090	VD-19322-13	Ciprofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1091	VD-22941-15	Ciprofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1092	VD-27230-17	Ciprofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1093	VD-24053-15	Ciprofloxacin 250-US	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1094	VD-19323-13	Ciprofloxacin 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1095	VD-20110-13	Ciprofloxacin 500 - HV	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty TNHH US pharma USA
1096	VD-22166-15	Ciprofloxacin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1097	VD-20634-14	Ciprofloxacin 500mg	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
1098	VD-22942-15	Ciprofloxacin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1099	VD-24137-16	Ciprofloxacin A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
1100	VD-20943-14	Ciprofloxacin Kabi	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1101	VD-26248-17	Ciprofloxacin SK	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1102	VD-21941-14	Ciprofloxacin-DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1103	VD-23132-15	Ciprolthabi 500 mg	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
1104	VD-22816-15	Ciprom 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1105	VD-23818-15	Cipthasone	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1106	VD-27520-17	Citalopram Stada 10 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1107	VD-27521-17	Citalopram Stada 20 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1108	VD-12948-10	Citi- Brain 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1109	VD-18455-13	Citicolin Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1110	VD-23397-15	Citimedlac 500	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1111	VD-27331-17	Citoles	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1112	VD-19930-13	Citrolheps 0,25 mcg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
1113	VD-27560-17	Clabact 250	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1114	VD-27561-17	Clabact 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1115	VD-19380-13	Claminat 1 g	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1116	VD-20745-14	Claminat 1,2 g	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1117	VD-19381-13	Claminat 250 mg/ 31,25 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1118	VD-26856-17	Claminat 250 mg/62,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1119	VD-26857-17	Claminat 500 mg/ 125 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1120	VD-20204-13	Claminat 500 mg/ 62,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1121	VD-19382-13	Claminat 625 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1122	VD-21512-14	Clamixtan - Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1123	VD-27141-17	Clamogentin 1,2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1124	VD-20550-14	Clanoz	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1125	VD-21913-14	Clarithro 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1126	VD-22171-15	Clarithromycin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1127	VD-26559-17	Clarithromycin Stada 500 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1128	VD-21914-14	Clarividi 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1129	VD-23102-15	Clatab 500mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1130	VD-16810-12	Clatexyl 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1131	VD-17359-12	Clatexyl 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1132	VD-17360-12	Clatexyl 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1133	VD-20938-14	Clathepharm 1000	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1134	VD-22584-15	Clathepharm 250	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1135	VD-23779-15	Clathepharm 625	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1136	VD-26670-17	Clazidyne	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
1137	VD-23536-15	Cledamed 300	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1138	VD-18003-12	Clindacine 300	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1139	VD-18004-12	Clindacine 600	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1140	VD-18508-13	Clindamycin	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1141	VD-26714-17	Clindamycin 300	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1142	VD-23206-15	Clindamycin Stada 600mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1143	VD-24560-16	Clindastad 150	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1144	VD-23829-15	Clindastad inj. 300mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1145	VD-20522-14	CLONAFOS	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1146	VD-24141-16	Clopalvix	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1147	VD-23672-15	Clopencil	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1148	VD-19238-13	Clopidogrel 75 - MV	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Quốc Tế Minh Việt	Công ty Cổ Phần US pharma USA
1149	VD-23964-15	Clopistad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1150	VD-26173-17	Cloramphenicol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1151	VD-23152-15	Cloramphenicol 0,4%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1152	VD-19466-13	Cloramphenicol 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1153	VD-24383-16	Cloramphenicol 250mg	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1154	VD-19586-13	Clorbiotic 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1155	VD-20030-13	Clorfast	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1156	VD-21513-14	Clorocid	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1157	VD-20846-14	Clorocid TW3 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1158	VD-19251-13	Clorpheniramin	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
1159	VD-23940-15	Clorpheniramin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1160	VD-23941-15	Clorpheniramin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1161	VD-21131-14	Clorpheniramin 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
1162	VD-21132-14	Clorpheniramin 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
1163	VD-20635-14	Clorpheniramin 4mg	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
1164	VD-13240-10	Clorpheniramin maleat 4 mg	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
1165	VD-22993-15	Clorpheniramin maleat 4 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1166	VD-27374-17	Clorpheniramin maleat 4 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1167	VD-17187-12	Clotrimazol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1168	VD-19676-13	Clotrimazol 1%	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam
1169	VD-20838-14	Clotrimazole 1% Cream	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1170	VD-26765-17	Clovirboston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1171	VD-18313-13	Cloxacilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1172	VD-26845-17	Cloxacillin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1173	VD-26156-17	Cloxacillin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1174	VD-26318-17	Cloxaxim VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1175	VD-26367-17	Clyodas	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1176	VD-21632-14	Clyodas 300	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1177	VD-21614-14	Coafarmin 2	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
1178	VD-22745-15	Coatangaponin 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1179	VD-24212-16	Cobimol	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1180	VD-22650-15	Cobxid-Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1181	VD-22962-15	Codofril	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1182	VD-27375-17	Co-Dovel 150 mg/12,5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1183	VD-21266-14	Co-Ferolic	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1184	VD-26404-17	Co-Ibedis 150/12,5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1185	VD-24434-16	Co-Ibedis 300/12,5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1186	VD-22172-15	Colchicin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1187	VD-27365-17	Colchicin 1mg	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
1188	VD-21917-14	Colchicine 1 mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1189	VD-24087-16	Colchicine ARTH 1 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1190	VD-22784-15	Colchicine galien	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1191	VD-24573-16	Colchicine STELLA 1 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1192	VD-24597-16	Coldacmin Flu	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1193	VD-18940-13	Coldfed	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1194	VD-22067-14	Colexib 200	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1195	VD-20074-13	Coliomax	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1196	VD-21825-14	Colirex 1MIU	Công ty Cổ phần Sundial Pharma	Công ty Cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1197	VD-17544-12	Colistimax	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1198	VD-17545-12	Colistimax	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1199	VD-24642-16	Colistimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1200	VD-24643-16	Colistimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1201	VD-24644-16	Colistimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1202	VD-19946-13	Colistin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1203	VD-19947-13	Colistin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1204	VD-19812-13	Colitis	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1205	VD-21354-14	Colocol codein	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1206	VD-20816-14	Colocol sachet 150	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1207	VD-20817-14	Colocol sachet 80	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1208	VD-27027-17	Colocol suppo 300	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1209	VD-23942-15	Coloxvis	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1210	VD-23943-15	Coloxvis-Fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1211	VD-26818-17	Colthimus	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1212	VD-26457-17	Coltoux 15 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1213	VD-23649-15	Co-Lutem	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1214	VD-21311-14	Cốm hòa tan Hepagon	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.
1215	VD-26898-17	Combikit 3,1 g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1216	VD-20989-14	Combimin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1217	VS-4873-14	Cồn 70	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
1218	VS-4874-14	Cồn 90	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1219	VS-4921-16	Cồn 90°	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
1220	VD-21072-14	Cồn Boric 3%	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam
1221	VD-21803-14	Cồn xoa bóp Jamda	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1222	VD-26979-17	Conazonin	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1223	VD-24551-16	Conipa Pure	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1224	VD-18257-13	Conoges 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1225	VD-19269-13	Contussin New	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1226	VD-18207-13	Co-Padein 30	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1227	VD-22039-14	Coperil 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1228	VD-23386-15	Coperil Plus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1229	VD-19758-13	Cophacefpo 100	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
1230	VD-22713-15	Cophacefpo 200	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
1231	VD-19759-13	Cophamlox	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
1232	VD-22380-15	Corcotab	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1233	VD-19044-13	Cor-F	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1234	VD-20358-13	Corneil-2,5	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1235	VD-19653-13	Corneil-5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1236	VD-12727-10	Cortisotra	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
1237	VD-21868-14	Cortonyl OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1238	VD-18905-13	Cosaten	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1239	VD-27221-17	Cossinmin	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
1240	VD-23944-15	Cotilisol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1241	VD-23771-15	Cotrimbaby	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1242	VD-22267-15	Cotrimoxazol-DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1243	VD-26780-17	Cotrimxazon 960	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1244	VD-21987-14	Courtois	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1245	VD-26766-17	Covaprile 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1246	VD-18662-13	Coxirich 200	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
1247	VD-24654-16	Crila Forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Dược	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Dược
1248	VD-18281-13	Crondia 30 MR	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1249	VD-27435-17	Cruzz-35	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1250	VD-19654-13	Cuellar	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1251	VD-23830-15	Cuine 1500 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1252	VD-23831-15	Cuine Caps	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1253	VD-27303-17	Cuine Caps. 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1254	VD-23246-15	CURMARIN	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1255	VD-23760-15	Cynara	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1256	VD-26772-17	Cystincap	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1257	VD-17177-12	Cytan	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.
1258	VD-26301-17	D3 care	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1259	VS-4910-15	Dailycare	CÔNG TY TNHH NHÂN SINH	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1260	VD-19131-13	Dailyvit multivitamin	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1261	VD-18906-13	Dalekine 500	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1262	VD-24082-16	Danapha-Telfadin	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1263	VD-26674-17	Danapha-Trihex 2	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1264	VD-20024-13	Danircap 125	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1265	VD-23177-15	Danircap 300	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1266	VD-22648-15	Danizane	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1267	VD-24083-16	Danospan	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1268	VD-26675-17	Dantuoxin	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1269	VD-26066-17	Daquetin 100	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1270	VD-26676-17	Daquetin 200	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1271	VD-23945-15	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1272	VD-23946-15	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1273	VD-23947-15	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1274	VD-23948-15	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1275	VD-26525-17	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1276	VD-26526-17	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1277	VD-26527-17	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1278	VD-26528-17	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1279	VD-21515-14	Dasavit A + D	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1280	VD-19065-13	Datisoc 16mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1281	VD-23285-15	Dầu gió đỏ	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1282	V3-H12-13	Dầu gió gừng Thái Dương	Công ty CP Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
1283	V293-H12-13	Dầu gió gừng Trung Nguyên	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
1284	VD-18941-13	Dầu gió nâu	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1285	VD-22492-15	DẦU GIÓ OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1286	VD-26677-17	Dầu nóng Quảng Đà	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1287	VD-26124-17	Dầu Parafin BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1288	VD-22873-15	Davinfort-800 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1289	VD-21556-14	Davita bone sugar free	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1290	VD-19655-13	Davyca-F	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1291	VD-24517-16	Davylox	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1292	VD-26037-17	Deatexniod	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1293	VD-24652-16	Debby	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
1294	VD-23870-15	Debora 325	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1295	VD-24088-16	Debutinat	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1296	VD-23448-15	Debutinat 200 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1297	VD-22057-14	Decolgen	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1298	VD-21573-14	Decolgen Forte	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1299	VD-22382-15	Decolgen ND	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1300	VD-19824-13	Decolic	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1301	VD-22205-15	Deducid 150	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1302	VD-24034-15	Deep heat rub plus	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
1303	VD-24458-16	DEFATON 20	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1304	VD-16998-12	Defechol 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1305	VD-21414-14	Degevic	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
1306	VD-26182-17	Degodas	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1307	VD-20396-13	Degresinos	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1308	VD-22510-15	Dekasiam	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1309	VD-17547-12	Delivir 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1310	VD-17548-12	Delivir 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1311	VD-21335-14	Delopedil	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1312	VD-27034-17	Demencur 150	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1313	VD-27035-17	Demencur 75	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1314	VD-18670-13	Demensyn	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1315	VD-19912-13	Dentanalgi Thuốc trị đau răng	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1316	VD-18626-13	Dentimex	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1317	VD-20607-14	DENVIN 300	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAM THÀNH PHỐ	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1318	VD-22106-15	DEPNadyphar	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1319	VD-22319-15	Derdiyok	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1320	VD-26405-17	Derispan	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1321	VD-26096-17	Dermaderm	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
1322	VS-4941-16	Dermycol	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
1323	VD-26496-17	Deruff	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1324	VD-27407-17	Deséafer 125	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1325	VD-27408-17	Deséafer 250	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1326	VD-26406-17	Deslora	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1327	VD-21336-14	Deslotid	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1328	VD-18757-13	DESMODIN KIM TIỀN THẢO	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1329	VD-26756-17	Detanana	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
1330	VD-22276-15	Detcincyl	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1331	VD-22224-15	Deuric 300	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1332	VD-19846-13	Devastin 10	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1333	VD-19847-13	Devastin 20	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1334	VD-22651-15	Devirnic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1335	VD-26773-17	Dexalevo-drop	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1336	VD-27599-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1337	VD-27600-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1338	VD-27601-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1339	VD-27602-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1340	VD-27603-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1341	VD-27604-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1342	VD-27605-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1343	VD-27606-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1344	VD-27607-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1345	VD-19475-13	Dexamethason 4mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1346	VD-27152-17	Dexamethasone	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1347	VD-27282-17	Dexamethasone 0,5mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1348	VD-26542-17	Dexamoxi	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1349	VD-24435-16	Dexastad 4mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1350	VD-23580-15	Dexclorpheniramin 2	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1351	VD-23572-15	Dexipharm 15	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1352	VD-23573-15	Dexipharm 15	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1353	VD-22907-15	Dexlacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1354	VD-20162-13	Dexone	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1355	VD-27538-17	Dexpanthenol 5%	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
1356	VD-23949-15	Dextanice	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1357	VD-22029-14	Dextromethorphan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1358	VD-24219-16	Dextromethorphan	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1359	VD-27608-17	Dextromethorphan	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1360	VD-20315-13	Dextrose 10%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1361	VD-20316-13	Dextrose 20%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1362	VD-21715-14	Dextrose 30 %	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1363	VD-20309-13	Dextrose- natri	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1364	VD-27546-17	DH-Alenbe plus 70mg/2800IU	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
1365	VD-27506-17	DH-Metglu 850	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
1366	VD-27507-17	DH-Metglu XR 1000	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
1367	VD-21477-14	Di- anrus	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
1368	VD-21747-14	Di- ansel 8	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
1369	VD-26336-17	Diacso	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
1370	VD-22652-15	Diagestiode	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1371	VD-21603-14	DIANRAGAN 500	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1372	VD-26038-17	Dianragan 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1373	VD-26345-17	Diaricin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1374	VD-20323-13	Diarrest	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1375	VD-24311-16	Diazepam 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1376	VD-19524-13	Dicenin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1377	VD-22642-15	Dịch truyền tĩnh mạch Osmofundin 20%	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
1378	VD-19091-13	Diclofenac	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1379	VD-20897-14	Diclofenac	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
1380	VD-21946-14	Diclofenac	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1381	VD-26307-17	Diclofenac	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
1382	VD-23082-15	Diclofenac 50	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1383	VD-22095-15	Diclofenac 50 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1384	VD-18584-13	Diclofenac 75	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1385	VD-19731-13	Diclofenac 75	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1386	VD-23083-15	Diclofenac 75	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1387	VD-22404-15	Diclofenac 75 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1388	VD-19208-13	Diclofenac 75mg	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
1389	VD-22449-15	Diclofenac K 50	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1390	VD-22589-15	Diclofenac Kabi 75mg/3ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1391	VD-21098-14	Diclofenac STELLA 50 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1392	VD-20687-14	Diclosal	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1393	VD-24473-16	Didala	Công ty cổ phần TM và dược phẩm Ngọc Thiện	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
1394	VD-27409-17	Didin-AM	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1395	VD-23286-15	Diệp hạ châu	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
1396	VD-26067-17	Diệp Hạ Châu	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1397	VD-21607-14	Diệp hạ châu - BVP	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
1398	VD-22916-15	Diệp hạ châu - Medi	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1399	VD-27356-17	Diệp hạ châu DHĐ	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt
1400	VD-21355-14	Difuzit	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1401	VD-22981-15	Digorich	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
1402	VD-22051-14	Digoxine	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1403	VD-26295-17	Diguone	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1404	VD-21205-14	Diintasic	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1405	VD-18961-13	Dikren 50 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1406	VD-22030-14	DilodinDHG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1407	VD-19525-13	Dilovic	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1408	VD-27522-17	Diltiazem Stada 60 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1409	VD-20839-14	Dimedrol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1410	VD-23761-15	Dimedrol	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1411	VD-26453-17	Dimenhydrinat 50mg	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
1412	VD-26176-17	Dimicox	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1413	VD-23454-15	Dimonium	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1414	VD-18713-13	DinalvicVPC	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1415	VD-19800-13	Dinbutevic	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1416	VD-19266-13	Diosmectit 3g	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
1417	VD-22349-15	Diosmin 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
1418	VD-19656-13	Diouf	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1419	VD-21171-14	Dioxzye (hương bạc hà)	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
1420	VD-21172-14	Dioxzye (hương cam)	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
1421	VD-26715-17	Diserti	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1422	VD-24108-16	Diserti 24	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1423	VD-23505-15	Disicar 40	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
1424	VD-23506-15	Disicar 80	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
1425	VD-21505-14	Dismolan	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1426	VD-21846-14	Disthyrox	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1427	VD-23933-15	Distocide	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
1428	VD-21516-14	Ditanavic Extra	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1429	VD-19891-13	Divacal	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1430	VD-20359-13	Divaser-F	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1431	VD-22874-15	Dixirein	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1432	VD-27304-17	DK Lincomycin 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1433	VD-20343-13	Dobenzic	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1434	VD-26458-17	Dobenzic 0,4 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1435	VD-21017-14	Dobixime 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1436	VD-26125-17	Dobutamin-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1437	VD-22963-15	Dobutil 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1438	VD-26220-17	Dobutil argin 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1439	VD-21668-14	Dobutil plus	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1440	VD-26235-17	Docefdi 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
1441	VD-24482-16	Docefnir 100 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1442	VD-22405-15	Docnotine	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1443	VD-23449-15	Docnotine	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1444	VD-26459-17	Docorrimin	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1445	VD-18568-13	DODEVIFORT MEDLAC	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1446	VD-24483-16	Dodylan	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1447	VD-21018-14	Dofervit	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1448	VD-19628-13	Dofexo	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1449	VD-26460-17	Dofluzol 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1450	VD-20118-13	Dogedogel	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
1451	VD-19697-13	Doginatil	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
1452	VD-22985-15	Doglitazon	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh I
1453	VD-22096-15	Dognefin	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1454	VD-18306-13	Dogtapine	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1455	VD-23240-15	Dointer	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
1456	VD-12384-10	Dol- Cold	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1457	VD-26980-17	Dolcetin 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1458	VD-19408-13	Dolcetin 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1459	VD-22964-15	Dolcetin PM	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1460	VD-24484-16	Dolivtol	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1461	VD-18208-13	Dolnaltic	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1462	VD-24073-16	Dolodon DC	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1463	VD-20379-13	Dolteren	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1464	VD-21019-14	Domecor 2,5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1465	VD-20346-13	Domelox 15 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1466	VD-21020-14	Domenat	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1467	VD-23813-15	Dompenyl-M	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
1468	VD-18585-13	Domperidon	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1469	VD-22779-15	Domperidon	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1470	VD-22830-15	Domperidon	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1471	VD-26529-17	Domperidon	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1472	VD-23435-15	Domperidon-BVP	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
1473	VD-20513-14	Dompidone	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1474	VD-23298-15	Dompil	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
1475	VD-23450-15	Donaberin 50	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1476	VD-26449-17	Donaklyn	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam
1477	VD-21206-14	Donasore	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1478	VD-23832-15	Doncef	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1479	VD-23833-15	Doncef	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1480	VD-27036-17	Donepezil ODT 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1481	VD-21021-14	Donyd 10 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1482	VD-21022-14	Donyd 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1483	VD-26461-17	Dopagan 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1484	VD-26462-17	Dopagan 650 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1485	VD-20062-13	Dopathyl 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1486	VD-20840-14	Dopharogyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1487	VD-21023-14	Dopivix 75 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1488	VD-22097-15	Dopola 2 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1489	VD-23254-15	Doragon	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1490	VD-26463-17	Doraval plus 160mg/25mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1491	VD-26464-17	Doraval plus 80mg/12,5mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1492	VD-23255-15	Doresyl 400 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1493	VD-27142-17	Doripenem 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1494	VD-27377-17	Dorocetam 800 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1495	VD-22307-15	Dorocodon	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1496	VD-26467-17	Dorocron MR 60 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1497	VD-23897-15	Dorokit	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1498	VD-27378-17	Dorolid 150 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1499	VD-21024-14	Doromax 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1500	VD-19630-13	Dorosur 10 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1501	VD-23898-15	Dorosur 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1502	VD-27379-17	Dosen 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1503	VD-21463-14	Dospasmin 40 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1504	VD-24486-16	Dospasmin 120 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1505	VD-23256-15	Dospasmin 60 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1506	VD-23241-15	Doterco 50	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
1507	VD-26468-17	Dotrome 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1508	VD-21025-14	Dourso	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1509	VD-19632-13	Dovel 150 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1510	VD-20065-13	Dovel 300 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1511	VD-21588-14	Doximpak 100 tab	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1512	VD-21589-14	Doximpak 200	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1513	VD-20488-14	Doxycyclin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
1514	VD-22475-15	Doxycyclin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1515	VD-26249-17	Doxycyclin 100	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1516	VD-18628-13	Doxycyclin 100 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1517	VD-23451-15	Doxycyclin 100 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1518	VD-23474-15	Doxycyclin 100 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1519	VD-18531-13	Doxycyclin Stada 100 mg Tabs	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1520	VD-22406-15	Dozalam	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1521	VS-4891-15	DR. Muối	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1522	VD-21052-14	Drexler	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1523	VD-24147-16	Drocefvpc 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1524	VD-20981-14	Drofaxin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1525	VD-26723-17	Dronagi 35	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1526	VD-26724-17	Dronagi 5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1527	VD-21524-14	Dropstar	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1528	VD-22148-15	Dros-Ta	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1529	VD-21872-14	Drotaspasm	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1530	VD-23834-15	Droxicef 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1531	VD-23835-15	Droxicef 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1532	VD-23836-15	Droxicef 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1533	VD-26407-17	Droxicef 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1534	VD-24436-16	Droxistad Kid 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1535	QLĐB-157-10	DTPA	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ
1536	VD-26982-17	Dualcold PM	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1537	VD-19066-13	Ducpro 10	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1538	VD-23338-15	Dudencer	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1539	VD-27547-17	Duhemos 500	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
1540	VD-20966-14	Dung dịch lugol	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1541	VD-20311-13	Dung dịch Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
1542	VD-19175-13	Dung dịch Povidon 10%	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Nam
1543	VD-18504-13	Dung dịch rửa vết thương Natri clorid 0,9%	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
1544	VD-18095-12	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD - 1A (Acid)	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
1545	VD-18096-12	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD - 1B (Bicarbonat)	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
1546	VS-4931-16	Dung dịch vệ sinh phụ nữ Phytogyno	Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Opodis	Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Opodis
1547	VD-26389-17	Dutaon	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
1548	VD-18597-13	Dutixim 200	Công ty TNHH DP Uy Tín	Công ty TNHH US pharma USA
1549	VD-23498-15	Dysteki 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1550	VD-23499-15	Dysteki 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1551	VD-21337-14	Ebasitin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1552	VD-26062-17	Ecaxan	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
1553	VD-21261-14	Ecepim 1g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1554	VD-18718-13	Ecepim 2g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1555	VD-20169-13	Ecingel	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
1556	VD-22761-15	Ediva L-Cystine	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
1557	VD-26079-17	Edosic 200	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1558	VD-26080-17	Edosic 400	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1559	VD-26560-17	Efavirenz Stada 600 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1560	VD-21967-14	Efeladin	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1561	VD-19457-13	Effalgin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
1562	VD-21998-14	Effe - Nic 80	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1563	VD-21974-14	Effebaby	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
1564	VD-19784-13	Effebaby 150	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
1565	VD-19785-13	Effebaby 300	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
1566	VD-24465-16	Effemax 650	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
1567	VD-24466-16	Effemax 650	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
1568	VD-18258-13	Effer BOSTACET	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1569	VD-26759-17	Effpadol	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh
1570	VD-27344-17	Efodyl	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
1571	VD-27345-17	Efodyl	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
1572	VD-26081-17	Eftimoxin	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1573	VD-19827-13	Eftispasmin	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1574	VD-24357-16	Egalive	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1575	VD-19838-13	Egodinir 300	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1576	VD-20173-13	Egofixim 100	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1577	VD-20174-13	Egofixim 200	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1578	QLĐB-681-18	Egudin 5	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1579	VD-24288-16	Elnizol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1580	VD-26284-17	Elnizol 750	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1581	VD-27396-17	Élofan 10mg	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
1582	VD-27397-17	Éloseptol	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
1583	VD-21121-14	Elossy	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
1584	VD-24577-16	Elossy+	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA
1585	VD-27640-17	Elovess	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1586	VD-19339-13	Emerop 0,5g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1587	VD-19648-13	Emixorat	Công ty Cổ Phần Trust Farma Quốc Tế	Công ty Cổ Phần Trust Farma Quốc Tế
1588	VD-21134-14	EmycinDHG 250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
1589	VD-27381-17	Enalapril 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1590	VD-26561-17	Enalapril Stada 5 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1591	VD-21768-14	Enalapril STELLA 10 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1592	VD-26781-17	Enalapril VPC 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1593	VD-26129-17	Enalapril VPC 5	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1594	VD-26316-17	Enicefa	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
1595	VD-24022-15	Enoti	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1596	VD-20048-13	Enpovid 3B	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1597	VD-21729-14	Enpovid A, D	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1598	VD-21448-14	Enpovid E400	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1599	VD-20049-13	Enpovid Fe - FOLIC	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1600	QLĐB-560-16	Entecavir STELLA 0.5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1601	VD-20636-14	Entefast 120mg	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
1602	VD-20119-13	Entefast 60 mg	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1603	VD-26873-17	Enterpass	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1604	VD-19395-13	Entraviga	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1605	VD-23488-15	Epegis	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1606	VD-19774-13	Ephedrin hydroclorid 10 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1607	QLĐB-636-17	Epirubicin Bidiphar 10	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
1608	QLĐB-694-18	Epirubicin Bidiphar F50	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
1609	VD-27135-17	Eprazinone	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
1610	VD-26636-17	Ergomin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1611	VD-27305-17	Erilcar 10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1612	QLĐB-769-19	Erlova	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera
1613	QLĐB-770-19	Erlova	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera
1614	VD-17673-12	Erybact 365	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
1615	VD-17674-12	Erybact fort	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
1616	VD-20805-14	Erybiotic 250	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1617	VD-19274-13	Erycaf	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1618	VD-19504-13	Eryfar 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1619	VD-20026-13	Erymekophar	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1620	VD-26240-17	Erythromycin	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1621	VD-21961-14	Erythromycin & Nghệ	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1622	VD-22732-15	Erythromycin & nghệ Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1623	VD-19540-13	Erythromycin 500 mg	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
1624	VD-18586-13	Erythromycin 500mg	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1625	VD-19198-13	Eskar	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1626	VD-26874-17	Eslatinb 40	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1627	VD-23038-15	Esofirst	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1628	VD-23093-15	Esolona	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1629	VD-22068-14	Esomeprazol 20 - US	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1630	VD-23106-15	Esomeprazol 20mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1631	VD-22069-14	Esomeprazol 40 - US	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1632	VD-26511-17	Esomeprazol 40-HV	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US Pharma USA
1633	VD-19642-13	Esoprazol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1634	VD-26408-17	Esoxium caps. 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1635	VD-26409-17	Esoxium caps. 40	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1636	VD-27306-17	Esoxium inj	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1637	VD-26410-17	Esoxium tablets 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1638	VD-23581-15	Eszonox	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1639	VD-19908-13	Ethambutol	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1640	VD-20750-14	Ethambutol 400 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1641	VD-23575-15	Ethambutol 400 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
1642	VD-22943-15	Ethambutol 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1643	VD-23996-15	Ethanol tinh luyện 96% (tt/tt)	Công ty TNHH một thành viên dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty TNHH một thành viên dược phẩm OPC Bình Dương
1644	VD-20454-14	EUCA - OPC Viên trị ho	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1645	VD-20729-14	Eucatopdein	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1646	VD-21626-14	Eudoxime 100	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1647	VD-26590-17	Euformin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
1648	VD-16195-12	Eugica Fort	Công ty TNHH Dược phẩm Trường Tín	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1649	VD-20514-14	Eugintol kids	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1650	VD-23209-15	Eumintan	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1651	VD-27233-17	Eurcozyme	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1652	VD-17836-12	Eurdogel	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
1653	VD-26136-17	Euroxil 250	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn Valeant	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn Valeant
1654	VD-24109-16	Eutelsan 40	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1655	VD-24157-16	Eutinex 0,05%	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1656	VD-26137-17	Euviclor 250	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn Valeant	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn Valeant
1657	VD-23531-15	Euxamus 200	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1658	VD-23001-15	Evadam	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1659	VD-27321-17	Everim	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
1660	VD-19856-13	Exad	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1661	VD-20694-14	Exatus 200	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1662	VD-27563-17	Expas 40	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1663	VD-23630-15	Expressin 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1664	VD-23631-15	Expressin 200	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1665	VD-26615-17	Extra deep heat	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
1666	VD-18719-13	Exzoxim 1g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1667	VD-24100-16	Eyelight	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
1668	VD-22763-15	Eyelight Vita	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
1669	VD-19092-13	Eyethepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1670	VD-22320-15	Ezatux	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1671	VD-22917-15	Ezdixum	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1672	VD-19657-13	Ezvasten	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1673	VD-22517-15	Fabaclinc	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1674	VD-23035-15	Fabamox 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1675	VD-27072-17	Fabamox 250 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1676	VD-21362-14	Fabamox 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1677	VD-27073-17	Fabamox 500 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1678	VD-8806-09	Fabazixin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco.
1679	VD-24289-16	Fabzicocin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1680	VD-10810-10	Faclor ACS 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1681	VD-27307-17	Faditac	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1682	VD-21506-14	Falgankid	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1683	VD-21507-14	Falgankid 250	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1684	VD-23423-15	Falofant 125	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1685	VD-23741-15	Famomed	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1686	VD-19698-13	Fanozo	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1687	QLĐB-675-18	Fapinvir 125mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1688	VD-26454-17	Farel	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
1689	VD-19026-13	Farinceft-125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1690	VD-20152-13	Farisant	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1691	VD-19699-13	Farmadol	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1692	VD-18629-13	Fascapin-20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1693	VD-18192-13	Fastcort	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1694	VD-27029-17	Fastgynax	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1695	VD-22367-15	Fatodin 40	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1696	VD-19438-13	Faymasld	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).
1697	VD-18569-13	FDP Medlac	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1698	QLĐB-687-18	Febustad 40	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1699	QLĐB-563-16	Febustad 80	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1700	VD-26875-17	Fedecef	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1701	VD-22476-15	Fefasdin 120	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1702	VD-26174-17	Fefasdin 60	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1703	VD-20324-13	Fegra 180	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1704	VD-24437-16	Fegra 60 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1705	VD-26876-17	FEGULINE 50	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1706	VD-21026-14	Fehezym	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1707	VD-26562-17	Felodipin Stada 5 mg retard	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1708	VD-26411-17	Felpitil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1709	VS-4890-14	Femalcare	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1710	VD-21564-14	Femirat	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1711	VD-22031-14	Fenaflam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1712	VD-27136-17	Fenbrat 200M	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
1713	VD-23582-15	Fenofibrat	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1714	VD-22070-14	Fenofibrat 100 - US	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1715	VD-22780-15	Fenofibrat 200	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1716	VD-24502-16	Fenofibrat 300 meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1717	VD-22071-14	Fenofibrat 300-US	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1718	VD-18594-13	Fenoflex	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1719	VD-21574-14	Fenoflex	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1720	VD-23514-15	Fenorasboston 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1721	VD-26609-17	Fenorel 160	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1722	VD-26563-17	Fenostad 160	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1723	VD-26985-17	Ferronic B9	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1724	VD-20459-14	Ferronyl	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1725	VD-19921-13	Fervita	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1726	VD-19922-13	Fervita folic	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1727	VD-18451-13	Fethepharm - B9	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1728	VD-26687-17	Fexenafast 60 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
1729	VD-17771-12	Fexmebi	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
1730	VD-26077-17	Fexnad 60	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
1731	VD-26130-17	Fexofenadin 180	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1732	VD-23041-15	Fexofenadin hydroclorid 180 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1733	VD-23042-15	Fexofenadin hydroclorid 60 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1734	VD-27641-17	Fexofenadine 180-US	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1735	VD-19971-13	Fexophar 180	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1736	VD-23968-15	Fexostad 180	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1737	VD-21792-14	Ficemix 400	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1738	VD-19468-13	Fimecin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1739	VD-20056-13	Fiora	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1740	VD-15813-11	Firstlexin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1741	VD-27078-17	Firstlexin 1000 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1742	VD-27079-17	Firstlexin 250 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1743	VD-23043-15	Flazenca 750/125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1744	VD-23681-15	Flazenca 750/125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1745	VD-21004-14	Flazole 400	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1746	VD-21836-14	Flexidron 120	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1747	VD-21837-14	Flexidron 90	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1748	VD-26412-17	Flodicar 5 mg MR	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1749	VD-23350-15	Flucistad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1750	VD-18109-12	Flucoldstad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
1751	VD-19747-13	Fluconazole	Công ty Cổ phần US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
1752	VD-23073-15	Flunarizine 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1753	VD-26392-17	Fluocinolon	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1754	VD-26356-17	Fluocinolon 0,025%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1755	VD-18851-13	Fluotin 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
1756	VD-27080-17	Flypit 20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1757	VD-26133-17	Folicfer	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1758	VD-19157-13	Forclamide	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1759	VD-23046-15	Foreseptol	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1760	VD-20827-14	Forexim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1761	VD-19828-13	Forvastin 20	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1762	VD-24035-15	Fosfomed 1g	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1763	VD-24036-15	Fosfomed 2g	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1764	VD-19158-13	Fostervita	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1765	VD-24438-16	Foximstad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1766	VD-24493-16	Franrogyl	Công ty liên doanh dược phẩm ELOGE FRANCE Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm ELOGE FRANCE Việt Nam
1767	VD-16406-12	Franroxil 500	Công ty liên doanh dược phẩm ELOGE FRANCE Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm ELOGE FRANCE Việt Nam
1768	VD-27398-17	Frantamol Extra	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
1769	VD-27399-17	Frantamol Trẻ em 150mg	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
1770	VD-24494-16	Frantel	Công ty liên doanh dược phẩm ELOGE FRANCE Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm ELOGE FRANCE Việt Nam
1771	VD-21963-14	Freejex Inj.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1772	QLĐB-685-18	Friburine 40mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1773	QLĐB-686-18	Friburine 80mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1774	VD-26858-17	Fructines	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1775	VD-20552-14	Fubenzon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1776	VD-26877-17	Fucalmax	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1777	VD-23642-15	Fudcime 200 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
1778	VD-24257-16	Fumagate - Fort	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
1779	VD-24170-16	Fumecar	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1780	VD-22845-15	Furixat	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1781	VD-26581-17	Furosan	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
1782	VD-22586-15	Furosemid	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1783	VD-23988-15	Furostad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1784	VD-19133-13	Furostyl 40	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1785	VD-21346-14	Fusidic 2%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1786	VD-27332-17	Fuspiro	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1787	VD-22633-15	Futagrel	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1788	VD-24456-16	Futaton	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
1789	VD-27037-17	Fuxofen 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1790	VD-27038-17	Fuxofen 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1791	VD-26285-17	Fypency	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1792	VD-20732-14	G5 Enfankast	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1793	VD-18329-13	Gabacare 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1794	VD-22908-15	Gabapentin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1795	VD-19634-13	Gaberon	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1796	VD-26056-17	Gacnero	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1797	VD-27137-17	Gadoxime 100	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
1798	VD-26057-17	Galamento 400	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1799	VD-19470-13	Galoxcin 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1800	VD-27308-17	Galremin 4mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1801	VD-19239-13	Gargalex	Công ty Cổ phần US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
1802	VD-22918-15	Garlic Oil	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1803	VD-24084-16	Garnotal	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1804	VD-24630-16	Gastalo	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1805	VD-27169-17	Gastro PV	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
1806	VD-26819-17	Gastrosanter	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1807	VD-24012-15	Gavix	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1808	VD-26497-17	Gayax	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1809	VD-22186-15	Gefbin	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1810	VD-21479-14	Gel CiACCA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1811	VD-24023-15	Gelabee	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1812	VD-19312-13	Gel-Aphos	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1813	VD-21793-14	Gelobet	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1814	VD-24561-16	Gemfibstad 300	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1815	VD-19029-13	Genatreson	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1816	VD-15322-11	Gensilron	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
1817	VD-27439-17	Gensler	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1818	VD-26308-17	Gentacain	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
1819	VD-27587-17	Gentamed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1820	VD-23819-15	Gentameson	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1821	VD-19546-13	Gentamicin 0,3%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1822	VD-20982-14	Gentamicin 0,3%	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1823	VD-21721-14	Gentamicin 0,3%	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1824	VD-19094-13	Gentamicin 80 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1825	VD-26899-17	Gentamicin 80mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1826	VD-22590-15	Gentamicin Kabi 40mg/ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1827	VD-20944-14	Gentamicin Kabi 80mg/2ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1828	VD-18631-13	Gentamycin 80 mg/2 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1829	VD-27297-17	Gentinex	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1830	VD-22721-15	Gentizone	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
1831	VD-27138-17	Gerdnill	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1832	VD-20246-13	Gesicox	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1833	VD-22909-15	Gikanin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1834	VD-19313-13	Gimfastnew 120	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
1835	VD-20170-13	Gimfastnew 180	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
1836	VD-22321-15	Gimyenez	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1837	VD-17772-12	Gingokan	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1838	VD-26177-17	Ginkgo biloba	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1839	VD-27294-17	Ginkokup 40	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
1840	VD-20915-14	Ginkosoft	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1841	VD-27182-17	Gintana 120	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
1842	VD-24334-16	Glimepiride 2mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1843	VD-26263-17	Glimepiride 4mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
1844	VD-24575-16	Glimepiride STELLA 2 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1845	VD-23969-15	Glimepiride STELLA 4 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1846	VD-19409-13	Glimid 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1847	VD-20233-13	Glimid 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1848	VD-21271-14	Gliovan-H 160	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1849	VD-22456-15	Gliovan-Hctz 160/12.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1850	VD-22133-15	Gliovan-Hctz 160/25	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1851	VD-24598-16	GliritDHG 500 mg/2,5mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1852	VD-24599-16	GliritDHG 500mg/5mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1853	VD-23920-15	Glockner-10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1854	VD-23921-15	Glockner-5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
1855	VD-23537-15	Glocor 2.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1856	VD-23538-15	Glocor 5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1857	VD-21275-14	Glodafil 20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1858	VD-21276-14	Glodafil 5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1859	VD-22848-15	Glodas 120	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1860	VD-21642-14	Glodas 180	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1861	VD-21291-14	Glofap G	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1862	VD-24182-16	Glofap V	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1863	VD-21277-14	Glogapen	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1864	VD-27469-17	Glogyl	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1865	VD-22849-15	Glomezol	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1866	VD-22850-15	Glomezol 40	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1867	VD-20196-13	Glomoti-M	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1868	VD-22458-15	Glomoxif	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1869	VD-22134-15	Glopantac 20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1870	VD-22135-15	Glopantac 40	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1871	VD-21838-14	Glopepcid	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1872	VD-22835-15	Glopixin 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1873	VD-22136-15	Glosic	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1874	VD-23540-15	Glosic	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1875	VD-21643-14	Glotadol 150	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1876	VD-22459-15	Glotadol 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1877	VD-19350-13	Glotadol 650	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1878	VD-22137-15	Glotadol 650	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1879	VD-22138-15	Glotadol Power	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1880	VD-20197-13	Glotamuc	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1881	VD-22852-15	Glotaren 20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1882	VD-21279-14	Glotenol	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1883	VD-21280-14	Glotizin	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1884	VD-19869-13	Gloverin	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1885	VD-24173-16	Glovitor 10	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1886	VD-23541-15	Glovitor 20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1887	VD-18860-13	Glucarbose 100mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1888	VD-18861-13	Glucarbose 50mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1889	VD-26986-17	Glucoform 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1890	VD-14166-11	Glucosamin	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
1891	VD-19030-13	Glucosamin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1892	VD-22705-15	Glucosamin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1893	VD-24041-15	Glucosamin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1894	VD-27030-17	Glucosamin	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1895	VD-22853-15	Glucosamin 500 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1896	VD-18909-13	Glucosamin 500 mg	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
1897	VD-16339-12	Glucose 5%	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
1898	VD-24423-16	Glucose 5%	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam
1899	VD-22025-14	Glucose-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1900	VD-26678-17	Glucosix 500	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1901	VD-22092-15	Glucosix 850	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1902	VD-26348-17	Glucozinc S	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
1903	VD-20855-14	Gludipha 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1904	VD-21431-14	Glumarix	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1905	VD-19237-13	GLUMAT 750	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ Phần US pharma USA
1906	VD-27564-17	Glumeform 850	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1907	VD-22995-15	Gluphakaps 850 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1908	VD-27309-17	Glusamin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1909	VD-20990-14	Glusamin capsules	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1910	VD-26082-17	Glycerin Borat 3%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1911	QLĐB-657-18	Goclio 80	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
1912	VD-22407-15	Godpadol	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1913	VD-22483-15	Golcoxib	Công ty cổ phần tập đoàn dược phẩm và thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1914	VD-21033-14	Goldampill 125	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1915	VD-21742-14	GOLDAMPILL 300	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1916	VD-20349-13	GOLDASMO 100	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US pharma USA
1917	VD-21466-14	GOLDASMO 100	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1918	VD-21467-14	GOLDASMO 200	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1919	VD-20410-14	Goldgro W	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1920	VD-21318-14	Golhistine	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1921	VD-18453-13	Golsathepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1922	VD-21166-14	Goltolac	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1923	VD-19660-13	Gomes	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1924	VD-20946-14	Goncal	Công ty cổ phần Gon sa	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
1925	VD-20141-13	Gonpat 750	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
1926	VD-22416-15	Goodrizin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1927	VD-24115-16	Goutcolcin	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1928	VD-21691-14	GP-Salbutamol 5 mg/5 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1929	VD-21078-14	Grafil	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
1930	VD-23389-15	Gramkill	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1931	VD-18846-13	Grangel	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
1932	VD-21849-14	Greenneuron-H	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1933	VD-26820-17	Greenramin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1934	VD-21615-14	Greentamin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1935	VD-20523-14	Gregory-2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1936	VD-20524-14	Gregory-4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1937	VD-15323-11	Grial- Kid	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
1938	VD-23691-15	Griseofulvin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1939	VD-18097-12	Gumas	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1940	VD-23926-15	Gừng	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
1941	VD-22270-15	Gut C thepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1942	VD-18098-12	Gygaril 5	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1943	VD-22295-15	Gymenyl	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1944	VS-4922-16	Gynolady	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
1945	VS-4872-14	Gynonadyphar	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1946	VD-19848-13	Gynopic	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1947	VD-21988-14	Gyoryg	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1948	VD-18926-13	Gysudo	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
1949	VD-24066-16	Hà thủ ô	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1950	VD-21810-14	Hacimux	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1951	VD-18437-13	Hacinol-HD New	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1952	VD-22149-15	Hacold	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1953	VD-21602-14	Hacortin	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
1954	VD-22758-15	Hadiclacin 500	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1955	VD-19247-13	Hadicobal	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1956	VD-23455-15	Hadilium	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1957	VD-23456-15	Hadiocalm	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1958	VD-26594-17	Hafixim 100 Kids	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1959	VD-26595-17	Hafixim 50 Kids	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1960	VD-20553-14	Hagifen	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1961	VD-24013-15	Hagimox 250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1962	VD-24600-16	Hagimox capsules	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1963	VD-24602-16	Hagimox capsules	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1964	VD-24604-16	Hagimox capsules	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1965	VD-24607-16	Haginat 125	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1966	VD-24608-16	Haginat 500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1967	VD-22765-15	Haginir 100	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1968	VD-20554-14	Hagizin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1969	VD-26302-17	Hakovinaton	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1970	QLĐB-606-17	Halcort-6	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1971	VD-22322-15	Halfhuid-10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1972	VD-20525-14	Halfhuid-20	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1973	VD-21294-14	Haloperidol 1,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1974	VD-24085-16	Haloperidol 1,5 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1975	VD-18188-13	Haloperidol 2 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1976	VD-20555-14	Hamett	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1977	VD-20556-14	Hapacol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1978	VD-21137-14	Hapacol 150	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
1979	VD-20557-14	Hapacol 150 flu	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1980	VD-20558-14	Hapacol 250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1981	VD-20559-14	Hapacol 325	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1982	VD-27565-17	Hapacol 325 Flu	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1983	VD-21138-14	Hapacol 650	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
1984	VD-20560-14	Hapacol 650 Extra	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1985	VD-20561-14	Hapacol 80	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1986	VD-20562-14	Hapacol Ace 500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1987	VD-20563-14	Hapacol Blue	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1988	VD-20564-14	Hapacol Caplet 500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1989	VD-20566-14	Hapacol capsules	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1990	VD-26596-17	Hapacol CF Fort	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1991	VD-20567-14	Hapacol child	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1992	VD-20568-14	Hapacol CS Day	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1993	VD-20569-14	Hapacol đau nhức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1994	VD-26598-17	Hapacol pain	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1995	VD-20571-14	Hapacol sủi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1996	VD-26599-17	Hapenxin 250 Caps	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1997	VD-24596-16	Hapenxin 250 Kids	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1998	VD-24611-16	Hapenxin capsules	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1999	VD-24612-16	Hapenxin capsules	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2000	VD-18817-13	Happynor	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
2001	VD-27510-17	Hapresval 160	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2002	VD-27511-17	Hapresval 80	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2003	VD-22033-14	Hasalbu 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2004	VD-27548-17	Hasanbin 100	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
2005	VD-27512-17	Hasanbose 100	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2006	VD-21140-14	Hatrizol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
2007	VD-27310-17	Hazidol 1,5 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2008	VD-18839-13	HD Plus 134 A	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
2009	VD-18840-13	HD Plus 144 A	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2010	VD-19168-13	HD Plus 8,4 B	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
2011	VD-17970-12	Hecavas 5	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2012	VD-23036-15	Helcrosin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2013	VD-21005-14	Helinzole	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2014	VD-26987-17	Hemafort	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2015	VD-16718-12	Hemarexin	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2016	VD-27031-17	Hemolic	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2017	VD-26774-17	Hemotocin	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2018	GC-266-17	Hepa Extra	(Cơ sở đặt gia công): Công ty cổ phần S.P.M	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2019	VD-26337-17	Hepaqueen gold	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2020	VD-20788-14	Hepasig 400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2021	VD-20789-14	Hepasig 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2022	VD-21746-14	Hepatymo	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2023	VD-26326-17	Hepaur 1g	Công ty Cổ phần dược phẩm Vipharco	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar
2024	VD-27162-17	Hepaur 5g	Công ty Cổ phần dược phẩm Vipharco	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar
2025	VD-23802-15	Heptaminol	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2026	VD-19270-13	Hetopartat	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2027	VD-23542-15	Hexinvon 4	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2028	VD-23543-15	Hexinvon 8	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2029	VD-24221-16	Hezepril 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2030	VD-24222-16	Hezepril 5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2031	VD-20360-13	Hikimel	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2032	VD-23107-15	Histudon	Công ty cổ phần dược và TBYT An Việt	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2033	VD-21805-14	Hi-Tavic	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2034	VD-22195-15	Hivolam 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2035	VD-21873-14	Hivuladin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2036	VD-24468-16	Hoàn nghệ mật ong TP	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2037	VD-19621-13	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
2038	VD-22919-15	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm và Thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2039	VD-24472-16	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
2040	VD-27251-17	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh
2041	VD-27260-17	Hoạt huyết dưỡng não BDF	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2042	VD-27363-17	Hoạt huyết dưỡng não Cebraton S	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
2043	VD-24102-16	Hoạt huyết dưỡng não DHG	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
2044	VD-27163-17	Hoạt huyết dưỡng não Dutamginko	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
2045	VD-27164-17	Hoạt huyết dưỡng não Dutamginko	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
2046	VD-21422-14	Hoạt huyết dưỡng não HĐ	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2047	VD-24388-16	Hoạt huyết dưỡng não QN	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh
2048	GC-270-17	Hoạt huyết kiện não	Cơ sở đặt gia công: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An	Cơ sở nhận gia công: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2049	VD-26376-17	Hometex	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược - Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
2050	VD-26286-17	Hormedi 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2051	VD-26291-17	Hormedi 4	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2052	VD-27333-17	Hotapas	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2053	VD-16692-12	Hotgel	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2054	VD-24631-16	Hufotaxime	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2055	VD-22180-15	Humared	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2056	VD-19661-13	Huntelaar	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2057	VD-24633-16	HUTAXON	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2058	VD-23425-15	Huygesic Fort	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2059	VD-18884-13	Hydrite	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
2060	VD-24047-15	Hydrite	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
2061	VD-19386-13	Hydrocolacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2062	VD-21862-14	Hydrocolacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2063	VD-22477-15	Hydrocolacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2064	VD-26822-17	Hypevas 10	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2065	VD-18671-13	Hysdin	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2066	VD-18357-13	Iba- Mentin 500mg/ 62,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2067	VD-26823-17	Ibaganin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2068	VD-27311-17	Ibedis 150	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2069	VD-22698-15	Iboten	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
2070	VD-22965-15	Ibrafen 200	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2071	VD-18787-13	Ibucapvic	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2072	VD-18982-13	Ibucet	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2073	VD-16468-12	Ibucetamo	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2074	VD-23351-15	Ibudolor 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2075	VD-22478-15	Ibuprofen	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2076	VD-21201-14	Ibuprofen 200 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2077	VD-23112-15	Ibuprofen 400	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
2078	VD-22944-15	Ibuprofen 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2079	VD-18461-13	Ibuprofen 600mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2080	VD-22681-15	Ibuprofen Stada 400 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2081	VD-26564-17	Ibuprofen Stada 600 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2082	VD-26221-17	Iburhum 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2083	VD-18837-13	Idafloc	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
2084	VD-18549-13	Idatril 10mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2085	VD-18550-13	Idatril 5mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2086	VD-21764-14	Idilax	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2087	VD-21087-14	Idilax Extra	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2088	VD-19870-13	Idium	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2089	VD-19853-13	Idofen 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
2090	VD-23489-15	Ihybes 150	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2091	VD-18720-13	Ilascin	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2092	VD-23292-15	Imanok	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2093	VD-20450-14	Imecal 0,25 mcg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2094	VD-18963-13	Imeclor 125	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM tại Bình Dương
2095	VD-19374-13	Imeclor 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2096	VD-26157-17	Imenor 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2097	VD-19311-13	Imepitan 25	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2098	VD-26846-17	Imetoxim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2099	VD-24214-16	Imexflon	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2100	VD-26167-17	Imexofen 60	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
2101	VD-26847-17	Imezidim 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2102	VD-26848-17	Imezidim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2103	VD-26849-17	Imezidim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2104	VD-26850-17	Imezidim 3g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2105	VD-26878-17	Immulimus 0,03%	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2106	VD-26879-17	Immulimus 0,1%	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2107	VD-26880-17	Imoglid	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2108	VD-20916-14	Incamix	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2109	VD-21937-14	Incat	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2110	VD-27540-17	Indopril 10	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
2111	VD-26574-17	Indopril 5	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
2112	VD-21449-14	Infecin 0.75M.I.U	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2113	VD-22296-15	Infecin 1.5 M.I.U	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2114	VD-21791-14	Infilong	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
2115	VD-20263-13	Ingair 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2116	VD-20868-14	Ingair 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2117	VD-21692-14	Ingaron 200 DST	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2118	VD-19858-13	Inhal + N	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2119	VD-10439-10	Injectam - S 1g	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2120	VD-18360-13	Injectam- S 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2121	VD-18745-13	Inopantine	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2122	VD-24054-15	Intercephalex 500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2123	VS-4878-14	Iodine	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2124	VD-23210-15	I-Pain	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2125	VD-22775-15	Iratac	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
2126	VD-27410-17	Irbeazid-AM	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2127	VD-27039-17	Irbelorzed 150/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2128	VD-27040-17	Irbelorzed 300/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2129	VD-26265-17	Irbesartan	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2130	VD-24503-16	Irbesartan - AM	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2131	VD-22785-15	Irbesartan 150	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2132	VD-22786-15	Irbesartan 300	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2133	VD-19189-13	Irbesartan STELLA 150 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2134	VD-18533-13	Irbesartan STELLA 300 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
2135	VD-19326-13	Irbetan 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
2136	VD-19849-13	Ircovas 150	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2137	QLĐB-637-17	Irinotecan bidiphar 100mg/5ml	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
2138	QLĐB-695-18	Irinotecan Bidiphar 40mg/2ml	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
2139	VD-26789-17	Ironkey	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
2140	VD-26729-17	Irsatim 75	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2141	VD-26782-17	Irzinex Plus	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2142	VD-21628-14	Isavent	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2143	VD-19476-13	Isoniazid 150 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2144	VD-20751-14	Isoniazid 300 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2145	VD-23576-15	Isoniazid 300 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2146	VD-18672-13	Isoniazid 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2147	VD-22910-15	Isosorbid	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2148	VD-26881-17	Isotisun 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2149	VD-26882-17	Isotisun 20	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2150	VD-19748-13	Isotretinoin	Công ty Cổ phần US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
2151	VD-18570-13	Itamekacin	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
2152	VD-27041-17	Itopride Invagen	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2153	VD-22671-15	Itranstad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
2154	VD-26110-17	Ivermectin 6 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
2155	VD-24103-16	Ivis B12	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
2156	VD-19817-13	Ivis Levofloxacin	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
2157	VD-19280-13	Ivis Salty	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
2158	VD-26705-17	Ivis Tobramycin	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
2159	VD-23607-15	Izotren	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2160	VD-27430-17	J cof	Công ty TNHH dịch vụ y tế Hưng Thành	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2161	VD-26790-17	Jafumin	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
2162	VD-26138-17	Jasunny	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
2163	VD-27042-17	Jaxtas 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2164	VD-24298-16	K_Xofanine	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2165	VD-19387-13	Kacerin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2166	VD-21316-14	Kacetam Plus	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2167	VD-16385-12	Kacotidin	Công ty CPDP Khánh Hòa	Nhà máy dược phẩm - Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2168	VD-8941-09	KALECIN 500	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar
2169	VD-23599-15	Kali clorid 500mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2170	VD-19566-13	Kali Clorid Kabi 10%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2171	VD-22026-14	Kali clorid-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2172	VD-19388-13	Kamelox	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2173	VD-21863-14	Kamelox 15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2174	VD-22174-15	Kamydazol fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2175	VD-18969-13	Kanausin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2176	VD-22911-15	Kanervit	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2177	VD-16388-12	Kasparin	Công ty CPDP Khánh Hòa	Công ty CPDP Khánh Hòa
2178	VD-16688-12	Katecid	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.
2179	VD-18964-13	Katrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2180	VD-26175-17	Katrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2181	VD-20759-14	Katrypsin Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2182	VD-26867-17	Katrypsin Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2183	VD-20760-14	Kavasdin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2184	VD-20761-14	Kavasdin 5	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2185	VD-27523-17	Keamine	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2186	VD-27580-17	Kebatis	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2187	VD-24613-16	Kefcin 125	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2188	VD-24614-16	Kefcin 375	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2189	VD-20621-14	Kefugil 2%	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2190	VD-21347-14	Kegefa-F	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2191	VD-23883-15	Kegynandepot	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2192	VD-27499-17	Kem bôi da AVI-O5	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
2193	VD-20369-13	Kem bôi da C.DER	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
2194	VD-20370-13	Kem bôi da DAB	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
2195	VD-19083-13	Kẽm oxyd 10%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2196	VD-22525-15	Kem Promethazin 2%	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2197	VD-26783-17	Ketocol	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2198	VD-23197-15	Ketoconazol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2199	VD-21670-14	Ketocrom 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2200	VD-17158-12	Ketodexa	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2201	VD-18694-13	Ketovazol 2%	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2202	VD-26791-17	Ketovital	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
2203	VD-20762-14	Khaparac fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2204	VD-18965-13	Khaterban	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2205	VD-18966-13	Khaterban	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2206	VD-18888-13	Kidifunvon	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
2207	VD-27235-17	Kidsjan Actiso	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2208	VD-22006-14	Kidviton	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2209	VD-24069-16	Kiện huyết ích não	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
2210	VD-27209-17	Kilecoly	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2211	VD-21710-14	Kim tiền thảo	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
2212	VD-23287-15	Kim tiền thảo	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
2213	VD-26073-17	Kim tiền thảo	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2214	VD-26840-17	Kim tiền thảo	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt
2215	VD-27236-17	Kim tiền thảo	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2216	VD-26697-17	Kim tiền thảo - HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
2217	VD-22920-15	Kim tiền thảo - Medi	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2218	VD-21939-14	Kim tiền thảo 200	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2219	VD-21493-14	Kim tiền thảo- F	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
2220	VD-27237-17	Kim tiền thảo HM	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2221	VD-20317-13	Kim tiền thảo MKP	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2222	GC-240-15	Kim Tiền Thảo PMC	(Cơ sở đặt gia công): Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn
2223	VD-23957-15	Kim tiền thảo PV	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
2224	VD-23682-15	Kimleptic	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2225	VD-26251-17	Kitaro	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2226	VD-24615-16	Klamentin 250/31.25	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2227	VD-24616-16	Klamentin 500/125	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2228	VD-24617-16	Klamentin 500/62.5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2229	VD-24618-16	Klamentin 875/125	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2230	VD-26413-17	KM Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2231	VD-26414-17	KM Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2232	VD-19528-13	Kogimin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2233	VD-22424-15	Korcin	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2234	VD-18511-13	Kozeral	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2235	VD-18596-13	Kremil-S	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
2236	VD-18808-13	Kupdina	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
2237	VD-21720-14	Kupdina 100 mg	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
2238	VD-19779-13	Kupfloxanal	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
2239	VD-27261-17	Kydheamo-3A	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2240	VD-19195-13	Labavie	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm
2241	VD-21432-14	Lactate ringer & dextrose 5%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
2242	VD-24242-16	Lactosorbit	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2243	VD-27524-17	Lactulose Stada	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2244	VD-27442-17	Ladivir	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2245	VD-27112-17	Ladolugel LD	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
2246	VS-4847-12	Ladyformine	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2247	VD3-22-19	Lady-gynax	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco.
2248	VD-20361-13	Lahm	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2249	VD-14472-11	Laknitil	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2250	VD-15082-11	Lamivudin	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
2251	VD-22726-15	Lamivudin 100 - BVP	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2252	VD-21099-14	Lamone 100	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2253	VD-24562-16	Lamostad 100	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2254	VD-24563-16	Lamostad 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2255	VD-24564-16	Lamostad 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2256	VD-26989-17	Lampine 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2257	VD-26990-17	Lampine 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2258	VD-23674-15	Langbiacin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2259	VD-18551-13	Lanmebi	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2260	VD-21314-14	Lansoprazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2261	VD-27383-17	Lansoprazol 30 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2262	VD-21532-14	Lansoprazole STELLA 30 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2263	VD-19095-13	Lantota	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2264	VD-22601-15	Lanzonium	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2265	VD-18673-13	Larzole 400	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2266	VD-18892-13	Lasectil	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2267	VD-20828-14	Lasectil	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2268	VD-19259-13	Lasectil 40	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2269	VD-24619-16	Lastro 30	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2270	VD-19850-13	Latoxol	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2271	VD-27210-17	Lazocolic	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2272	VD-21035-14	L-Bio	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
2273	VD-22077-15	Lecerex 200	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
2274	VD-22620-15	LEER 300	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2275	VD-24461-16	LEER 400	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2276	VD-23426-15	Lefnus 10	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2277	VD-23427-15	Lefnus 100	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2278	VD-23428-15	Lefnus 20	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2279	VD-19149-13	Lengaza	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
2280	VD-21561-14	Lenomid 10	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2281	VD-22041-14	Lenomid 100	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2282	VD-21562-14	Lenomid 20	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2283	VD-20586-14	Lepatis	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2284	VD-22741-15	Lepigin 25	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2285	QLĐB-777-19	Leravir	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2286	VD-21102-14	Lercastad 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2287	VD-23050-15	Lerphat	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2288	VD-19553-13	Leukas	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2289	VD-19410-13	Levecetam 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2290	VD-21671-14	Levecetam 250	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2291	VD-21672-14	Levecetam 750	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2292	VD-21104-14	Levetstad 250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2293	QLĐB-556-16	Levisin 0,5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2294	VD-23257-15	Levocetirizin	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2295	VD-23457-15	Levomepromazin 25mg	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2296	VD-24301-16	Levopatine	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
2297	VD-26415-17	Levoquin 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2298	VD-22746-15	Lexo-Dream 30	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2299	VD-21281-14	Lezoline	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2300	VD-23373-15	Liciril	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2301	VD-26416-17	Lidocain 1%	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2302	VD-23600-15	Lidocain 40mg/ 2ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2303	VD-18804-13	Lidocain Kabi 2%	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định
2304	VD-22027-14	Lidocain-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2305	VD-24590-16	Lidocain-BFS 200mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2306	VD-21404-14	Lidonalin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2307	VD-24299-16	Lifelopin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2308	VD-24580-16	Lifentyn	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2309	VD-24003-15	Lifentyn 160	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2310	VD-23686-15	Life-Pro	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
2311	VD-23103-15	Limcee	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2312	VD-20899-14	Limcee siro	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
2313	VD-19411-13	Limogil 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2314	VD-18983-13	Limogil 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2315	VD-18984-13	Limogil 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2316	VD-18985-13	Limogil 25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2317	VD-23051-15	Lincodazin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2318	VD-27153-17	Lincomycin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2319	VD-27081-17	Lincomycin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2320	VD-19477-13	Lincomycin 600 mg/2 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2321	VD-24290-16	Lincomycin 600mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2322	VD-21712-14	Lincomycin Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2323	VD-19591-13	Linefos	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2324	VD-18323-13	Linh chi OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
2325	VD-26611-17	Linod 600	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2326	VD-22369-15	Lipcor 50	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2327	VD-26222-17	Lipidorox 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2328	VD-26792-17	Lipidtab 20	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
2329	VD-23909-15	Lipirus	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
2330	VD-23970-15	Lipistad 10	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2331	VD-26643-17	Lipitusar	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
2332	VD-22197-15	Liporest 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2333	VD-22198-15	Liporest 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2334	VD-24581-16	Lipotatin 10mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2335	VD-24004-15	Lipotatin 20mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2336	VD-19260-13	Lisazin 40	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2337	VD-27384-17	Lisinopril 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2338	VD-21533-14	Lisinopril STELLA 10 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2339	VD-23342-15	Lisinopril STELLA 2.5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2340	VD-23343-15	Lisinopril STELLA 20 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2341	VD-22672-15	Lisinopril STELLA 5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
2342	VD-18111-12	Lisiplus HCT 20/12.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
2343	VD-20790-14	Liveraid 400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2344	VD-21338-14	Liveraid 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2345	VD-23128-15	Livergenol	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2346	VD-26663-17	Livermarin	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
2347	VD-21243-14	Livethine tab	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2348	VD-26417-17	Lizetric 10mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2349	VD-26418-17	Lizetric 5mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2350	VD-22854-15	Lodinap 10	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2351	VD-22855-15	Lodinap 5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2352	VD-23586-15	Lodirein	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2353	VD-24158-16	Lodium	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2354	VD-22856-15	Lodovax	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2355	VD-19275-13	Lohatidin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2356	VD-22417-15	Lohatidin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2357	VD-24661-16	Lomazole	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2358	VD-19972-13	Long đờm- TVP	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2359	VD-21752-14	Long huyết P/H	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
2360	VD-23917-15	Long huyết P/H	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
2361	VD-26393-17	Lopathen	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2362	VD-21088-14	Lopegoric	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2363	VD-21139-14	Lopenca	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
2364	VD-19298-13	Loperamid	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
2365	VD-21377-14	Loperamid	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2366	VD-21625-14	Loperamid	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2367	VD-26058-17	Loperamid - BVP	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
2368	VD-19254-13	Loperamid 2mg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
2369	VD-21604-14	Loperamid 2mg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
2370	VD-19607-13	LoperamideSPM (ODT)	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2371	VD-22891-15	Lopetab	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2372	VD-20154-13	Lopetope	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2373	VD-20375-13	Lorastad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2374	VD-23354-15	Lorastad 10 Tab.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2375	VD-23353-15	Lorastad D	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2376	VD-23972-15	Lorastad Sp.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2377	VD-27609-17	Lorasweet	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2378	VD-11729-10	Loratadin	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2379	VD-21180-14	Loratadin - US	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2380	VD-20754-14	Loratadin 10 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2381	VD-16473-12	Loratadin 10mg	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
2382	VD-27060-17	Loratadin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2383	VD-24566-16	Loratadin Stada 10 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2384	VD-27610-17	Loratadine	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2385	VD-20593-14	Loratadine 10 mg	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC (NIC Pharma)	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC (NIC Pharma)
2386	VD-19439-13	Loratadine Savi 10	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).
2387	VD-19608-13	LoratadineSPM 10mg (ODT)	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2388	VD-19609-13	LoratadineSPM 5mg (ODT)	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2389	VD-21839-14	Lornine	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2390	VD-20053-13	Losapin 100	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2391	VD-20054-13	Losapin 50	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2392	VD-22912-15	Losartan	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2393	VD-21027-14	Losartan 25 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2394	VD-21259-14	Losartan 50	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2395	VD-24487-16	Losartan 50 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2396	VD-22351-15	Lostad 25	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2397	VD-21107-14	Lostad 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2398	VD-27525-17	Lostad HCT 100/12,5mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2399	VD-23975-15	Lostad HCT 100/25	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2400	VD-24567-16	Lostad HCT 50/12.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2401	VD-23973-15	Lostad T100	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2402	VD-23974-15	Lostad T12.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2403	VD-21534-14	Lostad T25	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2404	VD-20373-13	Lostad T50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2405	VD-22711-15	LOTRIAL S-200	CÔNG TY TNHH NHÂN SINH	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2406	VD-26041-17	Lotufast	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
2407	VD-22237-15	Lovastatin 20mg	công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM	công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM
2408	VD-5976-08	Lovegra	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco.
2409	VD-21502-14	Loxfen	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
2410	VD-24565-16	L-Stafloxin 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2411	VD-21756-14	L-Tyrox 100	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2412	VD-18074-12	Lubrex Extra	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
2413	VD-20059-13	Lubrex super	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
2414	VD-22797-15	Lugtils	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2415	VD-26991-17	Lycalci	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2416	VD-23955-15	Lyodura	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2417	VD-23141-15	Lyoxatin 100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2418	VD-23142-15	Lyoxatin 50	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2419	QLĐB-613-17	Lyoxatin 50mg/10ml	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
2420	VD-27262-17	Lyoxatin F50	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2421	VD-22602-15	Lyrasil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2422	VD-19467-13	Lyris 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2423	VD-18462-13	Lysinkid-Ca	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2424	VD-24632-16	Mabaxil	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2425	VD-24062-16	Macfor	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2426	VD-21566-14	Macibin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2427	VD-21673-14	Macrolacin 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2428	VD-27238-17	Magiebion	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2429	VD-19835-13	Maginew	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2430	VD-27385-17	Magne - B6	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2431	VD-27611-17	Magne-B6	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2432	VD-23515-15	Magne-B6 BOSTON	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
2433	VD-26767-17	Magne-B6 Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
2434	VD-23544-15	Magne-B6 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2435	VD-27061-17	Magnes-B6	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2436	VD-21343-14	Magnesi - B6	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2437	VD-18419-13	Magnesi B6	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2438	VD-22982-15	Magnesi B6	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy USARICHPHARM

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2439	VD-19101-13	Magnesi carbonat base	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
2440	VD-19567-13	Magnesi sulfate Kabi 15%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2441	VD-18967-13	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2442	VD-21782-14	Magnesi-B6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2443	VD-23583-15	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2444	VD-23692-15	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2445	VD-22694-15	Magnesi-BFS 15%	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2446	VD-20421-14	Magnesium - B6	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2447	VD-26689-17	Magnesium - B6	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
2448	VD-19829-13	Magnesium - Vitamin B6	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2449	VD-26671-17	Magnesium B6	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
2450	VD-18553-13	Magnesium- B6	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2451	VD-20334-13	Magnetol	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2452	VD-19172-13	Magrax-F	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2453	VD-27549-17	Mahead	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
2454	VD-26499-17	Malag-60	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2455	VD-20412-14	Mallote	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2456	VD-20027-13	Maloxid P Gel	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2457	VD-26824-17	Maltagit	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2458	VD-18986-13	Man-axcio 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2459	VD-16768-12	Manesix	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2460	VD-23355-15	Mangistad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2461	VD-26664-17	Mangoherpin 5%	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2462	VD-20143-13	Mangoherpin DM	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2463	VD-23168-15	Mannitol	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2464	VD-19923-13	Man-tact 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2465	VD-14491-11	Marapan	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
2466	VD-27327-17	Marocgenon	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
2467	VD-26500-17	Martaz	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2468	VD-26338-17	Massoft	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2469	VD-20075-13	Materazzi	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2470	VD-20325-13	Maxapin 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2471	VD-26083-17	Maxdazol	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2472	VD-24656-16	Maxedo	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
2473	VD-26629-17	Maxedo	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
2474	VD-21968-14	Maxgel	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2475	VD-22802-15	Maxxacne-C	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2476	VD-23509-15	Maxxasthma	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2477	VD-26097-17	Maxxcardio LA 2	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2478	VD-26098-17	Maxxcardio LA 4	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2479	VD-26730-17	Maxxcardio-L 10	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2480	VD-26731-17	Maxxhepa urso 100	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2481	VD-26732-17	Maxxhepa urso 300 capsules	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2482	VD-22803-15	Maxxlipid 100	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2483	VD-26733-17	Maxxmucous-AB 30	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2484	VD-22113-15	Maxxneuro 150	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2485	VD-23510-15	Maxxneuro 75	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2486	QLĐB-776-19	Maxxoni	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2487	VD-26735-17	Maxxpla 75	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2488	VD-26736-17	Maxxprolol 10 - plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2489	VD-26737-17	Maxxprolol 2.5 - plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2490	VD-26738-17	Maxxprolol 5 - plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2491	VD-24124-16	MAXXTRIPTAN 100	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2492	VD-26099-17	Maxxtriptan 50	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2493	VD-22806-15	Maxxviton 1200	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2494	VD-22114-15	Maxxviton 400	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2495	VD-22440-15	Maxxviton 800	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2496	VD-22115-15	Maxxviton Plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2497	VD-22807-15	Maxxwomen Capsule	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2498	QLĐB-158-10	MDP	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ
2499	VD-23479-15	Mebendazol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
2500	VD-24582-16	Mebicefpo 100	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2501	VD-24005-15	Mebicefpo 200	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2502	VD-20574-14	Mebilax 15	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2503	VD-20575-14	Mebilax 7,5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2504	VD-19700-13	Mebipharavudin	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2505	VD-20234-13	Mebufen 750	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2506	VD-20900-14	Mecosol	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
2507	VD-19554-13	Mectathepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2508	VD-19478-13	Medbactin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2509	VD-23406-15	Medcaflam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2510	VD-22139-15	Medfloxin 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2511	VD-22140-15	Medfloxin 400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2512	VD-23545-15	Mediarid 2	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2513	VD-21282-14	Mediarid 4	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2514	VD-24358-16	Mediclary	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2515	VD-26884-17	Medi-Domperidone BB	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2516	VD-26223-17	Medifox 80	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2517	VD-22921-15	Medi-Glucosamin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2518	VD-21408-14	Medikids	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
2519	VD-22922-15	Medi-Levosulpirid	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2520	VD-22181-15	Medi-Loratadin	Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm và Thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2521	VD-19787-13	Medimax - F	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2522	VD-26885-17	Medintrale	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2523	VD-22182-15	Medi-Paracetamol Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2524	VD-21656-14	Medi-Paroxetin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2525	VD-24351-16	Mediphylamin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2526	VD-24352-16	Mediphylamin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2527	VD-24353-16	Mediphylamin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2528	VD-21320-14	Medi-Piracetam 800	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2529	VD-23245-15	Medirel	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2530	VD-26346-17	Medisamin 250 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2531	VD-26530-17	Mediseptol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2532	VD-21321-14	Medi-Silymarin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2533	VD-21450-14	Medisolone 16mg	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2534	VD-19610-13	Medisolone 4mg	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2535	VD-18809-13	Meditrypsin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2536	VD-23039-15	Medixnacin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2537	VD-21783-14	Medlon 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2538	VD-20983-14	Medo α 21	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2539	VD-18810-13	Medo α 42	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2540	VS-4919-15	Medoral	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2541	VD-24148-16	Medrobcap	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2542	VD-20576-14	Medskin Acyclovir 200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2543	VD-22034-14	Medskin clovir 400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2544	VD-23465-15	Medskin Ery	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
2545	VD-21213-14	Medskin fusi	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
2546	VD-20155-13	Medskin Mico	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
2547	VD-26707-17	MedSkinZela	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
2548	VD-21348-14	Medsolu 16 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2549	VD-21349-14	Medsolu 4 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2550	VD-18871-13	Medtilin	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
2551	VD-22836-15	Medxil 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2552	VD-24168-16	Medxil 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2553	VD-23534-15	Medxil 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2554	VD-22837-15	Medxil 50	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2555	VD-18899-13	Meeredi	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2556	VD-21108-14	Mefenamic acid STELLA 500 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2557	VD-22967-15	Meficox 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2558	VD-21874-14	Meficox 200	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2559	VD-27263-17	Mefomid 850	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2560	VD-24175-16	Megliptin 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2561	VD-24176-16	Megliptin 25	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2562	VD-24177-16	Megliptin 50	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2563	VD-16496-12	Megyna	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2..	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2..
2564	VD-23181-15	Meko Cepha	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2565	VD-27284-17	Mekocefaclor	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2566	VD-23804-15	Mekocefal 250	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2567	VD-20318-13	Mekociprox	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2568	VD-27285-17	Mekomucosol 100	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2569	VD-23182-15	Mekotropyl 200mg/ml	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2570	VD-18464-13	Mekotropyl 400	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2571	VD-18465-13	Mekotropyl 800	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2572	VD-19924-13	Melabon B6	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2573	VD-20460-14	Melabon B6	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2574	VD-21736-14	Melevo	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2575	VD-21544-14	Melobic	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2576	VD-27082-17	Melogesic	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2577	VD-23299-15	Melotop	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
2578	VD-21590-14	Meloxicam 15 - US	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2579	VD-26078-17	Meloxicam 15 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
2580	VD-19814-13	Meloxicam 15 mg/1,5 ml	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2581	VD-18740-13	Meloxicam 7,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2582	VD-21203-14	Meloxicam 7,5 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2583	VD-22184-15	Memloba Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2584	VD-19772-13	Mendaz	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2585	VD-23842-15	Menison 4mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2586	VD-27312-17	Menison inj.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2587	VD-21973-14	Mepoly	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2588	VD-19160-13	Mepred 4	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2589	VD-27612-17	Merhuflu	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2590	VD-23516-15	Merinos 60	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
2591	VD-24339-16	Meropenem 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
2592	VD-27083-17	Meropenem 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2593	VD-27144-17	Meropenem 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
2594	VD-23880-15	Meseca	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2595	VD-26531-17	Mesonic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2596	VD-27446-17	Messi-70	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2597	VD-21545-14	Metalam 50	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2598	VD-21644-14	Metelmic	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2599	VD-17971-12	Metformin 1000mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2600	VD-13882-11	Metformin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2601	VD-17972-12	Metformin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2602	VD-17973-12	Metformin 850mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2603	VD-26768-17	Metformin boston 850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
2604	VD-27526-17	Metformin Stada 1000 mg MR	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2605	VD-26565-17	Metformin Stada 850 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2606	VD-22340-15	Methinin 250 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2607	VD-24080-16	Methionin 250mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
2608	VD-20954-14	Methionine 250mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
2609	VD-26189-17	Methocarbamol 750 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2610	VD-20171-13	Methocylat	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2611	VD-26679-17	Methopil	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2612	QLĐB-638-17	Methotrexat Bidiphar 50mg/2ml	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
2613	VD-24543-16	Methylpred-Nic 4	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2614	VD-20763-14	Methylprednisolon 16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2615	VD-17003-12	Methylprednisolon 16mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2616	VD-22479-15	Methylprednisolon 4	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2617	VD-17004-12	Methylprednisolon 4mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2618	VD-20028-13	Methylprednisolone MKP 16mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2619	VD-20029-13	Methylprednisolone MKP 4mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2620	VD-22238-15	Methylsolon 16	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2621	VD-24518-16	Metilone-4	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2622	VD-27346-17	Metiny	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2623	VD-19616-13	Metobra	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2624	VD-27272-17	Metoclopramid Kabi 10mg	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar
2625	VD-19137-13	Metodex	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2626	VD-23881-15	Metodex SPS	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2627	VD-26992-17	Metof	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2628	VD-21674-14	Metopar 30	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2629	VD-21339-14	Metopram 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2630	VD-22199-15	Metozamin 850	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2631	VD-20655-14	Metprednew IMP 16	Công ty CPDP Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2632	VD-14641-11	Metronidazol	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
2633	VD-22175-15	Metronidazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2634	VD-21089-14	Metronidazol - Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2635	VD-22036-14	Metronidazol 250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2636	VD-23747-15	Metronidazol 250	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
2637	VD-22408-15	Metronidazol 250 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2638	VD-22945-15	Metronidazol 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2639	VD-26591-17	Metronidazol 250mg	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2640	VD-22409-15	Metronidazol 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2641	VD-26377-17	Metronidazol Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar
2642	VD-23807-15	Metronidazole 250mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2643	VD-23989-15	Metronidazole Stada 500 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2644	VD-26252-17	Metsav 500	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2645	VD-26168-17	Mexcold 150	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2646	VD-26860-17	Mexcold 200	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
2647	VD-20748-14	Mexcold ABA 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2648	VD-21854-14	Mexcold ABA 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2649	VD-21855-14	Mexcold ABA 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2650	VD-22901-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2651	VD-22902-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2652	VD-22903-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2653	VD-22904-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2654	VD-22905-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2655	VD-23578-15	Mexcold IMP 150	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2656	VD-27094-17	Mexiprim 4	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2657	VD-19161-13	Meyeramic	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2658	VD-19162-13	Meyerbroxol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2659	VD-26478-17	Meyercarmol 500	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2660	VD-26479-17	Meyercarmol 750	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2661	VD-24504-16	Meyerclas 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2662	VD-18833-13	Meyerdex	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2663	VD-21039-14	Meyerlapril 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2664	VD-27413-17	Meyerlukast 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2665	VD-27414-17	Meyerlukast 5	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2666	VD-27415-17	Meyersiliptin 50	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2667	VD-23273-15	Meyersolon 16	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2668	VD-22636-15	Meyervastin 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2669	VD-22637-15	Meyervastin 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2670	VD-24505-16	Meyerverin	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2671	VD-27416-17	Meyerviliptin	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2672	VD-26347-17	Mezaflutin 10 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2673	VD-21298-14	Mezamazol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2674	VD-26826-17	Mezaoscin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2675	VD-26149-17	Mezapid	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2676	VD-24224-16	Mezapizin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2677	VD-26886-17	Mezapizin 5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2678	VD-19362-13	Mezapulgit	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2679	VD-22426-15	Mianpangic	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
2680	VD-24556-16	Miaryl 2 mg	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm
2681	VD-26582-17	Mibedatril 5	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
2682	VD-26583-17	Mibedos 25	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
2683	VD-27550-17	Mibelaxol 500	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
2684	VD-26584-17	Miberic 300	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
2685	VD-24394-16	Micbibleucin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2686	VD-27286-17	Micindrop	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2687	VD-26900-17	Midactam 375	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2688	VD-26190-17	Midactam 750	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2689	VD-22946-15	Midafra 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2690	VD-18316-13	Midamox 250mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2691	VD-26901-17	Midanat 100	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2692	VD-21322-14	Midancef 125	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2693	VD-21660-14	Midantin 250/31,25	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2694	VD-21661-14	Midantin 250/31,25	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2695	VD-26902-17	Midantin 500/62,5	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2696	VD-26903-17	Midapran 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2697	VD-23407-15	Midasol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2698	VD-22188-15	Midatan 500/125	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2699	VD-21323-14	Midataxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2700	VD-26191-17	Midatoren 160/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2701	VD-22947-15	Midaxin 300	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2702	VD-20452-14	Midazoxim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2703	VD-22189-15	Midepime 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2704	VD-26993-17	Midorhum	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2705	VD-23601-15	Midozam 0,75g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2706	VD-22948-15	Midozam 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2707	QLĐB-690-18	Mife 200	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera
2708	VD-18818-13	Mifepriston	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
2709	VD-23371-15	Migomik	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
2710	VD-24266-16	Migtana 25	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2711	VD-22777-15	Mihatuss	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
2712	VD-19396-13	Mikfepris 10	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2713	VD-23281-15	Miprotone	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2714	QLĐB-764-19	Miracel	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen
2715	QLĐB-765-19	Miracel	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen
2716	VD-27527-17	Mirastad 30	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2717	VD-22078-15	Mitafix	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2718	VD-23002-15	Mitalis 20	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2719	VD-22924-15	Mitriptin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2720	VD-20577-14	Mitux	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2721	VD-20578-14	Mitux E	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2722	VD-27062-17	Mityus	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2723	VD-20111-13	MIVITAS	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2724	VD-20773-14	Mizapenem 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2725	VD-20774-14	Mizapenem 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2726	QLĐB-748-19	Mizinvir	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2727	VD-21886-14	Mỡ bôi ngoài da Hồng Linh Cốt	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2728	VD-19592-13	Mobimed inj.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2729	VD-20579-14	Modom's	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2730	VD-24093-16	Momvina	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2731	VD-21517-14	Monbig	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2732	VD-20050-13	MONGOR	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2733	VD-20051-13	MONGOR 500	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2734	VD-20052-13	MONGOR 750	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2735	VD-21840-14	Montegol FC	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2736	VD-21283-14	Montegol Kids	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2737	VD-23783-15	Montekas	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2738	VD-26716-17	Montelukast 10	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2739	VD-23044-15	Montelukast 10 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2740	VD-23843-15	Moquin Tab	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2741	VD-22466-15	Morganin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2742	VD-23274-15	Moriamin Forte	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
2743	VD-19662-13	Morientes-200	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2744	VD-19663-13	Morientes-50	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2745	VD-26063-17	Morif 15mg	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
2746	VD-26064-17	Morif 7,5mg	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
2747	VD-20335-13	MORINKO 10	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2748	VD-20336-13	MORINKO 5	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2749	VD-19664-13	Morituis	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2750	VD-24315-16	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2751	VD-19031-13	Morphin 30 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2752	VD-17839-12	Mosichez	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2753	VD-26994-17	Motalv	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2754	VD-24159-16	Motiridon	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2755	VD-26419-17	Movabis 10mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2756	VD-22001-14	Moxieye	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2757	VD-27366-17	Moxifloxacin 0,5%	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
2758	VD-24149-16	m-Rednison 16	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2759	VD-24150-16	m-Rednison 4	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2760	VD-20984-14	Mucinex	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2761	VD-24552-16	Mucome drop	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2762	VD-23430-15	MULPAX S-250	CÔNG TY TNHH NHÂN SINH	Công ty Cổ phần US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2763	VD-16607-12	Multivitamin	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm
2764	VD-20804-14	Mumcal	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2765	VD-21730-14	Muscino	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2766	VD-27417-17	Muscolyse	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2767	VD-22894-15	Muspect 30	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2768	VD-18635-13	Mutastyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2769	VD-18636-13	Mutastyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2770	VD-23185-15	Mutecium-M	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2771	VD-23950-15	Muxco	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2772	VD-19433-13	Muxenon	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2773	VD-23186-15	Mycogynax	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2774	VD-27212-17	Mycomucc	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2775	VD-20156-13	Mydecelim 50 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
2776	VD-22141-15	Mydsone	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2777	VD-18834-13	Myeromax 500	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2778	VD-20084-13	Myopain 150	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2779	VD-20085-13	Myopain 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2780	VD-20355-13	Myotalvic 50	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
2781	VD-23873-15	Mypara	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2782	VD-19611-13	Mypara 325	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2783	VD-21006-14	Mypara 500	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2784	VD-21007-14	Mypara cold	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2785	VD-19134-13	Mypara extra	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2786	VD-21969-14	Mypara Flu daytime	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2787	VD-21970-14	Mypara flu nighttime	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2788	VD-21008-14	Mypara forte	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2789	VD-21731-14	Mypara plus	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2790	VD-22926-15	Myspa	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2791	VD-23874-15	Myvita C 1000mg	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2792	VD-21971-14	MyVita Calcium 500	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2793	VD-23784-15	Nabro	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2794	VD-21284-14	Naburelax	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2795	VD-22674-15	Nac 200 eff	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
2796	VD-22072-14	Nadifex 180	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2797	VD-21623-14	Nady- spasmyl	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
2798	VD-22430-15	Nadyfer	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
2799	VD-20416-14	NADYMEC	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
2800	VD-19299-13	Nadypharlax	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
2801	VD-22733-15	Naferrous	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2802	VD-27249-17	Nafluextra	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
2803	VD-23643-15	Naglucosa	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2804	VD-20076-13	Nakai	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
2805	VD-23187-15	Nalsarac	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2806	VD-23129-15	Naminginko 80	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2807	VD-17559-12	Naomy	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
2808	VD-19804-13	Napelantin 500	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2809	VD-26195-17	Naphacogyl	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2810	VD-26196-17	Naphalevo	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2811	VD-16181-12	Naphar With Amino Acids	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2812	VD-23608-15	Napharangan	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2813	VD-26197-17	Napharangan Codein	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2814	VD-27240-17	Naphazolin 0,05%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2815	VD-19337-13	Naprofar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2816	VD-13226-10	Naptogast 20	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2817	VD-18634-13	NAQTY	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2818	VD-19822-13	Naroxol	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
2819	VD-19957-13	Nasahep	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2820	VD-23188-15	Nasolspray	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2821	VD-23867-15	NATIDOF 4	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2822	VD-23868-15	NATIDOF 8	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2823	VD-24381-16	Natri camphosulfonat 10%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2824	VS-4905-15	Natri Clorid	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2825	VD-18222-13	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2826	VD-20012-13	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2827	VD-20201-13	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
2828	VD-21954-14	Natri clorid 0,9%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2829	VD-22949-15	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2830	VD-23052-15	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2831	VD-23372-15	Natri Clorid 0,9%	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA
2832	VD-23525-15	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2833	VD-24138-16	NATRI CLORID 0,9%	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
2834	VD-24405-16	Natri clorid 0,9%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2835	VD-24440-16	Natri Clorid 0,9%	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2836	VD-24441-16	Natri Clorid 0,9%	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2837	VD-26717-17	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2838	VD-26914-17	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2839	VD-20890-14	Natri clorid 10%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2840	VD-23169-15	Natri clorid 10%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2841	QLĐB-160-10	Natri Pertechnetat	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ
2842	VD-23374-15	Nazinc	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2843	VD-17400-12	Nccep	Công ty Cổ Phần US PHARMA USA	Công ty Cổ Phần US PHARMA USA
2844	VD-26420-17	Nebistol 5mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2845	VD-23344-15	Nebivolol STELLA 5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2846	VD-24420-16	Neciomex	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2847	VD-23440-15	Nedaryl 4	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2848	VD-20039-13	Negacef 750mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2849	VD-20891-14	Nelcin 100	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2850	VD-23088-15	Nelcin 150	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2851	VD-23089-15	Nelcin 200	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2852	VD-22073-14	Nemeum	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2853	VD-20581-14	Neni 800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2854	VD-20688-14	Neo-Allerfar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2855	VD-15324-11	Neoclogyn	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
2856	VD-19973-13	Neo-Corclion F	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2857	VD-26739-17	Neo-MAXXACNE T 40	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2858	VD-27241-17	Neomezols	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2859	VD-17884-12	Neo-Nidal	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2860	VD-18606-13	Neorutin	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2861	VD-19781-13	Neosamin Forte	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2862	VD-22298-15	Neostyl	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2863	VD-21518-14	Neo-Terpon	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2864	VD-21340-14	Nepamol	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2865	VD-26421-17	Nerapin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2866	VD-27447-17	Nerazzu-25	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2867	VD-19665-13	NERAZZU-50	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
2868	VD-26502-17	Nerazzu-plus	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2869	VD-26158-17	Nerusyn 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2870	VD-26159-17	Nerusyn 3g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2871	VD-26160-17	Nerusyn 750	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
2872	VD-20112-13	Nesteloc 20	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2873	VD-20113-13	Nesteloc 40	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2874	VD-21204-14	Nesulix	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2875	VD-22728-15	Neuceris	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2876	VD-27264-17	Neucotic	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2877	VD-24267-16	Neuractine 2 mg	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2878	VD-18330-13	Neurobrain 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2879	VD-26698-17	Neurogiloban	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
2880	VD-22111-15	Neuroncure	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2881	VD-26566-17	Neuronstad	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2882	VD-27335-17	Neuropain	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2883	VD-27295-17	Neuropentin	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
2884	VD-19271-13	Neuropyl 3g	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2885	VD-26422-17	Neustam	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2886	VD-23820-15	Neutasol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2887	VD-16959-12	New Ameflu Day Time + C	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV
2888	VD-18331-13	New AMERHINO	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2889	VD-27629-17	New diatabs	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
2890	VD-18332-13	New tydol cold	Số 27, đường 3A, KCN Biên Hoà 2, Đồng Nai	Số 27, đường 3A, KCN Biên Hoà 2, Đồng Nai
2891	VD-20092-13	New V.Rohto	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
2892	VD-17824-12	Newchoice	Công ty TNHH Sự lựa chọn vàng	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2893	VD-19032-13	Newcimax	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2894	VD-19678-13	Newgifar	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam
2895	VD-18819-13	Newlevo	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
2896	VD-21210-14	Newnalgine	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2897	VD-24635-16	Newphdin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2898	VD-21865-14	Newstomaz	Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm và Thương mại SOHACO	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2899	VD-27213-17	Newvarax	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2900	VD-26112-17	Newvent	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
2901	VD-26484-17	Newvent	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2902	VD-22729-15	Nezilamvir	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2903	VD-19402-13	Nguyên nhân sâm	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
2904	VD-19490-13	Nibisina	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2905	VD-23309-15	Nicbesolvin - 4	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2906	VD-23310-15	Nicbesolvin - 8	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2907	VD-21519-14	Nicfullaca	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2908	VD-21765-14	Nicnice 1000	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2909	VD-21091-14	Nicnice 200	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2910	VD-26532-17	Nicnotaxgin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2911	VD-19888-13	Nicofort	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
2912	VD-23311-15	Nic-Spa	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2913	VD-23951-15	Niczen	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2914	VD-22441-15	Nidal	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2915	VD-23535-15	Nidaref 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2916	VD-22838-15	Nidaref 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2917	VD-24568-16	Nifedipin T20 retard	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2918	VD-26600-17	Nifin 100 Tabs	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2919	VD-26601-17	Nifin 200 Tabs	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2920	VD-23171-15	Nikethamide Kabi 25%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2921	VD-21344-14	Nilcox Baby 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2922	VD-22988-15	Nilcox Baby Fort 250/2 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2923	VD-24519-16	Nilkey	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
2924	VD-26126-17	Nimovaso sol	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2925	VD-20422-14	Ninosat	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2926	VD-21807-14	Nisidiza	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2927	VD-23312-15	Nisigina	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2928	VD-17594-12	Nisitanol	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2929	VD-22927-15	Nizastric	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2930	VD-21375-14	Noaztine	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2931	VD-19333-13	Nootripam 400	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2932	VD-20682-14	Nootripam 800	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2933	VD-27472-17	Nootryl 400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2934	VD-27063-17	No-panes	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2935	VD-24342-16	Noradrenalin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2936	VD-24074-16	Normostat	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
2937	VD-18696-13	Noruxime 250	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2938	VD-18698-13	Noruxime 500	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2939	VD-23785-15	No-Thefa	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2940	VD-24463-16	Notired eff Orange	Công ty cổ phần Sundial Pharma	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định
2941	VD-23875-15	Notired eff Strawberry	Công ty cổ phần Sundial Pharma	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định
2942	VD-23640-15	Notrorich 800mg	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
2943	VD-19581-13	Novafex	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2944	VD-19931-13	Novahexin 5 ml	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2945	VD-23715-15	Novazine	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2946	VD-24188-16	Novewel 40	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2947	VD-24189-16	Novewel 80	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2948	VD-19555-13	Novocain 3%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2949	VD-23766-15	Novocain 3%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2950	VD-26322-17	Novocain 3%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2951	VD-23356-15	Novofungin 250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2952	VD-22682-15	Novofungin 400	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2953	VD-27287-17	Novogyl	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2954	VD-27589-17	Novoliver	Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư phát triển Thuận Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2955	VD-27288-17	Novomycine 1,5 M.IU	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2956	VD-26616-17	Novonazol	Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư phát triển Thuận Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2957	VD-26127-17	Novotane ultra	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2958	VD-23262-15	Nozeytin	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
2959	VD-27265-17	Nudipyl 400	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2960	VD-23633-15	Numed levo	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2961	VD-21551-14	Nước cất ống nhựa-CPC1	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2962	VD-23172-15	Nước cất pha tiêm	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2963	VD-23786-15	Nước cất pha tiêm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2964	VD-21693-14	Nước cất pha tiêm 10 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2965	VD-26296-17	Nước cất pha tiêm 2ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2966	VD-18637-13	Nước cất pha tiêm 5 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2967	VD-27095-17	Nước cất pha tiêm 8ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2968	VD-27588-17	Nước cất pha tiêm Medlac	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
2969	VD-15083-11	Nước cất tiêm	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2970	VD-18797-13	Nước cất tiêm	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2971	VD-20273-13	Nước cất tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2972	VD-23768-15	Nước cất tiêm	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2973	VD-20013-13	Nước cất tiêm 10 ml	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2974	VD-19557-13	Nước cất tiêm 5 ml	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2975	VD-23675-15	Nước cất tiêm 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2976	VD-19403-13	Nước oxy già 10 thể tích (3%)	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
2977	VS-4928-16	Nước súc miệng T-B	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
2978	VS-4863-13	Nước súc miệng T-B fresh	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
2979	V13-H12-13	Nước súc miệng Thái Dương	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
2980	VD-20967-14	Nước vôi nhì	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2981	VD-14150-11	Nuradre 400	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
2982	VD-26224-17	Nutricalci	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2983	VD-19150-13	Nutrios	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
2984	VD-18684-13	Nutrohadi F	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2985	VD-19859-13	Nystafar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2986	VD-20689-14	Nystafar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2987	VD-22654-15	Nystatin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
2988	VD-18216-13	Nystatin 25000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2989	VD-18217-13	Nystatin 500.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2990	VD-22411-15	Nystatin 500.000 UI	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2991	VD-21297-14	Obibebe	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2992	VD-21535-14	Odistad 120	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2993	VD-12624-10	Odistad 60	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2994	VD-22357-15	Ofbe- Amoxicilin	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2995	VD-22358-15	Ofbe- Cefadroxil	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2996	VD-22359-15	Ofbe- Cefalexin	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2997	VD-20580-14	Ofcin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2998	VD-19587-13	Ofleye	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2999	VD-22450-15	Oflid 200	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3000	VD-23517-15	Oflo - Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3001	VD-22655-15	Ofloxacin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3002	VD-17714-12	Ofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
3003	VD-19558-13	Ofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3004	VD-23602-15	Ofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3005	VD-20757-14	Ofloxacin 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3006	VD-22234-15	Ofloxacin 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3007	VD-24544-16	Ofloxacin 400	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3008	VD-26533-17	Ofloxacin 400	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3009	VD-22308-15	Ofmantine - Domesco 625 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3010	VD-19635-13	Ofmantine - Domesco 1 g	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3011	VD-27528-17	Olanstad 10	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3012	VD-26068-17	Olanxol	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3013	VD-27043-17	Olanzap 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3014	VD-27044-17	Olanzap 15	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3015	VD-27045-17	Olanzap 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3016	VD-27046-17	Olanzap 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3017	VD-27336-17	Olanzapin SPM 10	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3018	VD-27348-17	Olevid	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3019	VD-27644-17	Omecaplus	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3020	VD-26241-17	Omefort 20	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3021	VD-26242-17	Omefort 40	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3022	VD-14642-11	Omeprazol	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
3023	VD-22782-15	Omeprazol	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
3024	VD-27214-17	Omeprazol	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3025	VD-20348-13	Omeprazol 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3026	VD-26192-17	Omeprazol 20mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3027	VD-21141-14	Omeprazol DHG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
3028	VD-22609-15	Omeprazole EG 20mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3029	VD-23910-15	Omesel 20	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3030	VD-23845-15	Omestad inj. 40mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3031	VD-18039-12	Omethepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3032	VD-24059-16	OMLAC 20	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
3033	VD-22217-15	Ompral	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3034	VD-21552-14	Ondansetron-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3035	VD-22747-15	Onyfu	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3036	VD-18324-13	Op.Zen Viên tiêu sưng giảm đau	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3037	VD-26996-17	Opeazitro 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3038	VD-26997-17	Opeazitro 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3039	VD-26998-17	Opeazitro 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3040	VD-20235-13	Opebutal 750	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3041	VD-20237-13	Opecartrim	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3042	VD-21676-14	Opecipro 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3043	VD-26999-17	Opeclari 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3044	VD-22499-15	Opecosyl 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3045	VD-23634-15	Opecosyl plus	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3046	QLĐB-624-17	Opedulox 40	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3047	VD-18988-13	Opegino 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3048	VD-18989-13	Opegino 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3049	VD-18990-13	Opegino 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3050	VD-19414-13	Opegino 25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3051	VD-22500-15	Opekinon 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3052	VD-22957-15	Opekosin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3053	VD-22969-15	Opelevox 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3054	VD-18333-13	Opelirin	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3055	VD-24244-16	Opelodil	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3056	VD-26225-17	Opemucol 0,6%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3057	VD-20238-13	Openoxil 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3058	VD-20239-13	Openoxil 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3059	VD-21877-14	Opepril 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3060	VD-21878-14	Opepril 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3061	VD-21879-14	Opepril 5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3062	VD-22970-15	Operidone	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3063	VD-27000-17	Operindosyl 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3064	VD-23635-15	Operindosyl 8	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3065	VD-22972-15	Operoxolid 50	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3066	VD-23636-15	Opesalbu	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3067	VD-21677-14	Opesartan	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3068	VD-19925-13	Opesimeta 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3069	VD-19415-13	Opesimeta 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3070	VD-24245-16	Opesinkast 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3071	VD-24246-16	Opesinkast 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3072	VD-24247-16	Opesinkast 5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3073	VD-21880-14	Opespasm	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3074	VD-24248-16	Opespira 3MIU	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3075	VD-19416-13	Opespira M	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3076	VD-19417-13	Opespira M Forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3077	VD-26226-17	Opetelmi 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3078	VD-23637-15	Opetivan 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3079	VD-20791-14	Opetradol	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3080	VD-21682-14	Opetrypsin 4200 USP	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3081	VD-21678-14	Opeverin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3082	VD-21679-14	Opeviro 400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3083	VD-21881-14	Opeviro 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3084	VD-18334-13	Opezepam 1,0	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3085	VD-18335-13	Opezepam 2,0	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3086	VD-22200-15	Opezimin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3087	VD-18159-12	Ophstar	Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ Trung Thành	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3088	VD-24237-16	Opmucotus	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
3089	VD-18716-13	Optamedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
3090	VD-22196-15	Optoflox 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3091	VD-18299-13	Opxil 250	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - CÔNG TY CPDP IMEXPHARM tại Bình Dương
3092	VD-22890-15	Opxil 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3093	VD-19372-13	Opxil S 250	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3094	VD-19373-13	Opxil S 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3095	VD-23565-15	Opxil SA 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3096	VD-23566-15	Opxil SA 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3097	VD-24215-16	Opxil SA 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3098	VD-24653-16	Oracortia	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
3099	VD-21376-14	Oraldroxine 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3100	VD-19761-13	Oralfuxim 500	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
3101	VD-23166-15	Oraliton	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
3102	VD-18835-13	Oralpost	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3103	VD-19762-13	Orazime 100	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
3104	VD-21190-14	Orazime 200	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
3105	VD-18338-13	Orbrexol 27,9 g	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
3106	VD-18339-13	Orbrexol 5,58 g	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
3107	VD-23074-15	Orenko	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3108	VD-26360-17	Oresol	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
3109	VD-26361-17	Oresol	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
3110	VD-22037-14	Oresol 245	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3111	VD-27387-17	Oresol 245	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3112	VD-23143-15	Oresol new	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3113	VD-27010-17	Oribio	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
3114	VD-19127-13	Orieso 20 mg	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
3115	VD-19128-13	Orieso 40 mg	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
3116	VD-22989-15	Oripicin 1 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
3117	VD-26567-17	Orlistat Stada 120 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3118	VD-19068-13	Orthin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3119	VD-22225-15	Osaphine C30	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3120	VD-26485-17	Osbacal	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3121	VD-22201-15	Osbone	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3122	VD-19138-13	Osla	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3123	VD-19617-13	Osla baby	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3124	VD-19618-13	Osla Redi	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3125	VD-23676-15	Osmadol C50	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3126	VD-24116-16	Ostagi 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3127	VD-20784-14	Ostebon 70	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3128	VD-20793-14	Ostesamine 750	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3129	VD-19307-13	Ostocan 0,6	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3130	VD-22239-15	Osvimec 100	27 Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3131	VD-22240-15	Osvimec 300	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3132	VD-20178-13	Otibone 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3133	VD-20179-13	Otibone 1500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3134	VD-20181-13	Otibone 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3135	VD-20182-13	Otibone 750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3136	VD-17396-12	Otibone Plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3137	VD-16279-12	Otilin 15ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3138	VD-17006-12	Otilin 8ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3139	VD-22865-15	Otzo	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
3140	VD-20841-14	Ouabain 0,25 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3141	VD-26486-17	Oubapentin 150	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3142	VD-20187-13	Ovac - 20	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3143	VD-26905-17	Oxacilin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3144	VD-24233-16	Oxacilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3145	VD-26161-17	Oxacillin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3146	VD-26162-17	Oxacillin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3147	VD-22888-15	Oxacol	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
3148	VS-4875-14	Oxy già 10TT	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3149	VS-4923-16	Oxy già 3%	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
3150	VD-26357-17	Oxycoldimic	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3151	VD-21680-14	Ozaform 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3152	VD-21250-14	PACFON 100	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3153	VD-21252-14	PACFON 100	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3154	VD-21253-14	PACFON 200	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3155	VD-26269-17	Paindol extra	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3156	VD-26887-17	Pamyltin -S	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3157	VD-18743-13	Panactol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3158	VD-20764-14	Panactol - Extra	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3159	VD-19389-13	Panactol 325 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3160	VD-20765-14	Panactol 650	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3161	VD-22825-15	Panalgan effer 650	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3162	VD-19200-13	Pandex	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
3163	VD-23476-15	Panewic 2 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3164	VD-26394-17	Panthenol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3165	VD-21315-14	Pantoprazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3166	VD-18534-13	Pantostad 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3167	VD-18535-13	Pantostad 40	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3168	VD-20870-14	Pantracet	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3169	VD-24545-16	Papaverin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3170	VD-26681-17	Papaverin 2%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3171	VD-23677-15	Papaverin 40	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3172	VD-23212-15	Para PMP	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3173	VD-13269-10	Paracetamol	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3174	VD-18588-13	Paracetamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3175	VD-19255-13	Paracetamol	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
3176	VD-19559-13	Paracetamol	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3177	VD-22427-15	Paracetamol	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3178	VD-24042-15	Paracetamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3179	VD-24043-15	Paracetamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3180	VD-24081-16	Paracetamol	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
3181	VD-24647-16	Paracetamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3182	VD-24648-16	Paracetamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3183	VD-26065-17	Paracetamol	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
3184	VD-26233-17	Paracetamol	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
3185	VD-23603-15	Paracetamol 150mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3186	VD-26906-17	Paracetamol 1g/10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3187	VD-20934-14	Paracetamol 325 mg	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
3188	VD-22748-15	Paracetamol 325 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3189	VD-27290-17	Paracetamol 325mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3190	VD-21594-14	Paracetamol 500 - US	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3191	VD-12730-10	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
3192	VD-18270-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3193	VD-18271-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3194	VD-18272-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3195	VD-18639-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3196	VD-18917-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3197	VD-19334-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3198	VD-20683-14	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3199	VD-20885-14	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
3200	VD-20886-14	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
3201	VD-22412-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3202	VD-22576-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
3203	VD-23084-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
3204	VD-23452-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3205	VD-23742-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3206	VD-24086-16	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3207	VD-27019-17	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3208	VD-24662-16	Paracetamol 500-HV	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
3209	VD-18251-13	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3210	VD-23604-15	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3211	VD-23664-15	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3212	VD-23665-15	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3213	VD-24412-16	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3214	VD-26310-17	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
3215	VD-26672-17	Paracetamol 500mg	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
3216	VD-27418-17	Paracetamol 500mg	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3217	VD-21595-14	Paracetamol 650 - US	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3218	VD-21921-14	Paracetamol 650mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3219	VD-26111-17	Paracetamol A.T 150 sac	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
3220	VD-26757-17	Paracetamol A.T inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
3221	VD-24207-16	Paracetamol ABA 325 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3222	VD-22162-15	Paracetamol ABA 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3223	VD-19384-13	Paracetamol Imex 325 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3224	VD-20756-14	Paracetamol Imex 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3225	VD-19568-13	Paracetamol Kabi 1000	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
3226	VD-24302-16	Paracetamol TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
3227	VD-26380-17	Paracold 150 Flu	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3228	VD-26381-17	Paracold 250	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3229	VD-26382-17	Paracold 325	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3230	VD-24413-16	Paracold 500	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3231	VD-26383-17	Paracold 500	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3232	VD-21717-14	Paracold Extra	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3233	VD-21718-14	Paracold Fort	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3234	VD-26384-17	Paracold Infants F	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3235	VD-26385-17	Paracold-MKP	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3236	VD-26120-17	Paralmax cảm cúm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
3237	VD-21248-14	PARALMAX EXTRA	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3238	VD-21249-14	Paralmax Pain	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3239	VD-23105-15	Paramed	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3240	VD-20794-14	Paramox	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3241	VD-26951-17	Para-OPC 150mg	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
3242	VD-19471-13	Parazacol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3243	VD-22518-15	Parazacol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3244	VD-26287-17	Parazacol 750	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3245	VD-22241-15	Parepemic	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3246	VD-21508-14	Pargine	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3247	VD-24281-16	Parocontin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3248	VD-27064-17	Parocontin F	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3249	VD-24569-16	Partamol 150	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3250	VD-18852-13	Partamol 250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3251	VD-21536-14	Partamol 325	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3252	VD-21111-14	Partamol 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3253	VD-23977-15	Partamol 80	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3254	VD-21112-14	Partamol C	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3255	VD-24570-16	Partamol eff.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3256	VD-23360-15	Partamol F	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3257	VD-23978-15	Partamol Tab.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3258	VD-26386-17	Pastitussin	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3259	VD-20614-14	Patandolusa	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3260	VD-18640-13	Paverid 2%	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3261	VD-22074-14	Paxicox 100	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
3262	VD-21596-14	Paxicox 200	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3263	VD-20649-14	Pecaldex	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
3264	VD-24190-16	Pectaril 5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3265	VD-21183-14	Pedolas 100 cap	Công ty Cổ Phần US Pharma USA	Công ty Cổ Phần US Pharma USA
3266	VD-23213-15	Pefloxacin Stada 400mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3267	VD-17933-12	Penicilin V Kali 1.000.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3268	VD-19959-13	Penicilin V Kali 1.000.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3269	VD-26369-17	Penicilin V kali 1.000.000 IU	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3270	VD-17966-12	Penicilin V Kali 400.000 đ.v.q.t.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3271	VD-19479-13	Penicilin V Kali 400.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3272	VD-20414-14	Penicilin V Kali 400.000 IU	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3273	VD-20476-14	Penicilin V Kali 400.000I.U	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3274	VD-26387-17	Penicillin G 1 000 000 IU	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3275	VD-27337-17	Pentinox	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3276	VD-17611-12	Penveril	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3277	VD-20795-14	Pepsia	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3278	VD-21610-14	Perihapy 8	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3279	VD-21769-14	Perindastad 4	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3280	VD-23584-15	Perindopril	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3281	VD-22468-15	Periwel 4	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3282	VD-19507-13	Perlita	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
3283	VD-16173-11	Perosu - 10 mg	Công ty TNHH **United** International Pharma	Công ty TNHH **United** International Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3284	VD-18514-13	Peruzi-6,25	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3285	VD-24421-16	Pesancort	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3286	VD-23846-15	Pethistad 100mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3287	VD-22058-14	Petrimet MR	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3288	VD-17747-12	Pexifen - 20mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3289	VD-20526-14	Pfertzel	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3290	VD-27200-17	Pgisycap	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3291	VD-22341-15	Phaanedol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3292	VD-23313-15	Phaanedol Extra	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3293	VD-19070-13	Phacoidorant	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
3294	VD-18790-13	Phacoparecaps	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
3295	VD-19541-13	Phacoparecaps	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
3296	VD-20006-13	Phacotrivita	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
3297	VD-19763-13	Phagofi 10	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
3298	VD-20612-14	Phagofi 4	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
3299	VD-19764-13	Phagofi 5	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
3300	VD-21481-14	Phalu gel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (DAVIPHARM)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (DAVIPHARM)
3301	VD-20415-14	Phấn thoa da NadyROSA	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
3302	VD-24291-16	Pharbacol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3303	VD-26288-17	Pharbacol Extra	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3304	VD-17974-12	Pharbapain	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3305	VD-27313-17	Pharmasmooth	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3306	VD-19378-13	Pharmox Cef 500	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3307	VD-19377-13	Pharmox S 250	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3308	VD-23551-15	Pharterpin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
3309	VD-27085-17	Phastarxin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3310	VD-27291-17	Phecoldrop	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3311	VD-27484-17	Phenhalal	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3312	VD-26868-17	Phenobarbital	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3313	VD-22603-15	Phentinil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3314	VS-4840-12	Phenugyno	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
3315	VD-23443-15	Phenytoin 100 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3316	VD-23694-15	Phezinak	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3317	VD-19217-13	Philiver	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3318	VD-27581-17	Philkedox	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3319	VD-26607-17	Philmyrtol 300	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3320	VD-24634-16	PHILOXIM (đổi tên từ Neofoxime)	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3321	VD-23433-15	Phosbind	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
3322	VD-16780-12	Phosfalruzil	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
3323	VD-23314-15	Phostaligel Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3324	VD-27582-17	Photanat	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3325	QLĐB-162-10	Phytec	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ
3326	VD-22190-15	Picado	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3327	VD-21611-14	Pidazol	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3328	VD-26423-17	Pimenem	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3329	VD-24443-16	Pimenem 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3330	VD-20144-13	Pimicin 1.5 M	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3331	VD-24408-16	Piodincarevb	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
3332	VD-24444-16	Pipanzin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3333	VD-26193-17	Pipebamid 2,25	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3334	VD-26907-17	Pipebamid 3,375	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3335	VD-18404-13	Piperacilin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
3336	VD-26908-17	Piperacilin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3337	VD-24340-16	Piperacilin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
3338	VD-26851-17	Piperacillin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3339	VD-26852-17	Piperacillin 4g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3340	VD-16393-12	Piracetam	Công ty CPDP Khánh Hòa	Công ty CPDP Khánh Hòa
3341	VD-22242-15	Piracetam	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3342	VD-22577-15	Piracetam	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
3343	VD-22578-15	Piracetam	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
3344	VD-23153-15	Piracetam	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3345	VD-27086-17	Piracetam	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3346	VD-26362-17	Piracetam - DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
3347	VD-23683-15	Piracetam 1g/5 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3348	VD-26471-17	Piracetam 400	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm
3349	VD-19532-13	Piracetam 400 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3350	VD-20985-14	Piracetam 800	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3351	VD-21222-14	Piracetam 800 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3352	VD-26311-17	Piracetam 800mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
3353	VD-20016-13	Piracetam Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
3354	VD-21955-14	Piracetam Kabi 12g/60ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
3355	VD-26487-17	Piracetam Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3356	VD-23847-15	Pirastad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3357	VD-23743-15	Piratab	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3358	VD-19418-13	Piriglimin 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3359	VD-19419-13	Piriglimin 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3360	VD-21697-14	Piromax	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3361	VD-21698-14	Piromax	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3362	VD-20758-14	Piropharm 20 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3363	VD-26424-17	Pirostad 20mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3364	VD-19854-13	Piroton 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3365	VD-19770-13	Piroton 800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3366	VD-19434-13	Pirovacin sachet 0.75MIU	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
3367	VD-19435-13	Pirovacin Sachet 1.5MIU	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
3368	VD-15325-11	Piroxicam	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
3369	VD-22656-15	Piroxicam 10 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3370	VD-22749-15	Piroxicam 10 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3371	VD-22604-15	Pivesyl 4	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3372	VD-23214-15	Pivesyl 8	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3373	VD-22605-15	Pivesyl plus	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3374	VD-23282-15	Pizar-3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (DAVIPHARM)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (DAVIPHARM)
3375	VD-18099-12	Pizar-6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (DAVIPHARM)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (DAVIPHARM)
3376	VD-21999-14	Pizonmaxi	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3377	VD-27314-17	Pizovox	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3378	VD-21251-14	PODOLAMN 100	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3379	VD-21254-14	PODOLAMN 200	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3380	VD-21598-14	Pofakid	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3381	VD-23315-15	Polacanmin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3382	VD-22052-14	Polarimintana	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3383	VD-19965-13	Polarvi 2	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3384	VD-20445-14	Polyclox 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3385	VD-23641-15	Polygintan 2	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
3386	VD-16080-11	Polymina Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
3387	VD-27096-17	Pomonolac	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3388	VD-24636-16	Porusy	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3389	VD-22526-15	Potriolac	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3390	VD-17906-12	Povidine	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
3391	VD-21093-14	Povidon - Iodin 10%	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3392	VD-22431-15	Povidon iod	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
3393	VD-17712-12	Povidon Iod 10%	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3394	VD-21325-14	Povidon iod 10%	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
3395	VD-23647-15	Povidon iod 10%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3396	VD-17882-12	Povidone	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3397	VD-18443-13	Povidon-Iod HD	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3398	VD-19951-13	Povinsea	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3399	VD-19952-13	Povinsea	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3400	VD-19612-13	POWERFORTE	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3401	VD-19491-13	Poximvid	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3402	VD-18536-13	Pracetam 1200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3403	VD-22675-15	Pracetam 400	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3404	VD-18538-13	Pracetam 800	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3405	VD-24055-15	Practyl-F	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
3406	VD-24445-16	Pralmex inj.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3407	VD-24292-16	Pravacor 10	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3408	VD-24293-16	Pravacor 20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3409	VD-22346-15	Pravitce	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3410	VD-21223-14	Praxandol	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3411	VD-21115-14	Praxinstad 400	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3412	VD-24174-16	Prazolmium 20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3413	VD-19498-13	Prazopro 40mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3414	VD-20818-14	Predegyl	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
3415	VD-26631-17	Predlonis	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3416	VD-24546-16	Prednic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3417	VD-20306-13	Prednisolon	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3418	VD-24364-16	Prednisolon	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
3419	VD-24366-16	Prednisolon	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
3420	VD-21520-14	Prednisolon - F	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3421	VD-21472-14	Prednisolon 5 mg	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3422	VD-22750-15	Prednisolon 5 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3423	VD-14643-11	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
3424	VD-21902-14	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3425	VD-21916-14	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3426	VD-26234-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
3427	VD-27065-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3428	VD-26121-17	Prednisolon Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
3429	VD-12056-10	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3430	VD-21207-14	Prednison	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3431	VD-22413-15	Prednison	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3432	VD-22751-15	Prednison	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3433	VD-23952-15	Prednison	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3434	VD-26243-17	Prednison	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3435	VD-26534-17	Prednison	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3436	VD-26535-17	Prednison	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3437	VD-27613-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3438	VD-27614-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3439	VD-21028-14	Prednison 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3440	VD-21030-14	Prednison 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3441	VD-22098-15	Prednison 5 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3442	VD-22738-15	Prednison 5 mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
3443	VD-22739-15	Prednison 5 mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
3444	VD-24089-16	Prednison 5 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3445	VD-22309-15	Prednison Domesco 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3446	VD-27515-17	Predsantyl 16 mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
3447	VD-27516-17	Predsantyl 4mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
3448	VD-27541-17	Predstad	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
3449	VD-26317-17	Pregasv	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
3450	VD-20739-14	Presdilon 0,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3451	VD-27630-17	Prevost	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3452	VD-19966-13	Privagin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3453	VD-21763-14	Procelin	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3454	VD-23429-15	Prodinir-F	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3455	VD-19735-13	Profentana	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3456	VD-19613-13	PROGASTIL 200	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3457	VD-20684-14	Projoint 750	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3458	VD-19300-13	Promethazin	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
3459	VD-24422-16	Promethazin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3460	VD-27615-17	Promethazin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3461	VD-21392-14	Propranolol	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3462	VD-23589-15	Propylthiouracil	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3463	VD-23189-15	Protamol	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3464	VD-22202-15	Prozilin 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3465	VD-23678-15	Prumicol Flu 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3466	VD-19666-13	Pruzena	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3467	VD-21922-14	PT - Pramezole	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3468	VD-18800-13	PTU Thepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3469	VD-23198-15	Pusadine	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3470	VD-22323-15	Puyol-100	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3471	VD-23736-15	PVP-IODINE 10%	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
3472	VD-24446-16	Pycalis 5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3473	VD-24447-16	Pycaptin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3474	VD-20507-14	Pycitil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3475	VD-20993-14	Pyclin 300	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3476	VD-26425-17	Pyclin 300	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3477	VD-21964-14	Pyclin 600	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3478	VD-26426-17	Pydrocef 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3479	VD-22614-15	Pyfaclor 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3480	VD-24448-16	Pyfaclor 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3481	VD-24449-16	Pyfaclor 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3482	VD-23850-15	Pyfaclor 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3483	VD-26427-17	Pyfaclor Kid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3484	VD-22607-15	Pyme ABZ400	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3485	VD-23218-15	Pyme AM10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3486	VD-23219-15	Pyme AM5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3487	VD-26428-17	Pyme Am5 caps	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3488	VD-21444-14	Pyme CZ10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3489	VD-20327-13	Pyme ETN400	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3490	VD-21724-14	Pyme M-Predni	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3491	VD-26429-17	Pyme OM40	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3492	VD-24450-16	PymeAZI 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3493	VD-27315-17	PymeClarocil 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3494	VD-22611-15	Pymeroxomil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3495	VD-27645-17	Pyramet 800	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3496	VD-23605-15	Pyrazinamide 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3497	VD-24414-16	Pyrazinamide 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3498	VD-23852-15	Pythinam	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3499	VD-23853-15	Pyvasart 160	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3500	VD-23854-15	Pyvasart 40	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3501	VD-23222-15	Pyvasart 80	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3502	VD-27316-17	Pyvasart HCT 80/12.5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3503	VD-26430-17	Pyzacar 25 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3504	VD-26431-17	Pyzacar 50 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3505	VD-27317-17	Pyzacar HCT 100/25mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3506	VD-26432-17	Pyzacar HCT 50/12,5mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3507	VD-20228-13	Qalyvit	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3508	VD-22996-15	Qbipharine	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3509	VD-27020-17	Qbisalic	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3510	VD-27021-17	Qbitriam	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3511	VD-22002-14	Q-mumasa baby	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3512	VD-22997-15	Quafa-Azi 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3513	VD-22998-15	Quafa-Azi 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3514	VD-19667-13	Queitoz - 200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3515	VD-20077-13	Queitoz-50	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3516	VD-27529-17	Quetiapin Stada 100 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3517	VD-27530-17	Quetiapin Stada 200 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3518	VD-27531-17	Quetiapin Stada 25 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3519	VD-22612-15	Quinacar 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3520	VD-22613-15	Quinacar 5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3521	VD-20958-14	Quincef 125	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3522	VD-21433-14	Quincef 125mg/5ml	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3523	VD-20959-14	Quincef 250	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3524	VD-23590-15	Quineril 5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3525	VD-27087-17	Quinrox	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3526	VD-27088-17	Quinrox 400/40	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3527	VD-27076-17	Quinrox 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3528	VD-17553-12	Quinvonic 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3529	VD-19163-13	Qumichil - 40	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3530	VD-23546-15	Rabe-G	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3531	VD-27001-17	Rabera 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3532	VD-23991-15	Rabestad 10	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3533	VD-20543-14	Rabestad 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3534	VD-18223-13	Racedagim 100	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3535	VD-18224-13	Racedagim IMP 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3536	VD-26888-17	Racediar 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3537	VD-19492-13	Radaugyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3538	VD-23922-15	Ragozax	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3539	VD-23591-15	Ramcamin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3540	VD-26179-17	Ramesun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3541	VD-26253-17	Ramifix 2,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3542	VD-26254-17	Ramifix 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3543	VD-21066-14	Ramitrez	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
3544	VD-19668-13	Ramitrez-F	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3545	VD-27448-17	Ramsey	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3546	VD-21067-14	Ravastel-10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3547	VD-27449-17	Ravastel-20	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3548	VD-27450-17	Ravastel-5	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3549	VD-18100-12	Razopral	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3550	VD-22928-15	Rebastric	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3551	VD-19338-13	Rectiofar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
3552	VD-18769-13	Redmol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3553	VD-22826-15	Rednison 5	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3554	VD-20685-14	Rednison N	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3555	VD-21655-14	Remint - S fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3556	VD-18599-13	Remos Anti - Itch	Công ty trách nhiệm hữu hạn Rohto - mentholatum Việt Nam	Công ty trách nhiệm hữu hạn Rohto - mentholatum Việt Nam
3557	VD-21646-14	Remucos	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
3558	VD-18724-13	Rensaid 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3559	VD-19351-13	Rensaid 400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3560	VD-24110-16	Repainlin	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3561	VD-23275-15	Repamax	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3562	VD-23276-15	Repamax 500	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3563	VD-27428-17	Repamax 650	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3564	VD-26892-17	Restiva	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3565	VD-26443-17	Restoril 10	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3566	VD-26444-17	Restoril 5	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3567	VD-26227-17	Retrocytin 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3568	VD-18515-13	Return-90	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3569	VD-24029-15	Rexone 2g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3570	VD-22519-15	Rexoven 25	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3571	VD-22520-15	Rexoven 50	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3572	VD-18991-13	Re-zoom	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3573	VD-19941-13	Rezotum	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3574	VD-21959-14	Rhaminas	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3575	VD-22752-15	Rhetanol	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3576	VD-24090-16	Rhetanol	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3577	VD-24091-16	Rhetanol - Day	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3578	VD-22753-15	Rhetanol Fort	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3579	VD-23085-15	Rhinex 0,05%	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
3580	VD-17840-12	Rhomatic 75	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3581	VD-26228-17	Rhumacap 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3582	VD-27646-17	Rhumedol 150	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3583	VD-21379-14	Rhynixsol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3584	VD-27007-17	Richcalusar	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
3585	VD-19650-13	Rinedif	Công ty cổ phần Trust Farma Quốc Tế	Công ty cổ phần Trust Farma Quốc Tế
3586	VD-22591-15	Ringer lactate	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
3587	VD-26180-17	Ripratine	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3588	VD-26889-17	Ripratine 5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3589	VD-23190-15	Risperidone MKP 2	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3590	VD-18853-13	Risperstad 1	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3591	VD-18854-13	Risperstad 2	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3592	VD-21990-14	Rizax-10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3593	VD-26640-17	ROBCENAT	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
3594	VD-23395-15	Robfexo	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
3595	VD-26445-17	Robinul 10	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3596	VD-26446-17	Robinul 20	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3597	VD-27339-17	Robinul 5	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3598	VD-23396-15	Roblotidin	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3599	VD-18707-13	ROBMEDRIL	CÔNG TY TNHH ROBINSON PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
3600	VD-18708-13	ROBMEDRIL	CÔNG TY TNHH ROBINSON PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
3601	VD-21591-14	Robmelox	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3602	VD-24056-15	Robnadol	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3603	VD-18709-13	Robpredni	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
3604	VD-18710-13	Robpredni sweet	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3605	VD-23911-15	Rocetaf	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3606	VD-26890-17	Rocitriol	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3607	VD-26775-17	Rocuronium-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3608	VD-26206-17	Rofcal	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
3609	VD-22501-15	Rofox 90	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3610	VD-24640-16	Rohto antibacterial	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
3611	VD-16396-12	Rokasamin	Công ty CPDP Khánh Hòa	Công ty CPDP Khánh Hòa
3612	VD-20623-14	Romylid	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3613	VD-18788-13	Roscef	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3614	VD-19997-13	Roseginal	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3615	VD-23814-15	Rossar	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
3616	VD-26390-17	Rossar Plus	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
3617	VD-20796-14	Rosulipid 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3618	VD-20797-14	Rosulipid 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3619	VD-26909-17	Rosuvastatin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3620	VD-19690-13	Rosuvastatin STELLA 10 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3621	VD-19691-13	Rosuvastatin STELLA 20 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3622	VD-19836-13	Rotinvast 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3623	VD-19837-13	Rotinvast 20	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3624	VD-19262-13	Rotundin - BVP	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3625	VD-21009-14	Rotundin - SPM (ODT)	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3626	VD-20120-13	Rotundin 30	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
3627	VD-22913-15	Rotundin 30	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3628	VD-20121-13	Rotundin 60	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
3629	VD-20224-13	Rotundin 60	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3630	VD-24509-16	Rousbevit	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3631	VD-26490-17	Roustadin	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3632	VD-22798-15	Rovagi 0,75	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3633	VD-22799-15	Rovagi 1,5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3634	VD-22800-15	Rovagi 3	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3635	VD-18685-13	Rovahadin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3636	VD-23392-15	Rovapin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3637	VD-21142-14	Rovas 0.75M	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
3638	VD-21784-14	Rovas 1.5M	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3639	VD-21785-14	Rovas 3M	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3640	VD-20582-14	Roxithromycin 150	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3641	VD-21309-14	Roxithromycin 150 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3642	VD-19301-13	Roxithromycin 150mg	công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
3643	VD-18838-13	RoxyRVN	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3644	VD-26153-17	Royalgsv	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3645	VD-19815-13	Rozcime	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3646	VD-19263-13	Rubina 10	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3647	VD-19805-13	Rubina 20	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3648	VD-19998-13	Rudexen	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3649	VD-21012-14	Rumenadol	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
3650	VD-18644-13	Rusdexpha 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3651	VD-18686-13	Rutin Vitamin C - HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3652	VD-26612-17	RV-Nevilol 2,5	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3653	VD-23748-15	Sacendol E	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
3654	VD-21984-14	SAFENA	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3655	VD-21498-14	Sagolair	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
3656	VD-24535-16	Sagolium-M	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
3657	VD-27482-17	Sagomec	Công ty TNHH dược phẩm Sài gòn - Sagopha	Công ty TNHH dược phẩm Sài gòn - Sagopha
3658	VD-27483-17	Sagophytol	Công ty TNHH dược phẩm Sài gòn - Sagopha	Công ty TNHH dược phẩm Sài gòn - Sagopha
3659	VD-23297-15	Sagotifed	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
3660	VD-21068-14	Sakuzyal 600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
3661	VD-22973-15	Salbucare	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3662	VD-18690-13	Salbumol 4mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
3663	VD-26536-17	Salbutamol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3664	VD-26622-17	Salbutamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3665	VD-19569-13	Salbutamol Kabi 0,5mg/1ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
3666	VD-22387-15	Salonpas	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.
3667	VD-18885-13	Salonpas pain relief patch	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3668	VD-22352-15	Salostad Gel	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3669	VD-22990-15	Sanroza	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh I
3670	VD-18731-13	Sansvigyl	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3671	VD-24460-16	SAPIDONE	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3672	VD-20798-14	Sartanpo	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3673	VD-22203-15	Sartanpo 25	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3674	VD-24250-16	Sartanzide Plus 80/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3675	VD-18801-13	Satavit	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3676	VD-24268-16	SaVi Acarbose 100	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3677	VD-26255-17	SaVi Alendronate forte	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3678	VD-21893-14	SaVi Bezafibrate 200	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3679	VD-23004-15	SaVi Candesartan 8	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3680	VD-26256-17	Savi Carvedilol 12.5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3681	VD-26257-17	Savi Celecoxib	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3682	VD-24269-16	SaVi Day	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3683	VD-24270-16	SaVi Deferipron 500	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3684	VD-21352-14	Savi Eprazinone 50	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)
3685	VD-27047-17	SaVi Fluvastatin 40	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3686	VD-24272-16	SaVi Gemfibrozil 300	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3687	VD-23655-15	SaVi Lamotrigine	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3688	VD-21353-14	Savi Lansoprazole 30	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)
3689	VD-27048-17	SaVi Losartan 100	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3690	VD-27049-17	SaVi Olanzapine 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3691	VD-20248-13	SaVi Pantoprazole 40	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).
3692	VD-23656-15	SaVi Prolol 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3693	VD-27050-17	SaVi Rosuvastatin 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3694	VD-26258-17	SaVi Telmisartan 80	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3695	VD-19002-13	SaVi Trimetazidine 20	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)
3696	VD-27051-17	SaVi Valsartan HCT 160/25	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3697	VD-23014-15	SaVi●Toux 600	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3698	VD-27052-17	SaViAlben 400	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3699	VD-26259-17	SaViAlvic	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3700	VD-20249-13	SaViBroxol 30	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).
3701	VD-18346-13	SaViDirein 50	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)
3702	VD-26260-17	SaViDopril Plus	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3703	VD-23012-15	Saviorli	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3704	VD-21894-14	SaViPamol Plus	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3705	VD-24275-16	SaViPiride 4	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3706	VD-24276-16	SaViProlol 2,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3707	VD-23013-15	SaViRisone 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3708	VD-21895-14	Savispirono-Plus	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3709	VD-23009-15	SaViUrso 300	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3710	VD-22676-15	Scanax 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3711	VD-22677-15	Scanneuron	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3712	VD-22013-14	Scanneuron-Forte	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3713	VD-26433-17	SCD Cefaclor 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3714	VD-27318-17	SCD Cefradine 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3715	VD-22606-15	SCD Ciprofloxacin 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3716	VD-19718-13	Sciomir	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3717	VD-20830-14	Seabibol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3718	VD-19604-13	SEACALCI	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3719	VD-21906-14	Seared 4200 IU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3720	VD-21010-14	Secnidaz	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3721	VD-22754-15	Secrogyl	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3722	VD-20744-14	Sedachor	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
3723	VD-27089-17	Sedupam	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3724	VD-26194-17	Sefonramid 0,5 g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3725	VD-23745-15	Seftra 325	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
3726	VD-22818-15	Sefutin 1.5M	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3727	VD-22819-15	Sefutin 3M	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3728	VD-19786-13	SELMIKRONS	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
3729	VD-23223-15	Semiflit 60	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3730	VD-20080-13	Séné - Sagopha	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
3731	VD-26910-17	Senitram 0,5g/0,25g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3732	VD-21972-14	Sepratis	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3733	VD-26503-17	Sernal	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3734	VD-26504-17	Sernal-4	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3735	VS-4889-14	SESAX	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3736	VD-18955-13	Setblood	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3737	VD-21116-14	Sezstad 10	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3738	VD-19670-13	Shakes	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3739	VD-24536-16	Shinapril	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3740	VD-26516-17	Shinpoong Berazol	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3741	VD-26517-17	Shinpoong Cristan	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3742	VD-21079-14	Shinpoong Fugacin	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3743	VD-21761-14	Shinpoong Gentri-sone	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3744	VD-23301-15	Shinpoong Rosiden	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3745	VD-19680-13	Shintovas	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3746	VD-19681-13	Shintovas	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3747	VD-18893-13	Sibifil 50	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3748	VD-22502-15	Sibutra	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3749	VD-22107-15	Sicongast	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
3750	VD-27532-17	Sifstad 0,18	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3751	VD-27533-17	Sifstad 0,7	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3752	VD-22108-15	Sildenafil	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
3753	VD-23923-15	Silpasrine	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3754	VD-27002-17	Silverzinc 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3755	VD-24354-16	Silymax	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3756	VD-26340-17	Silymax Complex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3757	VD-27202-17	Silymax-F	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3758	VD-23858-15	Simavas 10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3759	VD-24451-16	Simavas 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3760	VD-23953-15	Simenic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3761	VD-27551-17	Simrotes 20mg	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
3762	VD-24152-16	Simtorvpc 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3763	VD-21317-14	Simvastatin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3764	VD-23548-15	Simvastatin 10 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3765	VD-23549-15	Simvastatin 20 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3766	VD-26568-17	Simvastatin Stada 10 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3767	VD-24251-16	Simvatin 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3768	VD-24252-16	Simvatin 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3769	VD-22788-15	Simze	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3770	VD-22193-15	Sinarest 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3771	VD-27003-17	Sinlumont 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3772	VD-20527-14	Sinrigu	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3773	VD-14672-11	Sintasone	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3774	VD-23912-15	Sinuflex	Công ty Roussel Việt Nam	Công ty Roussel Việt Nam
3775	VD-21991-14	Siqueira	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3776	VD-24095-16	Sirnakarang	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
3777	VD-23191-15	Sirô ho Antituss Plus	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3778	VD-21977-14	Siro ho bổ phổi	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
3779	VD-24403-16	Sirô ho Thepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
3780	VD-27104-17	Siro ho TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
3781	VD-21199-14	Siro Snapcef	Công ty cổ phần dược ATM	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3782	VD-19588-13	Siurkon	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3783	VD-22075-14	Sixfitol	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
3784	VD-19594-13	Skenesin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3785	VD-26603-17	Slocol	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
3786	VD-26181-17	Smabelol	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3787	VD-19645-13	Smec - Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3788	VD-27433-17	Snowclear	Công ty TNHH dược phẩm 1A Việt Nam	Công ty cổ phần tập đoàn Merap

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3789	VD-27419-17	Sodilena 400	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3790	VD-19839-13	Sodinir 125	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
3791	VD-23192-15	Sodium Chloride 0,45% & Dextrose 5%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3792	VD-23808-15	Sodium Chloride 0,9%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3793	VD-24415-16	Sodium Chloride 0,9%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3794	VD-20961-14	Sodium chloride 0,9% & dextrose 5%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3795	VD-20319-13	Sodium Chloride 10%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3796	QLĐB-774-19	Sofosbuvir 400mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3797	QLĐB-775-19	Sofosbuvir 400mg-Ledipasvir 90mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3798	VD-23131-15	Softtakan	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3799	VD-19926-13	Soladeno 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3800	VD-19420-13	Soladeno 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3801	VD-19421-13	Soladeno 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3802	VD-23777-15	Soli - Medon 125	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3803	VD-23144-15	Soli - medon 16	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3804	VD-23145-15	Soli - medon 4	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3805	VD-23146-15	Soli-medon 40	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3806	VD-19233-13	Solmux TL	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3807	VD-26830-17	Solufemo	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3808	VD-18802-13	Soluthepharm 16	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3809	VD-18803-13	Soluthepharm 4	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3810	QLĐB-773-19	Soravar	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3811	VD-22755-15	Sorbitol	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3812	VD-23224-15	Sorbitol	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3813	VD-23477-15	Sorbitol	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3814	VD-23533-15	Sorbitol	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
3815	VD-23749-15	Sorbitol	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
3816	VD-27420-17	Sorbitol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3817	VD-18005-12	Sorbitol 3%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
3818	VD-23795-15	Sorbitol 3,3%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
3819	VD-21143-14	Sorbitol 5g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
3820	VD-23902-15	Sorbitol Domesco 5 g	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3821	VD-19871-13	Sorbitol Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3822	VD-22014-14	Sorbitol STELLA 5 g	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3823	VD-20657-14	Soruxim 125	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
3824	VD-20658-14	Soruxim 250	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
3825	VD-20659-14	Soruxim 500	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
3826	VD-26100-17	Sos Mectin-3	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3827	VD-24123-16	SOSCOUGH	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3828	VD-26101-17	Sosfever	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3829	VD-26102-17	Sosfever fort	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3830	VD-26740-17	Sosnam	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3831	VD-26103-17	Sosvomit 4 ODT	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3832	VD-16182-12	Sotrapharnotalgin	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
3833	VD-13249-10	Sotraphar-Notalzin	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3834	VD-18101-12	Souzal	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3835	VD-26261-17	Sovalimus 0,03%	Công ty cổ phần dược phẩm Song Vân	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3836	VD-26388-17	Sovepred	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3837	VD-21762-14	SP Glimepiride	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3838	VD-20537-14	SP Lerdipin	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3839	VD-26229-17	Spamoin 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3840	VD-17379-12	Spas- Agi	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3841	VD-19831-13	Spasless	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3842	VD-23318-15	Spaspyzin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3843	VD-19801-13	Spasrincaps	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
3844	VD-21393-14	Spasticon	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3845	VD-21082-14	Spciafil	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3846	VD-18571-13	Spectimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
3847	VD-21144-14	SpiraDHG 0.75M	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
3848	VD-20583-14	SpiraDHG 1,5M	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3849	VD-18218-13	Spiramicin 0,750 MIU	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3850	VD-21681-14	Spiramox 1.5 MIU	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3851	VD-22756-15	Spiramycin 1,5 M. IU	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3852	VD-19561-13	Spiramycin 1,5 M.I.U	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3853	VD-23696-15	Spiramycin 1.500.000I.U	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3854	VD-22701-15	Spiramycin 1.5M	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
3855	VD-22099-15	Spiramycin 3 M. IU	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3856	VD-24547-16	Spiramycin 3 M.I.U	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3857	VD-23697-15	Spiramycin 3.000.000I.U	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3858	VD-22370-15	Spiramycin 3M	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3859	VD-26349-17	Spiramycin 3M.I.U	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
3860	VD-23319-15	Spiramycin 750.000 I.U	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3861	VD-24253-16	Spiranisol	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3862	VD-24254-16	Spiranisol forte	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3863	VD-26577-17	Spirastad 1,5 M.I.U	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
3864	VD-22336-15	Spirbera	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3865	VD-22337-15	Spirbera	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3866	VD-18699-13	Spreabac	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
3867	VD-19314-13	Spreadin	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
3868	VD-22930-15	Spydmax 1.5 M.IU	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3869	VD-23478-15	Srinron	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3870	VD-19960-13	Stacetam	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3871	VD-19480-13	Stacetam 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3872	VD-20374-13	Stacytine 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3873	VD-22667-15	Stacytine 200 CAP	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3874	VD-23979-15	Stacytine 600	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3875	VD-26578-17	Stadasone 4	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
3876	VD-27542-17	Stadeltine	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
3877	VD-24574-16	Stadeurax	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3878	VD-20128-13	Stadexmin	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3879	VD-23363-15	Stadgentri	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3880	VD-27543-17	Stadleucin	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
3881	VD-24576-16	Stadmazol 100	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3882	VD-22345-15	Stadnex 20 CAP	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3883	VD-22670-15	Stadnex 40 CAP	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3884	VD-23963-15	Stadnolol 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3885	VD-21109-14	Stadxicam 7.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3886	VD-23359-15	Stafloxin 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3887	VD-22503-15	Star cough relief	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3888	VD-21301-14	Stasamin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3889	VD-23490-15	Statinagi 20	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3890	VD-20072-13	Statinrosu 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3891	VD-19646-13	Statinrosu 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3892	VD-21117-14	Statripsine	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3893	VD-21473-14	Stawin	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3894	VD-24278-16	Stazemid 10/10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3895	VD-26434-17	Sticolic 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3896	VD-26508-17	Stigiron	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3897	VD-20340-13	Stilux - 60	Công ty cổ phần TRAPHACO	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3898	VD-21083-14	Stiprol	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3899	VD-27452-17	Stogurad	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3900	VD-19615-13	Stomex	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3901	VD-15830-11	Streptomycin	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3902	VD-19927-13	Stresnyl 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3903	VD-19422-13	Stresnyl 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3904	VD-19423-13	Stresnyl 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3905	VD-23404-15	Stromectin 3mg	Công ty TNHH Shine Pharma	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
3906	VD-20842-14	Strychnin sulfat 1 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3907	VD-20625-14	Sucramed	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3908	VD-22222-15	Sulamcin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3909	VD-18274-13	Sulfar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
3910	VD-20078-13	Sullivan-400	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3911	VD-22730-15	Sulmuk	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
3912	VD-18907-13	Sulpirid 200 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3913	VD-21260-14	Sulpirid 50	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3914	VD-20478-14	Sulpirid 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3915	VD-26682-17	Sulpirid 50mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3916	VD-24316-16	Sulpiride	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3917	VD-26623-17	Sulpiride	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3918	VD-24217-16	Sulpiride 50 mg	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
3919	VD-22285-15	Sulraapix	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3920	VD-22460-15	Sulrimed 50	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3921	VD-23193-15	Sumakin 250/125	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3922	VD-23194-15	Sumakin 500/125	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3923	VD-20320-13	Sumakin 750	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3924	VD-22974-15	Sumitrex	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3925	V194-H12-13	Suncurmin	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
3926	VD-27266-17	Sunewtam 1g	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3927	VD-21826-14	Sunewtam 2g	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3928	VD-27203-17	Superkan	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3929	VD-23491-15	Supertrim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3930	VD-24294-16	Supevastin 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3931	VD-18700-13	Supoxim 100	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
3932	VD-18701-13	Supoxim 200	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
3933	VD-26358-17	Supvid3	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3934	VD-23492-15	Sutagran 100	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3935	VD-23493-15	Sutagran 50	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3936	VD-20528-14	Sutra	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3937	VD-21882-14	Sutriptan 50	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3938	VD-23787-15	Suxathepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3939	VD-22889-15	Syfazin	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3940	VD-23685-15	Synapain 75	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3941	VD-26862-17	Synerbone	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3942	VD-27647-17	Tabracef 125	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3943	VD-24057-15	Tacerax 125 mg	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3944	VD-22706-15	Tacodolgen	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3945	VD-23408-15	Tacodolgen	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3946	VD-27616-17	Tacodolgen	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3947	VD-27617-17	Tacodolgen	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3948	VD-24571-16	Tadalafil STELLA 5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3949	VD-21041-14	Tadaxan	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3950	VD-21475-14	Tadaxan	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3951	VD-22742-15	Tadimax	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3952	VD-27421-17	Tafuvol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3953	VD-24548-16	Tagaxmin 500	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3954	VD-23470-15	Taginba	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
3955	VD-26391-17	Talmain	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
3956	VD-24513-16	Tam thất bột Phúc Hưng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
3957	VD-18325-13	Tam thất OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
3958	VD-22348-15	Tamsustad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3959	VD-27618-17	Tanacelest	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3960	VD-20600-14	Tanacitoux	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3961	VD-22707-15	Tanacodion	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3962	VD-24649-16	TanacotrimF	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3963	VD-22053-14	Tanadotuxsin-F	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3964	VD-19737-13	Tanafadol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3965	VD-19738-13	Tanafadol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3966	VD-23409-15	Tanaflatyl	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3967	VD-21170-14	Tanalocet	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3968	VD-26624-17	Tanametrol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3969	VD-20099-13	Tanamisolblue	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3970	VD-23410-15	Tana-nasidon	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3971	VD-26626-17	Tanarhunamol-flu	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3972	VD-22709-15	Tanasolene	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3973	VD-19245-13	Tanponai 500 mg	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
3974	VD-21809-14	Tanponai 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3975	VD-22859-15	Targetan	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3976	VD-26831-17	Tarvieyes	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3977	VD-22286-15	Tataca	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3978	VD-23859-15	Tatanol	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3979	VD-23860-15	Tatanol 150 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3980	VD-23227-15	Tatanol 250 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3981	VD-23228-15	Tatanol 80 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3982	VD-23861-15	Tatanol Children	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3983	VD-23230-15	Tatanol Forte	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3984	VD-23229-15	Tatanol nhức mỏi	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3985	VD-22615-15	Tatanol Plus	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3986	VD-19595-13	Tatanol Ultra	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3987	VD-20363-13	Tazilex-F	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3988	VD-23982-15	Tefostad T300	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3989	VD-24622-16	Teginol 50	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
3990	VD-27322-17	Telfast BD	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam
3991	VD-26604-17	Telfor 60	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
3992	VD-24549-16	Telgate 180	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
3993	VD-20873-14	Telmisartan 80	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3994	VD-22679-15	Telmisartan Stada 40 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3995	VD-26569-17	Telmisartan Stada 40 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3996	VD-23345-15	Telmisartan Stada 80 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3997	VD-23411-15	Telyniol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3998	VD-23592-15	Telzid 40/12.5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3999	VD-23593-15	Telzid 80/12.5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4000	VD-23821-15	Tenaclor 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4001	VD-23822-15	Tenafalexin 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4002	VD-23823-15	Tenafalexin 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4003	VD-23018-15	Tenafathin 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4004	VD-23019-15	Tenafotin 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4005	VD-23020-15	Tenafotin 2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4006	VD-19444-13	Tenamyd-cefazidime 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4007	VD-19445-13	Tenamyd-cefotaxime 2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4008	VD-19447-13	Tenamyd-ceftazidime 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4009	VD-19448-13	Tenamyd-ceftazidime 2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4010	VD-19449-13	Tenamyd-Ceftriaxone 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4011	VD-19451-13	Tenamyd-ceftriaxone 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4012	VD-19453-13	Tenamyd-Cefuroxime 1500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4013	VD-23199-15	Tenamydgel SM	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4014	VD-23422-15	TENCO	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty Cổ phần US Pharma USA
4015	VD-17403-12	Tendipoxim 100	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4016	VD-21633-14	Tendipoxim 100	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
4017	VD-17897-12	Tendipoxim 200	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4018	VD-18267-13	Tendipoxim 50	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4019	VD-18268-13	Tendirazol	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
4020	VD-22860-15	Tenecand 16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4021	VD-22861-15	Tenecand 4	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4022	VD-22862-15	Tenecand 8	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4023	VD-27474-17	Tenecand HCTZ 32/12.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4024	VD-20041-13	Tenfovix	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4025	VD-20424-14	Tenoboston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4026	QLĐB-746-19	Tenofovir	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4027	VD-18516-13	Tenofovir	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4028	QLĐB-743-19	Tenofovir 300	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
4029	QLĐB-674-18	Tenogis 300	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
4030	VD-22204-15	Tenolan 50	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4031	VD-22342-15	Tenonic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4032	VD-23365-15	Terbinafine STELLA Cream 1%	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4033	VD-24492-16	Terfuzol	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
4034	VD-20615-14	Terichlen	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
4035	VD-20018-13	Terpin - Codein	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
4036	VD-18591-13	Terpin benzoat	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4037	VD-19562-13	Terpin benzoat	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4038	VD-23320-15	Terpin Goledin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4039	VD-19106-13	Terpin hydrat	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
4040	VD-27620-17	Terpincods	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4041	VD-24367-16	Terpinon	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4042	VD-24335-16	Terpinzoat	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4043	VD-27004-17	Tertobin	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4044	VD-22000-14	Terzy New	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4045	VD-26893-17	Tesafu	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4046	VD-19935-13	Tesimald	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).
4047	VD-19589-13	Tetracyclin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4048	VD-23155-15	Tetracyclin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4049	VD-23788-15	Tetracyclin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4050	VD-23789-15	Tetracyclin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4051	VD-24550-16	Tetracyclin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4052	VD-26395-17	Tetracyclin 1%	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4053	VD-23903-15	Tetracyclin 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4054	VD-22432-15	Tetracyclin 500mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4055	VD-22538-15	Tetracyclin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4056	VD-22279-15	Tetracycline 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4057	VD-22630-15	Tezkin	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
4058	VD-22631-15	Tezkin	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
4059	VD-20941-14	Thefycold	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4060	VD-21095-14	Thegalin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4061	VD-26832-17	Thekati	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4062	VD-23453-15	Thenadin	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
4063	VD-26372-17	Thepacol 120	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4064	VD-17662-12	Thephamox	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4065	VD-21429-14	Thephavit	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4066	VD-21394-14	Theratussine 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4067	VD-23156-15	Thevinin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4068	VD-21947-14	Thexamix	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4069	VD-26373-17	Thexamix	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4070	VD-21563-14	Thiochicod 4 mg	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA
4071	VD-22372-15	Thiochicod 8 mg	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ Phần US Pharma USA
4072	VD-27246-17	Thông huyết tiêu nề DHD	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4073	VD-22931-15	Thrombusal	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4074	VS-4942-16	Thuốc đỏ 1%	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
4075	VD-23290-15	Thuốc ho bổ phế	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
4076	VD-23461-15	Thuốc ho bổ phế	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
4077	VD-24238-16	Thuốc ho trẻ em OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4078	VD-20364-13	Thuốc mỡ Tacropic	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4079	VD-17833-12	Thuốc nhỏ mắt-mũi Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4080	VD-26961-17	Thuốc rơ miệng Nyst	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
4081	VD-26541-17	Thuốc rửa phụ khoa Meseptic	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
4082	VD-20741-14	Thuốc tẩy giun Albendazol 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4083	VD-21304-14	Thuốc tẩy giun Albendazol 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4084	VD-21740-14	Thuốc trị viêm gan - tiêu độc Livbilnic	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
4085	VD-19264-13	Thuốc xịt miệng Mangoherpin DM	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
4086	V128-H12-13	Thuốc xịt mũi Thái Dương	Công ty CP Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
4087	VD-19954-13	Thyfacin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4088	VD-18421-13	Thylmedi 16 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4089	VD-26833-17	Thyperopa forte	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4090	VD-27216-17	Thysedow 10 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4091	VD-12939-10	Thytodux	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3.
4092	VD-26272-17	Tiamenol	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4093	VD-26273-17	Tiamenol	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4094	VD-26274-17	Tiamenol	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4095	VD-26275-17	Tiamesolon 16	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4096	VD-20843-14	Tibandex	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4097	VD-14096-11	TIDACOTRIM	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương
4098	VD-24650-16	Tidacotrim	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4099	VD-24651-16	Tidacotrim	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4100	VD-27621-17	Tidacotrim	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4101	VD-19961-13	Tidicoba	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4102	VD-19240-13	Tidosir	Công ty Cổ phần US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
4103	VD-19229-13	Tiffy dey	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana, Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana, Việt Nam
4104	VD-27090-17	Tigercef 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4105	VD-18811-13	Tilcipro	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4106	VD-27341-17	Timmak	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4107	VD-24234-16	Timolol 0,5%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4108	VD-26085-17	Timolol 0,5%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4109	VD-26794-17	Tinforova 1,5 M.I.U	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
4110	VD-26795-17	Tinfoten 180	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
4111	VD-26796-17	Tinfoten 60	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
4112	VD-22177-15	Tinidazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4113	VD-24623-16	Tinidazol 500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
4114	VD-23148-15	Tinidazol 500mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4115	VD-18194-13	Tinidazol HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4116	VD-19570-13	Tinidazol Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4117	VD-23639-15	Tinifast 60	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4118	VD-26537-17	Tipfine	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4119	VD-18355-13	Tiphadol 325	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4120	VD-17535-12	Tiphadol 650	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4121	VD-21897-14	Tiphaneuron	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4122	VD-23032-15	Tiphapred 5	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4123	VD-27068-17	Tiphapred M 16	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4124	VD-27069-17	Tiphapred M 4	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4125	VD-24283-16	Tipharel	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4126	VD-22514-15	Tipharmlor	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4127	VD-21360-14	Tiphaxiode	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4128	VD-26278-17	Tiptusxin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4129	VD-26279-17	Tiptusxin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4130	VD-22287-15	Tirastam 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4131	VD-26435-17	Tirastam 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4132	VD-22616-15	Tirastam 750	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4133	VD-21887-14	Tithigelron	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4134	VD-27054-17	Tizadyn 100	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
4135	VD-27475-17	Tizalon 2	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4136	VD-19302-13	Tizanad 2mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4137	VD-26086-17	Tobcol - Dex	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4138	VD-21804-14	Tobicom	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
4139	VD-19202-13	Tobradico	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
4140	VD-23157-15	Tobramycin 0,3%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4141	VD-26087-17	Tobramycin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4142	VD-26314-17	Tocemux	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
4143	VD-24117-16	Todergim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4144	VD-26673-17	Tofluxine	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
4145	VD-26047-17	Tolpernic	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4146	VD-26048-17	Tolpernic - 150	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4147	VD-27098-17	Tolzartan plus	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4148	VD-26725-17	Topezonis 100	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4149	VD-26094-17	Topezonis 50	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4150	QLĐB-677-18	Topflovir	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera
4151	VD-26632-17	Toplovir	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
4152	VD-19647-13	Topmaxsill	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4153	VD-24078-16	Top-Pirex	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4154	VD-21908-14	Topsea - F	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4155	VD-19034-13	Topsea 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4156	VD-26297-17	Topsea-Codein	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4157	VD-20637-14	Toptropin 800mg	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
4158	VD-20903-14	Tosren	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
4159	VD-27217-17	Tosren DM	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4160	VD-27454-17	Toulalan	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4161	VD-18889-13	Touxirup	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
4162	VD-23710-15	Tovalgan 150	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
4163	VD-27099-17	Tovecor 5	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4164	VD-26298-17	Tovecor plus	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4165	VD-23711-15	Toversin plus	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
4166	VD-26368-17	Tozinax	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4167	VD-27325-17	Trà gừng Thái Dương	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
4168	VD-24071-16	Trà hòa tan Hà thủ ô	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
4169	VD-27247-17	Trabogan	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4170	VD-20482-14	Tracardis	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4171	VD-20874-14	Tracardis 80	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4172	VD-19499-13	Trafocef-S 1g	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4173	VD-26088-17	Tragutan F	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4174	VD-23790-15	Trahes 5 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4175	VD-27367-17	Trajordan	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
4176	VD-26299-17	Tranbleed 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4177	VD-18362-13	Tranecid 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4178	VD-18363-13	Tranecid 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4179	VD-26911-17	Tranexamic acid 250mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4180	VD-26912-17	Tranexamic acid 500mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4181	VD-26834-17	Tranfaximox	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4182	VD-19788-13	Trangala	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
4183	VD-20640-14	Tranlippo	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4184	VD-19510-13	Trapadol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4185	VD-27422-17	Trasenbin 62,5	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4186	VD-23717-15	Travicol	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4187	VD-23718-15	Travicol Extra	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4188	VD-21918-14	Travicol PA	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4189	VD-21909-14	Treadox	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4190	VD-18364-13	Trepmycin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4191	VD-20114-13	Tretinoin	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4192	VD-23149-15	Triamcinolon	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4193	VD-22324-15	Tributel	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4194	VD-24452-16	Tricobion H5000	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4195	VD-19742-13	Tridecoughtana	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4196	VD-23305-15	Triflox	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
4197	VD-24453-16	Trifungi	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4198	VD-26289-17	Trikapezon Plus	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4199	VD-23037-15	Trikapezon Plus 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4200	VD-26290-17	Trikaxon	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4201	VD-19955-13	Trimazon 240	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4202	VD-19855-13	Trimeboston 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4203	VD-22914-15	Trimebutin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4204	VD-23720-15	Trimebutin	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4205	VD-24195-16	Trimeseptol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4206	VD-22975-15	Trimespa 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4207	VD-27534-17	Trimetazidin Stada 20 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
4208	VD-19004-13	Trimetazidine SaVi 20	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)
4209	VD-18651-13	Trimezola	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4210	VD-23995-15	Trimibelin 10	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
4211	VD-19291-13	Trimoxtal 250/250	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4212	VD-20158-13	Trimoxtal 500/250	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4213	VD-24454-16	Trineuron	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4214	VD-18336-13	Trinopast	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4215	VD-19806-13	Triopilin	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4216	VD-19928-13	Triptazidin 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4217	VD-21031-14	Tritamin B	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4218	VD-26891-17	Tritenols fort	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4219	VD-22055-14	Trivacintana	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4220	VD-16723-12	Trixlazi	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4221	VD-27349-17	Trolimax	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4222	VD-27350-17	Trolimax	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4223	VD-27218-17	Trovi	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4224	V155-H12-13	Tuần hoàn não Thái Dương	Công ty CP Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
4225	VD-27326-17	Tuần hoàn não Thái Dương	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
4226	VD-24368-16	Turanon	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4227	VD-20146-13	Turbe	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4228	VD-26915-17	Turbezid	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4229	VD-23750-15	Tusalene	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4230	VD-23109-15	Tuspi	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4231	VD-24362-16	Tuspi 500mg	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4232	VD-23983-15	Tusstadt	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4233	VD-23721-15	TV. Cefuroxime	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4234	VD-19977-13	TV. Enalapril 10	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4235	VD-20877-14	TV.Pantoprazol	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4236	VD-19979-13	TV-Enalapril	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4237	VD-22976-15	Tydol 325	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4238	VD-22977-15	Tydol 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4239	VD-21883-14	Tydol women	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4240	VD-18275-13	Tyrotab	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4241	VD-26669-17	Ubiheal 200	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4242	VD-27219-17	Ukapin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4243	VD-22505-15	Ulcerlex 30	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4244	VD-23791-15	Ulictan 200	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4245	QLĐB-688-18	Uloxoric	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera
4246	VD-22007-14	Ultradol	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4247	VD-23195-15	Unaben	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
4248	VD-18789-13	Uniferon B9	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4249	VD-27570-17	Unikids Zinc 70	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
4250	VD-22950-15	Upancetin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4251	VD-21011-14	UPHACET	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
4252	VD-22551-15	Uphaxime 200 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
4253	VD-23086-15	Upmagvit & B6	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
4254	VD-23248-15	Up-Misa	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
4255	VD-24118-16	Urdoc	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4256	VD-26797-17	Urictab 300	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
4257	VD-22978-15	Uristic 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4258	VD-22979-15	Uristic 300	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4259	VD-18737-13	Ursimex	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
4260	VD-26863-17	Ursimex 300	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4261	VD-26230-17	Ursocholic-OPV 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4262	VD-21341-14	Ursocholic-OPV 150	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4263	VD-27319-17	Ursoterol 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4264	VD-21819-14	USAALLERZ 180	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4265	VD-22809-15	Usaallerz 180	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4266	VD-21229-14	Usabetic 2	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4267	VD-22076-14	Usacip 500	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4268	VD-22983-15	Usaconcorich	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
4269	VD-26741-17	Usalukast 4 ODT	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4270	VD-22442-15	Usaneuro 100	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4271	VD-22443-15	Usaneuro 300	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4272	VD-26044-17	Usarderon	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
4273	VD-21192-14	Usarichcatrol	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
4274	VD-23511-15	Usarinate	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4275	VD-23512-15	Usarinate	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4276	VD-20617-14	Usarolvon	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
4277	VD-21230-14	Usasartim 150	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4278	VD-22444-15	Usasartim 300	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4279	VD-22116-15	Usasartim Plus 150	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4280	VD-19802-13	Usatangenyls	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
4281	VD-19767-13	Usatrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4282	VD-27648-17	Usazapin	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4283	VD-19751-13	Uscadidroxyl 250	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty TNHH US pharma USA
4284	VD-20402-13	Uscadimin C 1g	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4285	VD-20606-14	Uscadirocin 50	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
4286	VD-20403-13	Uscefdin cap	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4287	VD-21599-14	Uscefpo 100	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ALASKA PHARMA U.S.A	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4288	VD-22821-15	Uscimix 400	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA
4289	VD-20115-13	Uscmusol	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4290	VD-20116-13	Uscpherol 400	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
4291	VD-20801-14	Usolin 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4292	VD-21683-14	Usolin 150	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4293	VD-18337-13	Usolin plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4294	VD-19241-13	Ustrivit	Công ty TNHH US pharma USA	Công ty TNHH US pharma USA
4295	VD-24641-16	V.Rohto for kids	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
4296	VD-21569-14	V.Rohto vitamin	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
4297	VD-18000-12	Vaciradin	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4298	VD-23751-15	Vaco - Pola 2	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4299	VD-23115-15	Vaco Loratadine	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4300	VD-23116-15	Vacolaren	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4301	VD-24370-16	Vacoomez	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4302	VD-21927-14	Vacoomez S 20	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4303	VD-22260-15	Vadol 325 D	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4304	VD-22261-15	Vadol 325 DX	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4305	VD-23753-15	Vadol 325_DC	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4306	VD-24371-16	Vadol 325-L	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4307	VD-23117-15	Vadol 5	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4308	VD-24372-16	Vadol A325	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4309	VD-23754-15	Vadol caplet	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4310	VD-23755-15	Vadol caps	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4311	VD-23119-15	Vadol Extra	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4312	VD-23645-15	Vagastat	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4313	VD-27342-17	Vaginax	Công ty cổ phần Sundial Pharma	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4314	VD-22227-15	Vagonxin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4315	VD-22228-15	Vagonxin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4316	VD-18365-13	Valbivi 0.5g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4317	VD-18366-13	Valbivi 1,0g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4318	VD-26570-17	Valsartan Stada 40 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
4319	VD-26571-17	Valsartan Stada 80 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
4320	VD-19708-13	Vamipas	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4321	VD-27070-17	Vantamox 500	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4322	VD-18848-13	Varogel	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
4323	VD-26519-17	Varogel S	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
4324	VD-26231-17	Vasartim plus 160/25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4325	VD-24255-16	Vasartim Plus 80/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4326	VD-18261-13	Vasebos	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4327	VD-19328-13	Vasebos 160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4328	VD-20184-13	Vasebos plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4329	VD-23412-15	Vaslaselli	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4330	VD-19671-13	Vaslor 10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4331	VD-19672-13	Vaslor-20	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4332	VD-24455-16	Vaspycar MR	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4333	VD-20584-14	Vastec	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
4334	VD-27571-17	Vastec 35 MR	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
4335	VD-19424-13	Vastrim	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4336	VD-19209-13	Vatzatel	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
4337	VD-21992-14	Vebutin	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4338	VD-27351-17	Vedanal	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4339	VD-27352-17	Vedanal fort	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4340	VD-23984-15	Venlafaxine STELLA 75 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4341	VD-19807-13	Venrutine	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
4342	VD-27503-17	Vị an nam bảo dược	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II
4343	VD-21211-14	Vi nang Cetirizin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4344	VD-17979-12	Vialexin 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4345	VD-19035-13	Vialexin-F1000	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4346	VD-22109-15	Vicaldex	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4347	VD-27145-17	Vicefmix	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4348	VD-27146-17	Vicefoxitin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4349	VD-19508-13	Viceftazol	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4350	VD-26319-17	Viceftazol	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4351	VD-27147-17	Viciamox	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4352	VD-23728-15	Viciamox 0,75g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4353	VD-17037-12	Viciaxon	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4354	VD-26320-17	Vicicefxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4355	VD-27148-17	Vicilothin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4356	VD-18407-13	Vicimadol	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4357	VD-22245-15	Vicimlastatin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4358	VD-18780-13	Viciroxim 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4359	VD-19335-13	Vicoxib 100	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4360	VD-19336-13	Vicoxib 200	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4361	VD-27032-17	Victans	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
4362	VD-24030-15	Victoz 0.5g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4363	VD-24638-16	Victoz 1g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4364	VD-21381-14	Vidaloxin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4365	VD-20861-14	Vidaloxin 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4366	VD-18518-13	Vidigal	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4367	VD-26798-17	Vidpoic 600	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
4368	VD-22310-15	Viên an thần	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4369	VD-26211-17	Viên đại tràng Inberco	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
4370	VD-21328-14	Viên Diệp Hạ Châu PYLANTIN	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4371	VD-23250-15	Viên dưỡng não Cebraton - S	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
4372	VD-23622-15	Viên dưỡng não O.P.CAN	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4373	VD-23462-15	Viên gừng HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4374	VD-21329-14	Viên hà thủ ô Extracap	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4375	VD-21861-14	Viên nang Linh Chi	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.
4376	VD-21522-14	Viên nén nhai OH NO	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
4377	VD-27368-17	Viên nhuận tràng Ovalax	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
4378	VD-17980-12	Vifamox 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4379	VD-19036-13	Vifamox-F1000	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4380	VD-27320-17	Vifix	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4381	VD-19493-13	Vifloxacol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4382	VD-18766-13	Vigentin 250mg/31,25mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
4383	VD-21363-14	Vigentin 500mg/ 125mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
4384	VD-22223-15	Vigentin 500mg/62,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
4385	VD-18358-13	Vigentin 500mg/62,5mg tab.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
4386	VD-21482-14	Vigorito	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4387	VD-18273-13	Vilanta	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4388	VD-19369-13	Vina-AD	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4389	VD-21798-14	Vinaflam 500	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
4390	VD-19962-13	Vinakion	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4391	VD-22827-15	Vinazol	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4392	VD-18006-12	Vincezin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4393	VD-27154-17	Vincolin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4394	VD-21919-14	Vincomid	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4395	VD-20892-14	Vincopane	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4396	VD-20893-14	Vincynon	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4397	VD-27155-17	Vincynon 500	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4398	VD-21920-14	Vindopril	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4399	VD-22247-15	Vinfadin V20	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4400	VD-18007-12	Vingen	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4401	VD-24343-16	Vin-hepa	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4402	VD-17046-12	Vin-Hepa 500	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.
4403	VD-27156-17	Vinluta 900	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4404	VD-18781-13	Vinocam 20mg	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4405	VD-18008-12	Vinopa	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4406	QLĐB-696-18	Vinorelbin Bidiphar 10 mg/1ml	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
4407	VD-19989-13	Vinpecine	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4408	VD-23091-15	Vinphacetam	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4409	VD-27157-17	Vinphacetam 1,2g	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4410	VD-27158-17	Vinphatex 200	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4411	VD-24909-16	Vinphatex 300	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4412	VD-26323-17	Vinphatoxin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4413	VD-27369-17	Vinpocetin 5mg	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
4414	VD-17048-12	Vinrolac	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.
4415	VD-24344-16	Vinrovit 5000	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4416	VD-23730-15	Vinsalmol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4417	VD-26324-17	Vinsalmol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4418	VD-19515-13	Vinsolon	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4419	VD-27159-17	Vinsolon	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4420	VD-24345-16	Vinsolon 125	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4421	VD-27149-17	Vinsulin 0,75g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4422	VD-27150-17	Vinsulin 2g/1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4423	VD-20275-13	Vintanil	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4424	VD-27160-17	Vintanil 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4425	VD-20276-13	Vintanyl	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4426	VD-18009-12	Vintolox	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4427	VD-27139-17	Vipkan	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
4428	VD-21403-14	Viprobenyl	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4429	VD-23961-15	Viritin 4 mg	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm
4430	VD-23321-15	Virnagza	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4431	VD-23322-15	Virnagza Fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4432	VD-18895-13	Visartis 40	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
4433	VD-26139-17	Visdogyl	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
4434	VD-20484-14	Vitafxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4435	VD-20462-14	Vitajoint	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4436	VD-15975-11	Vitamin 3B	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4437	VD-19397-13	Vitamin 3B	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4438	VD-21426-14	Vitamin 3B B1-B2-B6	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
4439	VD-20160-13	Vitamin A 5000IU	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4440	VD-17089-12	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4441	VD-18423-13	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4442	VD-19550-13	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4443	VD-26315-17	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4444	VD-19390-13	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4445	VD-23413-15	Vitamin B1	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4446	VD-26592-17	Vitamin B1	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
4447	VD-26869-17	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4448	VD-27248-17	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4449	VD-16608-12	Vitamin B1 + B6 + B12	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm
4450	VD-20003-13	Vitamin B1 + B6 + PP	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4451	VD-23133-15	Vitamin B1 0,01g	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
4452	VD-23158-15	Vitamin B1 10 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4453	VD-18652-13	Vitamin B1 100 mg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4454	VD-24092-16	Vitamin B1 250 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
4455	VD-23480-15	Vitamin B1 250mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4456	VD-23698-15	Vitamin B1 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4457	VD-27071-17	Vitamin B1 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4458	VD-26713-17	Vitamin B1 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
4459	VD-18196-13	Vitamin B1 -HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4460	VD-26305-17	Vitamin B1 TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
4461	VD-23769-15	Vitamin B12	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4462	VD-19481-13	Vitamin B12 1000 mcg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4463	VD-19563-13	Vitamin B12 1000 mcg/1ml	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4464	VD-23606-15	Vitamin B12 1mg/ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4465	VD-24295-16	Vitamin B1-B6-B12	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4466	VD-21940-14	Vitamin B1-HD	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4467	VD-18744-13	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4468	VD-19564-13	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4469	VD-19249-13	Vitamin B6 - HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4470	VD-18653-13	Vitamin B6 100 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4471	VD-18252-13	Vitamin B6 100mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4472	VD-24373-16	Vitamin B6 250	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4473	VD-21521-14	Vitamin B6 250 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4474	VD-27389-17	Vitamin B6 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4475	VD-18209-13	Vitamin B6 250mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4476	VD-18592-13	Vitamin B6 250mg	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4477	VD-23054-15	Vitamin B6 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4478	VD-27118-17	Vitamin B6 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
4479	VD-24406-16	Vitamin B6 Kabi 100mg/1ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4480	VD-17404-12	Vitamin C	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
4481	VD-26232-17	Vitamin C	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4482	VD-26627-17	Vitamin C	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4483	VD-27622-17	Vitamin C	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4484	VD-21945-14	Vitamin C - DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
4485	VD-21330-14	Vitamin C - OPC 100mg Hương cam	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4486	VD-23055-15	Vitamin C 0,10g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4487	VD-23323-15	Vitamin C 1000 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4488	VD-24318-16	Vitamin C 100mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4489	VD-24374-16	Vitamin C 250	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4490	VD-26785-17	Vitamin C 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4491	VD-27624-17	Vitamin C 250	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4492	VD-21350-14	Vitamin C 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4493	VD-26170-17	Vitamin C 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4494	VD-20397-13	VITAMIN C 250mg	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương
4495	VD-20398-13	VITAMIN C 250mg	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương
4496	VD-23756-15	Vitamin C 500	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4497	VD-23757-15	Vitamin C 500	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4498	VD-22757-15	Vitamin C 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
4499	VD-24400-16	Vitamin C 500 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4500	VD-26171-17	Vitamin C 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4501	VD-23431-15	Vitamin C 500-HV	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY VĂN	Công ty Cổ phần US Pharma USA
4502	VD-14646-11	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Công ty cổ phần Dược S. Pharm
4503	VD-17981-12	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4504	VD-22956-15	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4505	VD-23667-15	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4506	VD-23668-15	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4507	VD-24044-15	Vitamin C 500mg	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4508	VD-27022-17	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4509	VD-23623-15	Vitamin C Glucose	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4510	VD-23687-15	Vitamin C TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
4511	VD-20771-14	Vitamin E 400	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4512	VD-22617-15	Vitamin E 400	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4513	VD-18738-13	Vitamin E 400 IU	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
4514	VD-22657-15	Vitamin E 400 IU	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4515	VD-23744-15	Vitamin E 400 IU	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4516	VD-23624-15	Vitamin E 400 IU - OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4517	VD-23237-15	Vitamin E 400 thiên nhiên	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4518	VD-22083-15	Vitamin E 400IU	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
4519	VD-26325-17	Vitamin K	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4520	VD-18908-13	Vitamin K1 1 mg/1ml	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4521	VD-18191-13	Vitamin K1 10 mg/1ml	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4522	VD-27556-17	Vitamin PP	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
4523	VD-18555-13	Vitamin PP 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
4524	VD-22243-15	Vitamin PP 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4525	VD-27292-17	Vitamin PP 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4526	VD-20529-14	Vitaphol	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4527	VD-21198-14	Vitatrum energy	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE	CÔNG TY TNHH BRV HEALTHCARE
4528	VD-19061-13	Vitazidim 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4529	VD-24341-16	Vitazidim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4530	VD-19986-13	Vitazidim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4531	VD-18409-13	Vitazovilin	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4532	VD-22246-15	Vitazovilin 4,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4533	VD-23737-15	Vitcbebe 300	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
4534	VD-19062-13	Viticalat	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4535	VD-26321-17	Viticalat	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4536	VD-27353-17	Vitol	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4537	VD-23497-15	VitPP	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4538	VD-23865-15	Vixbarin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4539	VD-22487-15	Vocfor	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4540	VD-20972-14	Vôi Soda	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4541	VD-26132-17	Volaren 75	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4542	VD-20845-14	Vomicur	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4543	VD-20493-14	Vomina 50	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
4544	VD-21732-14	Warfarin 1	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4545	VD-21733-14	Warfarin 2	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4546	VD-21734-14	Warfarin 4	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4547	VD-21735-14	Warfarin 5	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4548	VD-19673-13	Wazer	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4549	VD-18424-13	Wincold F	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4550	VD-27005-17	Wormectol 3	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4551	VD-20530-14	Wright	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4552	VD-19482-13	Xamdemil 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4553	VD-22980-15	Xicox 90	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4554	VD-26718-17	Xylo-Fran 0,05%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4555	VD-26719-17	Xylo-Fran 0,1%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4556	VD-21771-14	Xylogen	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
4557	VD-22744-15	Xylometazolin Spray 0,1%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4558	VD-20610-14	YAFORT	Công ty TNHH Dược phẩm Y.A.C	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4559	VD-20531-14	Yanbiwa	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4560	VD-18269-13	Ytecogesic	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
4561	VD-20079-13	Zabales	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4562	VD-17749-12	Zalenka	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4563	VD-21700-14	Zalrinol	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4564	VD-27423-17	Zalysée	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4565	VD-27544-17	Zanastad	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
4566	VD-22235-15	Zaniat 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4567	VD-23057-15	Zaniat 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4568	VD-20746-14	Zanimex 250	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4569	VD-22144-15	Zanmite 250	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4570	VD-19885-13	Zanmite 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4571	VD-27456-17	Zapnex-10	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4572	VD-21993-14	Zarsitex	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4573	VD-23500-15	Zasemer 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
4574	VD-23501-15	Zasemer 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
4575	VD-22863-15	Zedolid	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4576	VD-26776-17	Zencombi	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4577	VD-21553-14	Zensalbu nebules 2.5	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4578	VD-21554-14	Zensalbu nebules 5.0	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4579	VD-17688-12	Zento B - Forte CPC1	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4580	VD-18410-13	Zentopeni CPC1	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4581	VD-18002-12	Zentotacxim CPC1	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4582	VD-26684-17	Zentramol	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4583	VD-27424-17	Zeprilnas	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4584	VD-23324-15	Zexpam	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4585	VD-21070-14	Zhekof	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
4586	VD-27458-17	Zhekof-80	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4587	GC-278-17	Ziber	(Cơ sở đặt gia công): Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4588	VD-27006-17	Zibifer	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4589	VD-26155-17	Zicumgsv	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4590	VD-19937-13	Zidimbiotic 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4591	VD-23015-15	Zidolam SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
4592	VD-22353-15	Zidovudin Stada 300 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellaphar	Công ty TNHH Liên Doanh Stellaphar
4593	VD-19674-13	Ziegler	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4594	VD-18722-13	Zilroz 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4595	VD-18723-13	Zilroz 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4596	VD-19023-13	Zilvit	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4597	VD-22887-15	Zinbebe	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4598	VD-21787-14	Zinc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4599	VD-22801-15	Zinc 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4600	VD-27425-17	Zinc 15	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4601	VD-19164-13	Zinc 15 Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4602	VD-21191-14	Zincap 500	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
4603	VD-18674-13	Zinc-kid inmed	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4604	VD-23325-15	Zinetex	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
4605	VD-24409-16	Zinforcol	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4606	VD-19165-13	Zinobaby	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4607	VD-18773-13	Zinoprody	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4608	VD-19929-13	Zithin 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4609	VD-19425-13	Zithin 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4610	VD-26292-17	Ziusa	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4611	VD-21483-14	Zlatko-100	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4612	VD-23924-15	Zlatko-25	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4613	VD-21484-14	Zlatko-50	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4614	VD-19675-13	Zoacnel-10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4615	VD-22288-15	Zoamco 10mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4616	VD-22289-15	Zoamco 20mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4617	VD-22290-15	Zoamco 40mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4618	VD-26853-17	Zobacta 2,25g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4619	VD-20747-14	Zobacta 4,5g	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4620	VD-23021-15	Zolifast 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4621	VD-23022-15	Zolifast 2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
4622	VD-20042-13	Zoliicef	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4623	VD-23866-15	Zolinstad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4624	VD-21842-14	Zolmed 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4625	VD-21852-14	Zondoril 10	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4626	VD-21853-14	Zondoril 5	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4627	VD-27461-17	Zurer-300	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4628	VD-23444-15	Zvezdochka Nasal Drop 0,05%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4629	VD-26436-17	α - Kiisin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4630	VD-22599-15	α- Kiisin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4631	VD-19833-13	β-Sol	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm

Phụ lục II

DANH MỤC THUỐC NƯỚC NGOÀI CÓ GĐKLH HẾT HIỆU LỰC TỪ 30/12/2021 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 31/12/2022 THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo công văn số /QLD-ĐK ngày / /2022)

(*) Ghi chú: Danh mục này gồm các thuốc hết hạn trước 30/6/2022. Các thuốc khác đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 29/2022/NĐ-CP đang được tiếp tục cập nhật, bổ sung tại các đợt công bố tiếp theo.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1	VN-15725-12	0.9% Sodium Chloride Intravenous Infusion B.P.	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
2	VN-15226-12	10% Glucose Intravenous Infusion B.P.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
3	VN-15227-12	20% Glucose Intravenous Infusion B.P.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
4	VN-18586-15	4.2% w/v Sodium Bicarbonate	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
5	VN-15228-12	5% Glucose Intravenous Infusion B.P.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
6	VN-17422-13	5-Fluorouracil "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte.Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG
7	VN-15842-12	AB Ausbiobone	Công ty TNHH Dược phẩm Thắng Lợi	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
8	VN2-643-17	Abacavir Tablets USP 300mg	Mi Pharma Private Limited	Mylan Laboratories Limited
9	VN-20441-17	Abbsin 200	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	OU Vitale-XD (nơi sản xuất Vitale Pringi)
10	VN-20442-17	Abbsin 600	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	OU Vitale-XD (nơi sản xuất Vitale Pringi)
11	VN-17095-13	Abernil 50mg	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD – CENTRAL FACTORY
12	VN3-174-19	Abilify Tablets 5mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
13	VN3-121-19	Abiratred	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
14	VN-18371-14	Acnotin 20	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
15	VN-18589-15	Acupan (Xuất xưởng: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais-France)	DKSH Singapore Pte Ltd	Delpharm Tours
16	VN-15194-12	Acuvail	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Sales, LLC
17	VN-16608-13	Acyclovir	Công ty TNHH Seamed Ptk.	JSC "Kievmedpreparat"

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
18	VN-20385-17	Adalat LA 30mg	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer AG
19	VN-15543-12	Adant	Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Thảo	Tedec Meiji Farma, SA (The Spainish Subsidiary of Meiji Seika Pharma Co. Ltd
20	VN-16807-13	Adorucin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
21	VN-17713-14	Adrim 10mg/5ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
22	VN-18304-14	Adrim 50mg/25ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
23	VN-16290-13	Advagraf	Astellas Pharma Singapore Pte. Ltd.	Astellas Ireland Co.,Ltd.
24	VN-16291-13	Advagraf	Astellas Pharma Singapore Pte. Ltd.	Astellas Ireland Co.,Ltd.
25	VN-16498-13	Advagraf	Astellas Pharma Singapore Pte. Ltd	Astellas Ireland Co.,Ltd.
26	VN-18026-14	Aerius	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Schering-Plough Labo N.V.
27	VN-19452-15	Agiect	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nga	Globe Pharmaceuticals Ltd.
28	VN-19723-16	Aireez 4mg sachet	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
29	VN-19126-15	Air-X 120	Công ty TNHH thương mại Dược phẩm Úc Châu	R.X. Manufacturing Co., Ltd.
30	VN-18133-14	Alclav Forte Dry Syrup 312.5 mg/5ml	Alkem Laboratories Ltd.	Alkem Laboratories Ltd.
31	VN-18376-14	Alcoclear	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
32	VN-15792-12	Aldan Tablets 10 mg	Công ty cổ phần Y tế Việt Phương	Polfarmex S.A
33	VN-15793-12	Aldan Tablets 5 mg	Công ty cổ phần Y tế Việt Phương	Polfarmex S.A
34	VN-18178-14	Aldarone	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
35	VN-17584-13	Alegysal	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.
36	VN-20579-17	Alexan	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
37	VN-20580-17	Alexan	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
38	VN3-39-18	Alfentanil-hameln 0,5mg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
39	VN-18137-14	Allerba-10	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Bal Pharma Ltd.
40	VN-18499-14	Allerstat 120	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
41	VN-18592-15	Alphagan P	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Sales, LLC
42	VN2-517-16	Alvotinib 100mg	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	Remedica Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
43	VN2-447-16	Alvotinib 400mg	Công ty TNHH AMV Pharmaceutical	Remedica Ltd.
44	VN-18883-15	Alzed Tablet 400 mg	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	General Pharmaceutical Ltd.
45	VN-19872-16	Ambolyt Syrup	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
46	VN-16571-13	Amflox	Công ty TNHH Reliv Pharma	Amanta Healthcare Limited
47	VN-16560-13	Amiyu Granules	Công ty TNHH DKSH Pharma Việt Nam	EA Pharma Co., Ltd.
48	VN-16076-12	Amlocor-5	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
49	VN-20239-17	Amlopres 5	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
50	VN-18594-15	Amoksiklav Quicktabs 1000 mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
51	VN-18595-15	Amoksiklav Quicktabs 625 mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
52	VN-20228-17	Amoxicillin capsules BP 500mg	Aurobindo Pharma Limited	Aurobindo Pharma Limited
53	VN-18082-14	Amoxicillin/acid clavulanic Sandoz GmbH	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz GmbH
54	VN-18166-14	Amphotret	Bharat Serums and Vaccines Ltd	Bharat Serums and Vaccines Ltd
55	VN-13264-11	Anargil	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd.
56	VN-16322-13	Anargil 200mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd - Central factory
57	VN-20233-17	Androgel	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd.	Besins Manufacturing Belgium
58	VN-17169-13	Androz-100	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
59	VN-17605-13	Androz-50	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
60	VN-18470-14	Anginovag	Tedis	Ferrer Internacional S.A.
61	VN-20439-17	Apimdo	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Drogsan Ilaclari San. ve Tic. A.S.
62	VN-15827-12	Apratam	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Nga	S.C.Arena Group S.A.
63	VN-19122-15	Arbol 100	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Phương	M/S. Olive Healthcare
64	VN-19653-16	Arduan	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
65	VN3-149-19	Aripegis	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
66	VN2-502-16	Aritero 10	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
67	VN2-503-16	Aritero 15	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
68	VN-11017-10	Artrodar	TRB Chemedica (Thailand) Co., Ltd.	TRB Pharma S.A
69	VN-20447-17	Asbesone	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hợp	Replek Farm Ltd. Skopje
70	VN-19911-16	Asentra 50mg	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
71	VN-18248-14	Asgizole	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hợp	Sofarimex-Industria Quimica E Farmaceutica, S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
72	VN-18249-14	Asgizole	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hợp	Valpharma International S.p.a
73	VN-19604-16	Asoct	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hợp	GP-Pharm, S.A.
74	VN-16882-13	Astmodil	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
75	VN-16883-13	Astmodil	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
76	VN-17568-13	Astmodil	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
77	VN-16760-13	Atasart-H	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
78	VN2-559-17	Atazanavir (as sulfate) capsules 150mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
79	VN2-560-17	Atazanavir (as sulfate) capsules 300mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
80	VN-18880-15	Atorcal tablet 20 mg	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
81	VN-18881-15	Atoris 20mg	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
82	VN-16657-13	Atoronobi 40	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
83	VN-19232-15	Atorvastatin Tablets 10mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceutical Ltd.
84	VN-19233-15	Atorvastatin Tablets 20mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceutical Ltd.
85	VN-20307-17	Atozone-S	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
86	VN-16204-13	Audocals	Công ty TNHH Dược phẩm DOHA	Farmak JSC
87	VN-20517-17	Augmentin 1g	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	SmithKline Beecham Pharmaceuticals
88	VN-18305-14	Auricularum	Công ty TNHH Dược Phẩm Nhất Anh	Laboratoires Grimberg
89	VN-17252-13	Aurolex 500	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
90	VN-17253-13	Auroliza 5	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
91	VN-17254-13	Auroliza-H	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
92	VN-17255-13	Auromitaz 1000	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
93	VN-17643-14	Auropennz 1.5	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
94	VN-17644-14	Auropennz 3.0	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
95	VN-17382-13	Ausulvas 10 Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
96	VN-14740-12	Avarino	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited
97	VN-18984-15	Aviflox 400	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
98	VN-20304-17	Axcel Cetirizine Syrup 5 mg/5ml	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.
99	VN-18997-15	Axofen oral suspension	Aristopharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
100	VN-17810-14	Azarga	Novartis Pharma Services AG	s.a. Alcon-Couvreur N.V
101	VN-19379-15	Bactronil	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Agio Pharmaceuticals Ltd.
102	VN-16670-13	Bantet	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
103	VN-18027-14	Banupyl - Kit	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
104	VN-13012-11	Barcavir	Công ty TNHH dược phẩm Vietsun	Incepta Pharmaceuticals Limited
105	VN-20563-17	Barole 10	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
106	VN-19092-15	Barudon Susp	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Tai Guk Pharm. Ind. Co., Ltd.
107	VN-18017-14	BASULTAM	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd. - Factory C
108	VN-20509-17	Beatil 4mg/ 10mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Polska Sp. zo.o.
109	VN-20510-17	Beatil 4mg/5mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Polska Sp. zo.o.
110	VN-20511-17	Beatil 8mg/ 10mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter Plc.; Đc: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Polska Sp. zo.o.
111	VN-17263-13	Becozyme	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Cenexi SAS
112	VN2-500-16	Belara	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
113	VN-19391-15	Berocca Performance Orange	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	PT Bayer Indonesia
114	VN-19067-15	Bestatin 20	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.
115	VN-19506-15	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.
116	VN-20577-17	Betadine Ointment 10% w/w	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.
117	VN-20326-17	Betadine Throat spray	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
118	VN-19442-15	Betahistine Bluepharma (cơ sở đóng gói: Bluepharma-Industria Farmaceutica, S.A (Fab). Địa chỉ: Sao Martinho do Bispo 3045-016 Coimbra Bồ Đào Nha)	BLUEPHARMA - INDUSTRIA FARMACEUTICA, S.A	Catalent Germany Schorndorf GmbH (FAB. Schorndorf)
119	VN-17245-13	Betaloc 50mg	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
120	VN-17244-13	Betaloc Zok 50mg	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	AstraZeneca AB
121	VN-15957-12	Bi Preterax	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
122	VN-17993-14	Bilclamos 625mg	Công ty TNHH Dược phẩm A.C.T	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A..S
123	VN-17475-13	Bilclamos BID 1000mg	Công ty TNHH Dược phẩm A.C.T	Bilim Ilac Sanayii Ve Ticaret A.S.
124	VN-17477-13	Bilgrel	Công ty TNHH Dược phẩm A.C.T	Bilim Ilac Sanayii Ve Ticaret A.S.
125	VN-19716-16	Bilomag	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Natur Produkt Zdrovit Sp. Z o.o
126	VN-13720-11	Binfin	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Ltd
127	VN-19303-15	Biofumoksym	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A
128	VN-19304-15	Biofumoksym	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A
129	VN-20257-17	Biotropil 1200	Công ty Cổ phần thương mại Polvita	Biofarm Sp. zo.o.
130	VN-20258-17	Biotropil 800	Công ty Cổ phần thương mại Polvita	Biofarm Sp. zo.o.
131	VN-18490-14	Bisoblock 5mg	Actavis International Ltd	Niche Generics Limited
132	VN-16058-12	Bisolota F.C. Tablets 5mg	Standard Chem & Pharm Co., Ltd.	Standard Chem & Pharm Co., Ltd.
133	VN-15737-12	Bisolvon Tablets	Boehringer Ingelheim International GmbH	PT. Boehringer Ingelheim Indonesia
134	VN-18126-14	Bisoprolol Fumarate 2.5mg	Actavis International Ltd	Niche Generics Limited
135	VN-19520-15	Bloktiene 4mg	PT Actavis Indonesia	Actavis International Ltd
136	VN-20365-17	Bloktiene 5 mg	Actavis International Ltd	Actavis Ltd.
137	VN-20393-17	Bluecose	Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A.	Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A.
138	VN-17140-13	Blueye eye drop	Công ty TNHH Philavida	Samchundang Pharm. Co., Ltd
139	VN-17847-14	Bofalgan 1g/100ml Infusion	Bosch Pharmaceutical (PVT) Ltd.	Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd.
140	VN-11750-11	Bonlutin	Công ty TNHH Đại Bắc	Catalent Australia Pty. Ltd.
141	VN-19448-15	Bonsartine 25 Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
142	VN-19535-15	Bonviva	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG
143	VN-18843-15	Brapanto 40mg	Công ty CP dược phẩm Pha No	Deva Holding A.S.
144	VN-18142-14	Breathezy 4	Mi Pharma Private Limited	MSN Laboratories Private Limited
145	VN-18799-15	Brexin	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Chiesi Farmaceutici S.p.A.
146	VN-20227-17	Bricanyl	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	Cenexi
147	VN-19353-15	Britop	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Bharat Parenterals Ltd.
148	VN-19552-16	Bromhexin Actavis 8mg	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Actavis International Ltd
149	VN-17242-13	Bronast Tablet	Aristopharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
150	VN-20626-17	Bronuck ophthalmic solution 0.1%	Senju Pharmaceutical Co., Ltd	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant
151	VN-18028-14	Brospecta-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
152	VN-19819-16	Bterol	Công ty Cổ phần BT Việt Nam	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A (Fab. Abrunheira)
153	VN-19603-16	Buderen	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Dược	Rafarm S.A.
154	VN-20518-17	Budesma	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
155	VN-15282-12	Budesonide Teva 0,5mg/2ml	Actavis International Ltd	Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceuticals UK
156	VN-18525-14	Buluking	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đông Phương	BCWorld Pharm.Co.,Ltd.
157	VN-16918-13	Bupitroy 0,5%	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
158	VN-16919-13	Bupitroy Heavy	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
159	VN-19692-16	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml	Delpharm Tours	Laboratoire Aguettant S.A.S
160	VN-19328-15	Burometam 2g	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đức Việt	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
161	VN-16442-13	Buto-Asma	Actavis International Ltd	Laboratorio Aldo Union, S.A.
162	VN-19024-15	Cadglim 4	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
163	VN-18500-14	Cadigrel	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
164	VN-17284-13	Caditor 10	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
165	VN-17285-13	Caditor 20	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
166	VN-17286-13	Caditor 40	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
167	VN-20384-17	Calcium Gluconat 10% w/v Injections	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
168	VN-19324-15	Calcrem	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Satyam Pharmaceuticals & Chemicals Pvt., Ltd.
169	VN-19630-16	Caldiol soft capsule (Cơ sở đóng gói: Medica Korea Co., Ltd; địa chỉ: 96, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea)	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	RP Corp., Inc
170	VN-18395-14	CalSource 600 mg + 400 IU Vitamin D3	GlaxoSmithKline Pte Ltd	Famar Orleans
171	VN-20556-17	Camtax	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
172	VN-20568-17	Cancidas	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Laboratoires Merck Sharp & Dohme Chibret
173	VN-19273-15	Candelong-4	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
174	VN-18564-14	Candelong-8	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
175	VN-20455-17	Candesarkern 16mg Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Kern Pharma S.L.
176	VN-20456-17	Candesarkern 8mg Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Kern Pharma S.L.
177	VN-20392-17	Candesartan BluePharma	Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A.	Bluepharma Genericos-Comercio De Medicamenos, S.A.
178	VN-19171-15	Candid	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
179	VN-19658-16	Candid TV	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
180	VN-19659-16	Candid V1	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
181	VN-19660-16	Candid V3	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
182	VN-17046-13	Candid -V6	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
183	VN-16136-13	Canesten	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer Pharma AG
184	VN2-305-14	Capetero 500	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
185	VN-18857-15	Carazotam	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Mitim s.r.l.
186	VN-18858-15	Carazotam	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Mitim s.r.l.
187	VN-17486-13	Carbotenol	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
188	VN-18095-14	Cardiject	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
189	VN-9648-10	Cardilopin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
190	VN-9649-10	Cardilopin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
191	VN-19727-16	Catefat	Phil International Co., Ltd.	Cho-A Pharm Co., Ltd.
192	VN-18618-15	Cathejell MIT Lidocain	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH.
193	VN-20508-17	Cavinton	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
194	VN-9211-09	Cavinton	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
195	VN2-642-17	Cavir 0.5	Công ty TNHH Dược phẩm Vietsun	Square Pharmaceuticals Ltd
196	VN-14051-11	Cebrex	công ty cổ phần dược phẩm Duy Tân	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG
197	VN-18242-14	Cedonkit 250	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Delta Pharma Limited
198	VN-18078-14	Cefax - 250 capsule	SAKAR HEALTHCARE LIMITED	SAKAR HEALTHCARE LIMITED
199	VN-18447-14	Cefax - 250 Dry Syrup	Sakar Healthcare Limited	Sakar Healthcare Limited
200	VN-18448-14	Cefax-500 capsule	SAKAR HEALTHCARE LIMITED	SAKAR HEALTHCARE LIMITED
201	VN-19241-15	Cefeme 1g	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd. - Factory C
202	VN-17366-13	Cefepime Gerda 1g	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
203	VN-17367-13	Cefepime Gerda 2g	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
204	VN-17287-13	Ceficad 1000	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
205	VN-19451-15	Cefotaxim Stragen 2g	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	Mitim S.R.L
206	VN-20445-17	Cefoxitin Gerda 1G	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
207	VN-20446-17	Cefoxitin Gerda 2G	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
208	VN-18224-14	Cefpibolic-1000	Công ty TNHH Một thành viên Ân Phát	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
209	VN-17368-13	Ceftazidime Gerda 1g	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
210	VN-20418-17	Ceftazidime Kabi 1g (SX bán thành phẩm: Hanmi Fine Chemical Co., Ltd; địa chỉ: Plant A and B 59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc)	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Labesfal- Laboratórios Almiro, S.A.
211	VN-17288-13	Ceftopix 100	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
212	VN-17289-13	Ceftopix 200	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
213	VN-17290-13	Ceftopix 50 suspension	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
214	VN-16696-13	Ceftriaxone Gerda 1g/10ml	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
215	VN-14834-12	Ceftriaxone Panpharma	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Vipharco	Panpharma
216	VN-20332-17	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack-Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer Pharmaceuticals LLC
217	VN-17943-14	Celecoxib capsules 100mg	Flamingo Pharmaceuticals Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
218	VN-19402-15	Celemin Nephro 7%	OTSUKA PHARMACEUTICAL INDIA PRIVATE LIMITED.	OTSUKA PHARMACEUTICAL INDIA PRIVATE LIMITED.
219	VN-17339-13	Celenobe-100	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
220	VN-17340-13	Celenobe-200	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
221	VN-19110-15	Celestal-200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nga	Stallion Laboratories Pvt. Ltd.
222	VN-17511-13	Cephalexin 500mg	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD – FACTORY C
223	VN-17680-14	Cerefort	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Uni Pharma Company
224	VN-18541-14	Cetraxal	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Laboratorios Salvat, S.A.
225	VN-16558-13	Cholter 10	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
226	VN-16559-13	Cholter 20	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
227	VN-20532-17	Choongwae Prepenem 500mg	JW Pharmaceutical Corporation	JW Pharmaceutical Corporation
228	VN-18624-15	Cialis	DKSH Singapore Pte.Ltd	Lilly del Caribe, Inc.
229	VN-16690-13	Cilavef	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	The Schazoo Pharmaceutical laboratories (Pvt.) Limited
230	VN-11961-11	Cilzec 20	Mega Lifesciences Public Company Limited	MSN LABORATORIES PRIVATE LIMITED (Formulations Division)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
231	VN-11962-11	Cilzec 40	Mega Lifesciences Public Company Limited	MSN LABORATORIES PRIVATE LIMITED (Formulations Division)
232	VN-11963-11	Cilzec 80	Mega Lifesciences Public Company Limited	MSN LABORATORIES PRIVATE LIMITED (Formulations Division)
233	VN-17292-13	Ciplox	Cipla Ltd.	Cipla Ltd
234	VN-19873-16	Cipogip 500 Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Ltd
235	VN-19050-15	Ciprofloxacin Infusion	Công ty cổ phần Dược TƯ Mediplantex	Hebei Tiancheng Pharmaceutical Co., Ltd
236	VN-18991-15	Ciprofloxacin Injection U.S.P 0.2% w/v	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Ltd
237	VN-17331-13	Ciprofloxacin-hameln 2mg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH
238	VN-18529-14	Cirexium	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Ciron Drugs & Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
239	VN-20416-17	Cisatracurium Kabi 2mg/ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Fresenius Kabi Manufacturing S.A. (Pty) Limited
240	VN-18225-14	Cisatracurium-hameln 2mg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
241	VN-17424-13	Cisplatin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte. Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG
242	VN2-446-16	Cisplaton	Công ty TNHH DP Hiền vĩ	Venus Remedies Limited
243	VN-18343-14	Citilin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
244	VN-20240-17	Citopcin Injection 100mg/50ml	CJ HealthCare Corporation	CJ HealthCare Corporation
245	VN-16823-13	Citysaam	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
246	VN-19574-16	CKDCeftizoxime inj. 1g	Chong Kun Dang Pharm Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
247	VN-18192-14	CKDCipol-N 100mg (Đóng gói và xuất xưởng bởi: Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp., đ/c: 797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea)	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Suheung Co., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
248	VN-18193-14	CKDCipol-N 25mg (Đóng gói và xuất xưởng bởi: Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp., đ/c: 797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea)	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Suheung Co., Ltd.
249	VN-19575-16	CKDCipol-N oral solution	Chong Kun Dang Pharm Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
250	VN-18189-14	CKDIzarbelltan tab. 150mg	CHONG KUN DANG PHARM. CORP.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
251	VN-19576-16	CKDKmoxilin Dry Syrup 7:1	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Chong Kun Dang Pharm Corp.
252	VN-18190-14	CKDKmoxilin tab. 625mg	CHONG KUN DANG PHARM. CORP.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
253	VN-18308-14	Clamoxyl 250mg	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome Production
254	VN-19523-15	Clavurem 625	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm Nam Tiến	Remedica Ltd.
255	VN-13221-11	Clomaz	L.B.S. Laboratory Ltd. Part	L.B.S. Laboratory Ltd. Part
256	VN-12437-11	Clostilbegyt	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
257	VN-19422-15	Clotolet	Công ty cổ phần dược phẩm Quận 3	Aurochem Pharmaceuticals (I)Pvt.Ltd.
258	VN-19423-15	Cloviracinob	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm Hà Lan	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
259	VN-16207-13	Cloviracinob 200	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
260	VN-16208-13	Cloviracinob 400	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
261	VN-17392-13	CoAprovel 300/12.5mg	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd.	Sanofi Winthrop Industrie
262	VN-17393-13	CoAprovel 300/25mg	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd.	Sanofi Winthrop Industrie
263	VN-18934-15	Codepect	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
264	VN-19285-15	Co-Diovan 160/25	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farma S.p.A.
265	VN-19286-15	Co-Diovan 80/12,5	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farma S.p.A.
266	VN-16821-13	Cofidec 200mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d,

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
267	VN-13351-11	Colergis	PT. Dexa Medica	PT Ferron Par Pharmaceuticals
268	VN-14260-11	Colestrim	MEGA LIFESCIENCES PUBLIC COMPANY LIMITED	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
269	VN-18373-14	Colestrim Supra	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Ethypharm
270	VN-20373-17	Combigan	Allergan Singapore Pte. Ltd	Allergan Pharmaceuticals Ireland
271	VN-18630-15	Combiwave B 200	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
272	VN-20282-17	Combiwave B 250	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
273	VN-18537-14	Combiwave B50	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
274	VN-18897-15	Combiwave SF 125	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
275	VN-18898-15	Combiwave SF 250	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
276	VN-18899-15	Combiwave SF 50	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
277	VN-15726-12	Compound Sodium Lactate Intravenous Infusion B.P. (Hartmann's Solution)	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
278	VN-19344-15	Co-Olesta 20mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
279	VN-19317-15	Copedina	Adamed Pharma S.A. (tên đầy đủ: Adamed Pharma Spólka Akcyjna)	Adamed Pharma S.A.
280	VN-20269-17	Corbis Tablet 5mg	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Efroze Chemical Industries (Pvt) Ltd.
281	VN-14666-12	Cordaflex	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
282	VN-16761-13	Co-trupril	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
283	VN-18632-15	Coveram 10mg/ 10mg	Les Laboratoires Servier	Servier Ireland Industries Ltd
284	VN-18634-15	Coveram 5mg/10mg	Les Laboratoires Servier	Servier Ireland Industries Ltd
285	VN-18635-15	Coveram 5mg/5mg	Les Laboratoires Servier	Servier Ireland Industries Ltd
286	VN-20569-17	Cozaar 100mg	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Merck Sharp & Dohme Ltd.
287	VN-20570-17	Cozaar 50mg	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Merck Sharp & Dohme Ltd.
288	VN-18243-14	CP	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	The Acme Laboratories Ltd.
289	VN-18150-14	Crestor 10mg	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	IPR Pharmaceuticals INC.
290	VN-18151-14	Crestor 20mg	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	IPR Pharmaceuticals INC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
291	VN-18180-14	Cupid 50	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
292	VN-16902-13	Curam 1000mg + 200mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz GmbH
293	VN-18637-15	Curam Quicktabs 1000mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
294	VN-18638-15	Curam Quicktabs 625mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
295	VN-18909-15	Curosurf	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Chiesi Farmaceutici S.p.A.
296	VN-20558-17	Cyclindox 100mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd. - Factory AZ
297	VN-16888-13	Cyclogest 200mg	Actavis International Ltd	Accord - UK Limited
298	VN-17146-13	Cyclogest 400mg	Actavis International Ltd	Accord - UK Limited
299	VN-16114-13	Cyclorin	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Lupin Ltd.
300	VN-20462-17	Cynarix-Dragees	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Lâm	Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH
301	VN-18254-14	Cypdicar 6,25 Tablets	Công ty TNHH Dược Phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
302	VN-18515-14	Cyplosart plus 50/12,5 FC tablets	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
303	VN3-116-19	Dacarbazine Medac	Công ty TNHH Dược phẩm Bách Việt	Oncomed Manufacturing a.s.
304	VN-15406-12	Daehwa almetamin tab.	Dae Hwa Pharm Co., Ltd.	Dae Hwa Pharm Co., Ltd.
305	VN-19737-16	Daigaku	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.
306	VN-18639-15	Daikyn	Belarusian-Dutch Joint Venture “Pharmland” Limited Liability Company	LTD Farmaprim
307	VN-18414-14	Daitos Inj.	Pharmaunity Co., Ltd	Dai Han Pharm. Co., Ltd.
308	VN-20354-17	Daivobet	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Leo Laboratories Limited
309	VN-16855-13	Dalacin C	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer Manufacturing Belgium N.V.
310	VN-19718-16	Dalacin C	Pfizer Thailand Ltd.	Pfizer Manufacturing Belgium NV
311	VN-18228-14	Dasbrain	Công ty TNHH Đại Bắc	Catalent Australia Pty. Ltd.
312	VN-20251-17	Dầu xanh con ó/Eagle brand medicated oil	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Borden Company (Private) Ltd.
313	VN-17223-13	Daytrix	Công ty TNHH Sản xuất Dược phẩm Medlac Pharma Italy	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l.
314	VN-19467-15	Delorin	Egis Pharmaceuticals PLC	Egis Pharmaceuticals PLC
315	VN-11313-10	Depakine 200mg/ml	Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	Unither Liquid Manufacturing
316	VN-16477-13	Depakine chrono	Sanofi-Aventis Singapore Pte Ltd	Sanofi Winthrop Industrie
317	VN-18582-14	Deplat	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
318	VN-16995-13	Deplin 600mg (Đóng gói và xuất xưởng: Biokanol Pharma GmbH, địa chỉ: Kehler Strasse 7, D-76437 Rastatt, Germany)	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH
319	VN-16597-13	Derinide 100 Inhaler	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
320	VN-19165-15	Dermovate cream	GlaxoSmithKline Pte Ltd.	Glaxo Operations UK Limited
321	VN-17291-13	Des OD	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
322	VN-19699-16	Deslogen	LLoyd Laboratories INC.	LLoyd Laboratories INC.
323	VN-16773-13	Destacure	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
324	VN-19504-15	Destidin	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
325	VN-16567-13	Deworm	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Atra Pharmaceuticals Limited
326	VN-16553-13	Dex-Tobrin	Actavis International Ltd	Balkanpharma Razgrad AD
327	VN-20549-17	Diamicron MR	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier
328	VN-19654-16	Diaphyllin Venosum	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
329	VN-15613-12	Diazepam Injection BP 10mg	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ kỹ thuật Đức Việt	Panpharma GmbH
330	VN-19414-15	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
331	VN-18379-14	Dinpocef-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
332	VN-19498-15	Diopolol 10	Mega Lifesciences Public Company Limited	Chanelle Medical
333	VN-19499-15	Diopolol 2.5	Mega Lifesciences Public Company Limited	Chanelle Medical
334	VN-19500-15	Diopolol 5	Mega Lifesciences Public Company Limited.	Chanelle Medical
335	VN-20300-17	Diphereline 0,1 mg	Ipsen Pharma	Ipsen Pharma Biotech
336	VN-17251-13	Diprivan	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	Cơ sở sản xuất: Corden Pharma S.P.A; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Ltd
337	VN-15720-12	Diprivan	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	Cơ sở sản xuất: Corden Pharma S.P.A; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Ltd
338	VN-19121-15	Disys	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
339	VN-15794-12	Diuresin SR	Công ty cổ phần Y tế Việt Phương	Polfarmex S.A
340	VN-19724-16	Diu-Tansin Tablet	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
341	VN-16668-13	Dloe 4	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Laboratorios Lesvi, S.L.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
342	VN-17006-13	Dloe 8	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Laboratorios Lesvi, S.L.
343	VN-16920-13	Dobucin	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
344	VN-15651-12	Dobutamine Panpharma 250mg/20ml	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
345	VN-16187-13	Dobutamine-hameln 5mg/ml Injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
346	VN-18970-15	Dobutane	Unison Laboratories Co., Ltd.	Unison Laboratories Co., Ltd.
347	VN-17425-13	Docetaxel "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte. Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG
348	VN-19567-16	Domperon suspension	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Limited
349	VN-19608-16	Domreme	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
350	VN-18257-14	Doneson	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd
351	VN-18479-14	Dopamine hydrochloride 4%	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
352	VN-13124-11	Dopegyt	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
353	VN-20293-17	Dorithricin	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Medice Arzneimittel Putter GmbH & Co.KG
354	VN-15929-12	Dotarem	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Guerbet
355	VN-17426-13	Doxorubicin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte. Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG
356	VN-18016-14	Duinum 50mg	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD – CENTRAL FACTORY
357	VN-20394-17	Dulcolax	Boehringer Ingelheim International GmbH	Delpharm Reims
358	VN-16607-13	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch 5D	OTSUKA PHARMACEUTICAL INDIA PRIVATE LIMITED.	OTSUKA PHARMACEUTICAL INDIA PRIVATE LIMITED.
359	VN2-525-16	Duodart (NSX sản phẩm trung gian Dutasteride: Catalent France Beinheim SA- đ/c: 74 rue principale, 67930 Beinheim, France; NSX sản phẩm trung gian Tamsulosin HCl: Rottendorf Pharma GmbH- đ/c: Ostenfelder Straβe 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany)	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Catalent Germany Schorndorf GmbH
360	VN-16936-13	Duotrav	Novartis Pharma Services AG	S.A. Alcon-Couvreur N.V.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
361	VN-19681-16	Durogesic 50 mcg/h	Janssen Cilag Ltd.	Janssen Pharmaceutica N.V.
362	VN-18476-14	Dynapar AQ	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
363	VN-19073-15	Eagle Brand Yellow Balm	Công ty TNHH Quốc tế Amipharm	PT. Eagle Indo Pharma
364	VN-19711-16	Ebost	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
365	VN-19095-15	Ecosip Plaster "Sheng Chun"	Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Ân	Sheng Chun Tang Pharmaceutical Industrial Co.
366	VN-18840-15	Edizone 40mg	Công ty cổ phần Dược Phẩm Pha No	Laboratorios Normon, S.A.
367	VN-19156-15	Ednyt 10 mg viên nén	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
368	VN-18993-15	Efavirenz Tablets 600mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
369	VN-18890-15	Egilok	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
370	VN-18891-15	Egilok	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
371	VN-19639-16	Egolanza	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
372	VN-16829-13	Elaria	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD–AMPOULE INJECTABLE FACILITY
373	VN-20433-17	Eligard 22.5mg (Đóng gói thứ cấp+Xuất xưởng: Astellas Pharma Europe B.V; địa chỉ: Hogemaat 2 7942 JG Meppel, Hà Lan)	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Tolmar Inc.
374	VN-20434-17	Eligard 7.5mg (Đóng gói thứ cấp+Xuất xưởng: Astellas Pharma Europe B.V; địa chỉ: Hogemaat 2 7942 JG Meppel, Hà Lan)	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Tolmar Inc.
375	VN-19239-15	Elitan	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd- nhà máy thuốc tiêm ống
376	VN-18443-14	Emanera 20mg	công ty cổ phần dược Phẩm tenamyd	KRKA, D.D., Novo Mesto
377	VN-19875-16	Emfoxim 200	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Ltd
378	VN-17638-14	Emilar Jelly	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
379	VN2-644-17	Emtricitabine & Tenofovir disoproxil fumarate Tablets 200mg/300mg	Mi Pharma Private Limited	Mylan Laboratories Limited
380	VN-16860-13	Enarenal	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
381	VN-17938-14	Encifer	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
382	VN-19021-15	Endoprost-125mcg	Bharat Serums and Vaccines Ltd.	Bharat Serums and Vaccines Ltd.
383	VN-19022-15	Endoprost-250mcg	Bharat Serums and Vaccines Ltd.	Bharat Serums and Vaccines Ltd.
384	VN-19081-15	Epicta 120	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	The Acme Laboratories Ltd.
385	VN2-499-16	Epiduo 0.1%/2.5% gel	Diethelm & Co., Ltd.	Laboratoires Galderma
386	VN-15439-12	Epinosine B Forte	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN KHANG	Egyptian Int Pharmaceutical Industries Co. (E.I.P.I.CO.)
387	VN-18835-15	Equoral 25 mg	Actavis International Ltd	Teva Czech Industries s.r.o
388	VN-18844-15	Eroceftri 1g	Công ty CP dược phẩm Pha No	Deva Holding A.S.
389	VN-16747-13	Erolin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
390	VN-20498-17	Erolin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
391	VN-18965-15	Ery Children 250mg (Xuất xưởng bởi: Laboratoires Bouchara Recordati, địa chỉ: 70, Avenue du General de Gaulle 92800 Puteaux, France)	Tedis	Sophartex
392	VN-16693-13	Eskafolvit Capsule	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Eskayef Pharmaceuticals Limited
393	VN-19472-15	Eslo-10	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
394	VN-19473-15	Eslo-20	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
395	VN-19099-15	Esofar 20	Công ty TNHH Dược phẩm Tiền Giang	Kwality Pharmaceutical PVT. Ltd.
396	VN-19100-15	Esofar 40	Công ty TNHH Dược phẩm Tiền Giang	Kwality Pharmaceutical PVT. Ltd.
397	VN-20145-16	Esomaxcare 20 Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
398	VN-20146-16	Esomaxcare 40 Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
399	VN-13621-11	Esonix 20mg	Công ty TNHH Dược phẩm và TBYT Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
400	VN-17396-13	Esorest	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hoàng Trân	M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd
401	VN-19701-16	Esotrax 40	Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm T&T	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
402	VN-17639-14	Eszol Tablet	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
403	VN-19229-15	Etogeric 60	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
404	VN2-487-16	Etopul	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
405	VN-19109-15	Etrix 10mg	Công ty Cổ Phần Dược phẩm Việt Nga	S.C. Arena Group S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
406	VN-18307-14	Eumovate cream	GlaxoSmithKline Pte Ltd.	Glaxo Operations UK Limited
407	VN-16471-13	Eurolocin	Công ty CP sản xuất và thương mại Song Sơn	Globe Pharmaceuticals Ltd.
408	VN-16697-13	Eurozitum 60mg	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Nga	S.C.Arena Group S.A.
409	VN3-140-19	Evasif 245mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Santa Farma Ilac Sanayii A.S.
410	VN-19725-16	Evopride 1mg	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
411	VN3-170-19	Exelon Patch 10	Novartis Pharma Services AG	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG
412	VN-19287-15	Exforge HCT 10mg/160mg/12.5mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farmaceutica S.A.
413	VN-19289-15	Exforge HCT 5mg/160mg/12.5mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farmaceutica S.A.
414	VN-16774-13	Exibcure	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
415	VN-17124-13	Exjade 125	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
416	VN-17125-13	Exjade 250	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
417	VN-18814-15	Extraneal Peritoneal dialysis solution with 7.5% Icodextrin	Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.	Baxter HealthCare SA, Singapore branch
418	VN-18429-14	Eyecool Eye Drops	Công ty TNHH Philavida	Samchundang Pharm Co., Ltd.
419	VN-19492-15	Eyemiru Wash	Nitto Medic Co.Ltd.	Lion Corporation
420	VN-17200-13	Eyflox ophthalmic ointment	Samil Pharm Co., Ltd.	Samil Pharm. Co., Ltd
421	VN-16901-13	Eyrus Ophthalmic Ointment	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.
422	VN-18226-14	Falipan (cơ sở xuất cưởng: Deltamedica GmbH; Địa chỉ: Ernst – Wagner –Weg 1-5 72766 Reutlingen, Đức)	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Industria Farmaceutica Galenica Senesse S.R.L
423	VN-18847-15	Falipan (Cơ sở xuất xưởng: Deltamedica GmbH; địa chỉ: Ernst-Wagner-Weg 1-5, 72766 Reutlingen, Đức)	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L
424	VN-19691-16	Famoster Injection 10mg/ml "T.F"	Ta Fong Pharmaceutical Co., Ltd	Kwan Star Co. Ltd
425	VN-19039-15	Farmiga	Công ty cổ phần Dược Nam Thiên Phúc	LTD Farmaprim
426	VN-19561-16	Faslodex (Đóng gói cấp 2: AstraZeneca UK Limited; địa chỉ: Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK10 2NA, Anh)	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.
427	VN-20359-17	Fatig	Abbott Laboratories	Pharmatis

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
428	VN2-599-17	Febuday 40	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	MSN Laboratories Private Limited
429	VN2-600-17	Febuday 80	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	MSN Laboratories Private Limited
430	VN-18869-15	Feelnor	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
431	VN-14829-12	Fegem-100	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
432	VN-18471-14	Feliz S 20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
433	VN-18040-14	Femara	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
434	VN-18648-15	Femoston 1/10	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Abbott Biologicals B.V.
435	VN-18649-15	Femoston Conti	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Abbott Biologicals B.V.
436	VN-18509-14	Fenilham	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
437	VN-17958-14	Fenogetz capsules 200mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
438	VN-17451-13	Fenosup Lidose	Hyphens Pharma Pte. Ltd	SMB Technology S.A.
439	VN-18441-14	Fentanyl 0,1mg-Rotexmedica	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
440	VN-17325-13	Fentanyl- Hameln 50mcg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
441	VN-17326-13	Fentanyl- Hameln 50mcg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
442	VN-16528-13	Ferimond	Phil International Co., Ltd.	Cho-A Pharm Co., Ltd.
443	VN-16256-13	Ferium- XT	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Limited
444	VN-16315-13	Ferlatum Fol (Cơ sở sản xuất nắp vặn chứa thuốc: ABC Farmaceutici S.p.A. Địa chỉ: Via Canton Moretti, 29 Localita San Bernado-Ivrea Torino, Italy)	Lifepharma S.p.A.	Italfarmaco, S.A.
445	VN-18973-15	Ferrola	Wörwag Pharma GmbH & Co. KG	Lomapharm GmbH
446	VN-18143-14	Ferrovin	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Rafarm S.A.
447	VN-17746-14	Ferrovit	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited
448	VN-19380-15	Fexihist	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Ltd.
449	VN-19381-15	Flarex	Novartis Pharma Services AG	s.a. Alcon-Couvreur N.V
450	VN-15540-12	Fleming	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Medreich Limited
451	VN-18370-14	Fleming	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Medreich Limited
452	VN2-501-16	Flexilor 4	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
453	VN-14261-11	Flexsa 1500	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences (Australia) Pty., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
454	VN-20281-17	Flixonase	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome SA
455	VN-18309-14	Flixotide Nebules 0.5mg/2ml	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.
456	VN-20567-17	Floezy	Mega Lifesciences Public Company Limited	Synthon Hispania, SL
457	VN-18495-14	Floxsafe 400	MI Pharma Private Limited	MSN Laboratories Private Limited
458	VN-15796-12	Fluconazole Polfarmex Tablets 150 mg	Công ty cổ phần Y tế Việt Phương	Polfarmex S.A
459	VN-18484-14	Flucopharm 2mg/ml	YURIA-PHARM LTD	YURIA-PHARM LTD
460	VN-19661-16	Flucort-C	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
461	VN-18491-14	Fludalym 25mg/ml	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma SRL
462	VN-18452-14	Flumetholon 0,1	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.	Santen Pharmaceutical Co., Ltd- Nhà máy Shiga
463	VN-16654-13	Fluomizin	Diethelm & Co., Ltd.	Rottendorf Pharma GmbH
464	VN-18900-15	Flusort	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
465	VN-20395-17	Flutiflow 120	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Limited
466	VN-20396-17	Flutiflow 60	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Limited
467	VN-20344-17	Fortipred	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd
468	VN-20515-17	Fortum (CSSX ống nước pha tiêm: GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A, địa chỉ: Strada Provinciale Asolana, 90, 43056 San Polo di Torrile (PR), Ý)	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A
469	VN-19253-15	Fosamax Plus 70mg/5600IU(Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V, địa chỉ: Waarderweg 39, 2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Frosst Iberica, S.A
470	VN-19707-16	Fosmicin-S for Otic	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo	Meiji Seika Pharma Co., Ltd.- nhà máy Odawara
471	VN-19548-16	Foster	Orient Europharma Pte Ltd	Chiesi Farmaceutici S.p.A.
472	VN-15593-12	Freeclo	Actavis International Ltd	Actavis Ltd.
473	VN-17438-13	Fresofol 1% MCT/LCT	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Austria GmbH.
474	VN-16500-13	Fugacar (tablet)	Janssen Cilag Ltd.	Olic (Thailand) Ltd.
475	VN3-150-19	Fycompa 2 mg	Eisai (Thailand) Marketing Co., Ltd.	Eisai Manufacturing Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
476	VN3-151-19	Fycompa 4 mg	Eisai (Thailand) Marketing Co., Ltd.	Eisai Manufacturing Limited
477	VN3-152-19	Fycompa 8 mg	Eisai (Thailand) Marketing Co., Ltd.	Eisai Manufacturing Limited
478	VN-16479-13	Fyranco	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
479	VN-16480-13	Fyranco	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
480	VN-16909-13	Gabantin 300	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
481	VN-19290-15	Galvus	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farmaceutica S.A.
482	VN-13849-11	Gaviscon	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited
483	VN-18653-15	Gaviscon Dual Action	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited
484	VN-18654-15	Gaviscon Dual Action	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited
485	VN-17520-13	Gazgo	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited
486	VN3-124-19	Gemhope	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Generics S.A
487	VN-18210-14	Gemnil 1000mg/vial	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Vianex S.A- Nhà máy C
488	VN-16987-13	Genbay	Belarusian-Dutch Joint Venture “Pharmland” Limited Liability Company	Ltd Farmaprim
489	VN3-137-19	Gesdonyl	Stragen Pharma SA	Haupt Pharma Munster GmbH
490	VN-16763-13	Getsitalip Tablets 100mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
491	VN-16764-13	Getsitalip Tablets 50mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
492	VN-16486-13	Getzome	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
493	VN2-601-17	Giotrif	Boehringer Ingelheim International GmbH	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG
494	VN2-602-17	Giotrif	Boehringer Ingelheim International GmbH	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG
495	VN2-603-17	Giotrif	Boehringer Ingelheim International GmbH	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG
496	VN2-604-17	Giotrif	Boehringer Ingelheim International GmbH	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG
497	VN-17370-13	Gitazot Injection	Công ty CP sản xuất và thương mại Song Sơn	Globe Pharmaceuticals Ltd.
498	VN-19550-16	Gitrabin 1g	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.p.A.-Nerviano Plant
499	VN-19551-16	Gitrabin 200mg	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.p.A.-Nerviano Plant
500	VN-18526-14	Glemep	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd
501	VN-18312-14	Glemont CT 4	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
502	VN-18313-14	Glemont CT 5	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
503	VN-18896-15	Glemont-IR 10	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
504	VN-20519-17	Glencet	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
505	VN-18901-15	Glenlipid	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
506	VN-18314-14	Glentaz	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
507	VN-20615-17	Gliclada 30mg	S.I.A (Tenamyd Canada)Inc.	KRKA, D.D., Novo Mesto
508	VN2-401-15	GLITAGE E	Macleods Pharmaceutical Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
509	VN2-490-16	Glivec 100mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Produktions GmbH
510	VN-20230-17	Glucobay 100mg	Bayer (South East Asia) Pte, Ltd.	Bayer AG
511	VN-20231-17	Glucobay 50mg	Bayer (South East Asia) Pte, Ltd.	Bayer AG
512	VN-20435-17	Glucose injection 5%	Công ty TNHH DP Châu Á - Thái Bình Dương	Shijiazhuang No. 4 Pharmaceutical Co., Ltd.
513	VN-19635-16	Glupain	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.
514	VN-19133-15	Glupain Forte	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.
515	VN-18845-15	Glyceryl Trinitrate-Hameln 1mg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
516	VN-19648-16	Glypressin 0,1 mg/ml	Ferring Private Ltd	Zentiva k.s.
517	VN-18019-14	Gofen 400 clearcap	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited
518	VN-18874-15	Goldcefo	Công ty TNHH Dược phẩm Lamda	Facta Farmaceutici S.p.A
519	VN-19112-15	Goldesome (Đóng gói &xuất xưởng: Lamp San Prospero SPA, địa chỉ: Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italy	Công ty TNHH Dược Phẩm Lamda	Valpharma International S.p.a
520	VN-19113-15	Goldesome (Đóng gói &xuất xưởng: Lamp San Prospero SPA, địa chỉ: Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italy	Công ty TNHH Dược phẩm Lamda	Valpharma International S.p.a
521	VN-19111-15	Goldvoxin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAMDA	InfoRLife SA.
522	VN-18887-15	Grafort	Daewoong Pharmaceutical Co.,Ltd	Daewoong Pharmaceutical Co.,Ltd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
523	VN-17968-14	Graftac 0,5mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz Private Limited
524	VN-17720-14	Graftac 1mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz Private Ltd.
525	VN-17969-14	Graftac 5mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz Private Limited
526	VN-16775-13	Gramadol Capsules	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
527	VN-16776-13	Grazincure	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
528	VN-19731-16	Haiblok	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
529	VN-16748-13	Halixol	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
530	VN-17427-13	Halixol	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
531	VN-20397-17	Happi 20	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
532	VN-16598-13	HCQ	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
533	VN-16876-13	Hemopoly Solution	Phil International Co., Ltd.	Cho-A Pharm Co., Ltd.
534	VN-20490-17	HemoQ Mom	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
535	VN-17364-13	Hepa-Merz	Merz Asia Pacific Pte. Ltd	B.Braun Melsungen AG
536	VN2-558-17	Hepariv	Atra Pharmaceuticals Limited	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited
537	VN-16506-13	Herbesser R100 (đóng gói và xuất xưởng tại P.T. Tanabe Indonesia, địa chỉ: Jl. Rumah Sakit No.104, Ujungberung, Bandung 40612 Indonesia)	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Mitsubishi Tanabe Pharma Factory Ltd.
538	VN-16507-13	Herbesser R200 (đóng gói và xuất xưởng tại P.T. Tanabe Indonesia, địa chỉ: Jl. Rumah Sakit No.104, Ujungberung, Bandung 40612 Indonesia)	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Mitsubishi Tanabe Pharma Factory Ltd.
539	VN-18449-14	Herpacy ophthalmic ointment	Samil Pharm Co., Ltd.	Samil Pharm. Co., Ltd
540	VN-18380-14	Herperax	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
541	VN-16675-13	Hezoy	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
542	VN-18664-15	Hirudoid Forte	Diethelm & Co., Ltd.	Olic (Thailand) Ltd.
543	VN-17421-13	Histalong	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
544	VN-20485-17	Hoanidol Soft Cap.	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Young Poong Pharma. Co., Ltd.
545	VN-11857-11	Hyalgan	MEGA LIFESCIENCES PTY LIMITED	Fidia Farmaceutici S.p.A
546	VN-17952-14	Hydrocortison-Lidocain-Richter	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
547	VN-18668-15	Hydrosol Polyvitamine Pharma Developpement	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Pharma Developpement
548	VN3-44-18	Imbruvica (Cơ sở dán nhãn và đóng gói: AndersonBrecon Inc. (đ/c: 4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109- USA)	Janssen - Cilag Ltd.	Catalent CTS, LLC
549	VN-18669-15	Imiwel-C 500	Công ty TNHH Một thành viên Ân Phát	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
550	VN-19614-16	Incarxol	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Laboratorios Lesvi S.L
551	VN-17386-13	Incepavit 400 Capsule	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm PV Healthcare	Incepta Pharmaceuticals Ltd.
552	VN-18262-14	incepdazol 250 tablet	Công Ty TNHH MTV Dược Phẩm PV Healthcare	Incepta Pharmaceuticals Limited
553	VN-19306-15	Indapen	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
554	VN-19482-15	Indclav 228.5	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
555	VN-19483-15	Indclav 312.5	Công ty TNHH Dược phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
556	VN-16976-13	Indclav 375	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
557	VN-16614-13	Indclav 625	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
558	VN-12548-11	Indocollyre	Hyphens Pharma Pte. Ltd.	Laboratoire Chauvin
559	VN-19201-15	Inflex 120	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Ind-Swift Limited
560	VN-17462-13	Inflex-180	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Ind-Swift Limited (Global Business Unit)
561	VN-18485-14	Infulgan	YURIA-PHARM LTD	YURIA-PHARM LTD
562	VN-18031-14	Inore-Kit	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
563	VN3-143-19	Intelence	Janssen Cilag Ltd.	Janssen Cilag S.P.A.
564	VN-18197-14	Iopamiro	công ty cổ phần đầu tư quốc tế Hoàng Gia	Patheon Italia S.p.A.
565	VN-18198-14	Iopamiro	công ty cổ phần đầu tư quốc tế Hoàng Gia	Patheon Italia S.p.A.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
566	VN-18199-14	Iopamiro (cơ sở đóng gói thứ cấp: Silvano Chiapparoli Logistica S.p.A, địa chỉ: Via Delle Industrie Snc-26814 Livraga (LO) Italy; xuất xưởng: Bracco S.p.A, địa chỉ: Via E. Folli, 50-Milano, Italy	công ty cổ phần đầu tư quốc tế Hoàng Gia	Patheon Italia S.p.A.
567	VN-18200-14	Iopamiro (cơ sở đóng gói thứ cấp: Silvano Chiapparoli Logistica S.p.A, địa chỉ: Via Delle Industrie Snc-26814 Livraga (LO) Italy; xuất xưởng: Bracco S.p.A, địa chỉ: Via E. Folli, 50-Milano, Italy	Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Hoàng Gia	Patheon Italia S.p.A.
568	VN-19245-15	Ipolipid 300	Medochemie Ltd. - Nhà máy AZ	Medochemie Ltd.
569	VN-19247-15	Ipolipid 600	Medochemie Ltd.- Nhà máy Trung Tâm	Medochemie Ltd.
570	VN-15748-12	Irbezyd H 150/12,5	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
571	VN-15749-12	Irbezyd H 300/12.5	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
572	VN-15750-12	Irbezyd H 300/25	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
573	VN-20364-17	Irinotesin 20mg/ml	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.p.A.
574	VN-18670-15	Isiflura	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Piramal Critical Care, Inc
575	VN-16676-13	Ivyra	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
576	VN-19142-15	Izone-S1GM	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	M/s Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
577	VN3-171-19	Jadenu 180mg (Đóng gói: Novartis Pharma Produktions GmbH; Đ/c: Oflinger Str. 44, 79664 Wehr, Germany)	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
578	VN3-172-19	Jadenu 360mg (Đóng gói: Novartis Pharma Produktions GmbH; Đ/c: Oflinger Str. 44, 79664 Wehr, Germany)	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
579	VN3-173-19	Jadenu 90 mg (Đóng gói: Novartis Pharma Produktions GmbH; Đ/c: Oflinger Strasse 44, 79664 Wehr-Germany)	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
580	VN-17101-13	Janumet 50mg/1000mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, NL-2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Patheon Puerto Rico,Inc.
581	VN-17102-13	Janumet 50mg/500mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, NL-2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Patheon Puerto Rico,Inc.
582	VN-17103-13	Janumet 50mg/850mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, NL-2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Patheon Puerto Rico,Inc.
583	VN-19038-15	Jinmigit	Công ty cổ phần Dược Nam Thiên Phúc	Belarusian-Dutch Joint Venture Pharmland LLC
584	VN-15791-12	Join-Flex	Công ty Cổ phần ứng dụng & Phát triển Công nghệ Y học Sao Việt	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
585	VN-20305-17	Jointmeno	Laboratorios Liconsa, S.A.	Laboratorios Liconsa, S.A.
586	VN-16602-13	Jovan T 20	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
587	VN-18340-14	Jubl Irbesartan tablets 150mg	Công ty TNHH Một thành viên Ân Phát	Jubilant Generics Limited
588	VN-17987-14	Jubl Irbesartan tablets 300mg	Công ty TNHH MTV Ân Phát	Jubilant Generics Limited
589	VN-17988-14	Jubl Olanzapine ODT 10 mg	Công ty TNHH Dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
590	VN-17989-14	Jubl Olanzapine ODT 5mg	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Jubilant Generics Limited
591	VN-17990-14	Jubl Oxcarbazepine 150mg	Công ty TNHH Dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
592	VN-17991-14	Jubl Oxcarbazepine 300mg	Công ty TNHH Dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
593	VN-17992-14	Jubl Repaglinide 1mg	Công ty TNHH Dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
594	VN-18176-14	Julitam 1000	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
595	VN-19394-15	Julitam 500	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
596	VN-18672-15	Juvever Tab.	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Fu yuan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.
597	VN-18341-14	JW Amigold 8,5% Injection	JW Pharmaceutical Corporation	JW Life Science Corporation
598	VN-18673-15	JW Amigold 8,5% Injection	JW Pharmaceutical Corporation	JW Life Science Corporation
599	VN-19684-16	JW Amikacin 500mg/100ml Injection	JW Pharmaceutical Corporation	JW Life Science Corporation
600	VN-20341-17	Kalmeco	PT. Kalbe Farma Tbk	PT. Kalbe Farma Tbk
601	VN-17233-13	Kataria Granules	Kusum Healthcare Private Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
602	VN-17854-14	Katovastin 10mg	Công ty Cổ phần dược phẩm Pha No	Deva Holding A.S.
603	VN-17855-14	Katovastin 20mg	Công ty Cổ phần dược phẩm Pha No	Deva Holding A.S.
604	VN-19741-16	Keftazim	Công ty TNHH Dược phẩm Vạn Cường Phát	Laboratorio Reig Jofre, S.A
605	VN-19400-15	Kelfer-500	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
606	VN-17097-13	Kemivir 800mg	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD – CENTRAL FACTORY
607	VN-14671-12	Kemocarb 150mg/15ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
608	VN-18676-15	Keppra	GlaxoSmithKline Pte Ltd	UCB Pharma SA
609	VN-20611-17	Ketamine Hydrochloride injection	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
610	VN-16263-13	Ketosteril	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Labesfal- Laboratórios Almiro, S.A.
611	VN-17865-14	Khavetri	Công ty TNHH một thành viên JIO Medical	WINDLAS BIOTECH PRIVATE LIMITED
612	VN-20245-17	Kidoblu	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Aflofarm Farmacja Polska Sp. zo.o.
613	VN-16101-13	Klacid	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	PT. Abbott Indonesia
614	VN-16431-13	Klacid 500mg	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Farma L'Aigle
615	VN-17312-13	Klavunamox 625mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Atabay Kímya Sanayi Ve Tícaret A.S
616	VN-17313-13	Klavunamox Fort	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Atabay Kímya Sanayi Ve Tícaret A.S
617	VN-17314-13	Klavunamox-Bid 1000mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Atabay Kímya Sanayi Ve Tícaret A.S

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
618	VN-19662-16	Klenzit MS	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
619	VN-18315-14	Klenzit-C	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
620	VN-16952-13	Koact 1.2	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
621	VN-17256-13	Koact 1000	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
622	VN-18496-14	Koact 625	Aurobindo Pharma Limited	Aurobindo Pharma Limited
623	VN-18678-15	Komboglyze XR	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca Pharmaceuticals LP
624	VN-18679-15	Komboglyze XR	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca Pharmaceuticals LP
625	VN3-144-19	Komboglyze XR	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca Pharmaceuticals LP
626	VN-19645-16	Kotisol	Enter Pharm Co., Ltd	Withus Pharmaceutical Co., Ltd
627	VN-17488-13	Kupbloicin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
628	VN3-126-19	Kupepizin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
629	VN-19211-15	Kuptoral	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
630	VN-17489-13	Kupunistin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
631	VN-16643-13	Kutab 10	Công ty cổ phần Tada Pharma	Laboratorios Lesvi, S.L.
632	VN-19169-15	Lacipil 2mg	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome S.A,
633	VN-19170-15	Lacipil 4mg	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome S.A,
634	VN-19613-16	Laevolac	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Fresenius Kabi Austria GmbH.
635	VN-18396-14	Lamisil	GlaxoSmithKline Pte Ltd	GSK Consumer Healthcare S.A
636	VN-15200-12	Lamivudine/Nevirapine/Zidovudine 150mg/200mg/300mg	MI Pharma Private Limited	Mylan Laboratories Limited
637	VN2-645-17	Lamivudine/Zidovudine 150mg/300mg	Mi Pharma Private Limited	Mylan Laboratories Limited
638	VN-18566-14	Lamozile-30	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
639	VN-19276-15	Lanikson	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
640	VN-16584-13	Laroscorbine	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Cenexi
641	VN-16585-13	Laroscorbine	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Cenexi
642	VN-17359-13	Laxafred 500	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	The Acme Laboratories Ltd.
643	VN-19668-16	Lazine	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
644	VN-16943-13	L-Cet	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
645	VN-16997-13	Lediceti	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
646	VN-20610-17	Ledrobon - 4mg/100ml	Renata Ltd.	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.r.l

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
647	VN-19753-16	Leflocin	Limited Liability Company "Yuria-Pharm"	Limited Liability Company "Yuria-Pharm"
648	VN-15814-12	Legomux	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Beximco Pharmaceuticals Ltd
649	VN-20463-17	LeoPovidone	Công ty TNHH dược Song Sáng	Leopard Medical Brand Co., Ltd.
650	VN-17199-13	Lertazin 5mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	KRKA, D.D., . Novo Mesto
651	VN-18902-15	Letram-250	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
652	VN-20632-17	Letrozsun	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
653	VN-18213-14	Levengrel	Công ty cổ phần Dược Phẩm Pha No	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A.
654	VN-19185-15	Levin-500	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
655	VN-20430-17	Levistel 40	Công ty CPDP Ta Da	Laboratorios Lesvi, S.L.
656	VN-20431-17	Levistel 80	Công ty CPDP Ta Da	Laboratorios Lesvi, S.L.
657	VN-19610-16	Levobac 150ml IV Infusion	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd.
658	VN-19449-15	Levobac IV Infusion	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd.
659	VN-19025-15	Levocide 500	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
660	VN-20630-17	Levocozate F.C. Tablets 5mg	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.
661	VN-18388-14	Levofil	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited, Unit-III
662	VN-15777-12	Levofloxacino G.E.S. 5mg/ml	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Biomendi, S.A.
663	VN-18523-14	Levogolds	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAMDA	InfoRLife SA.
664	VN-19337-15	Levoseren	Samil Pharm. Co., Ltd	Samil Pharm Co., Ltd.
665	VN-19338-15	Levoseren Solution	Samil Pharm. Co., Ltd	Samil Pharm Co., Ltd.
666	VN-18684-15	Levotop 500	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
667	VN-17866-14	Levtrang	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	M/s WINDLAS BIOTECH PRIVATE LIMITED
668	VN-20367-17	Lezra 2,5mg	Actavis International Ltd	S.C. Sindan-Pharma S.R.L.
669	VN-20499-17	Lidocain	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
670	VN-18035-14	Lignopad	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Teikoku Seiyaku Co., Ltd
671	VN-17205-13	Lipanthyl 200M	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Recipharm Fontaine
672	VN-15514-12	Lipanthyl Supra 160mg	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Recipharm Fontaine
673	VN-18477-14	Lipicard-160	MI Pharma Private Limited	USV Private Limited
674	VN-19673-16	Lipiodol Ultra Fluide	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Guerbet
675	VN-16148-13	Lipivan	OTSUKA PHARMACEUTICAL INDIA PRIVATE LIMITED.	OTSUKA PHARMACEUTICAL INDIA PRIVATE LIMITED.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
676	VN-16130-13	Lipofundin MCT/LCT 10%	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
677	VN-16131-13	Lipofundin MCT/LCT 20%	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
678	VN-15471-12	Liposic Eye Gel	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Dr. Gerhard Mann Chem.-Pharm. fabrik GmBh
679	VN-17439-13	Lipovenoes 10% PLR	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Austria GmbH.
680	VN-13766-11	Lisanolona	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Thành	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.
681	VN-20249-17	Lisbosartan 150mg	Công ty CP dược phẩm Pha No	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A
682	VN-20425-17	Lisbosartan 300mg	Công ty CP dược phẩm Pha No	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A
683	VN-18935-15	Livolin-H	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
684	VN-18215-14	Livosil 140mg	Công ty Cổ phần Fulink Việt Nam	UAB "Aconitum"
685	VN-20520-17	Lizolid-600	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
686	VN-18688-15	Locoxib	Công ty TNHH Dược phẩm Bách Khang	Efroze Chemical Industries (Pvt) Ltd.
687	VN-18296-14	Lomoh 40	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Ltd.
688	VN-20565-17	Loreze	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
689	VN-18181-14	Lorfast	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
690	VN-18882-15	Lorista 50	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
691	VN-19475-15	Losagen 100	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
692	VN-20286-17	Losagen 50	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
693	VN-19558-16	Losec Mups	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca AB
694	VN-17853-14	Lousartan	Công ty cổ phần Dược Phẩm Pha No	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A (Fab. Abrunheira)
695	VN-17513-13	Lowsta	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD - CENTRAL FACTORY
696	VN-19139-15	Loxmen	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
697	VN-19461-15	Loxmen	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
698	VN-19358-15	Lucass 200	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
699	VN-16972-13	Lucyxone	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Nam Tiến	SIC "Borshchahivskiy Chemical-Pharmaceutical Plant" PJSC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
700	VN-17816-14	Lumigan	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
701	VN-18348-14	Luotai	Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	KPC Pharmaceuticals, Inc.
702	VN-9723-10	Luotai	Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	KPC Pharmaceuticals, Inc.
703	VN-18929-15	Lupilopram	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Jubilant Generics Limited
704	VN-19700-16	Lupilopram	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Jubilant Generics Ltd.
705	VN-18356-14	Lupipezil	Công ty TNHH Dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
706	VN-18694-15	Lupipezil	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Jubilant Generics Limited
707	VN-19354-15	Maxezole 40	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Bharat Parenterals Ltd.
708	VN-20410-17	Maxilin	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm Hellas S.A.
709	VN-20533-17	Maxpenem injetion 500mg	JW Pharmaceutical Corporation	JW Pharmaceutical Corporation
710	VN-16973-13	Maxsetron	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Nam Tiến	SIC "Borshchahivskiy Chemical-Pharmaceutical Plant" PJSC
711	VN-19407-15	Mazu	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 3	Stallion Laboratories Pvt. Ltd.
712	VN-19236-15	McLafil 20	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
713	VN-16977-13	Meclon	Công ty cổ phần dược phẩm APAC	Doppel Farmaceutici S.r.l.
714	VN-18932-15	Medaxone 1g	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd. - Factory C
715	VN-19525-15	Medcelore Injection	Saint Corporation	Guju Pharm. Co., Ltd.
716	VN-19123-15	Medica Loxoprofen tablet	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Phương	Medica Korea Co., Ltd.
717	VN3-153-19	Medikinet MR 10mg capsules	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Medice Arzneimittel Putter GmbH & Co.KG
718	VN3-154-19	Medikinet MR 20mg capsules	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Medice Arzneimittel Putter GmbH & Co.KG
719	VN3-155-19	Medikinet MR 5mg capsules	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Medice Arzneimittel Putter GmbH & Co.KG
720	VN-17514-13	Medoclav 156,25mg/5ml	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD – FACTORY B
721	VN-20557-17	Medoclav 1g	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd- Factory B
722	VN-15977-12	Medoclav 625mg	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD – FACTORY B
723	VN-18366-14	Medoclav Forte	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD – FACTORY B
724	VN-17744-14	Medoclor 500mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd. - Factory C
725	VN-17741-14	Medoxicam 15mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd - Central factory
726	VN-17742-14	Medoxicam 7.5mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd - Central factory

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
727	VN-18865-15	Medphadion drops (XX: Spreewalder Arzneimittel BmbH, Germany)	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Medphano Arzneimittel GmbH
728	VN-19091-15	Medphatobra 80	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Medphano Arzneimittel GmbH
729	VN-19497-15	Medsamic 500mg	Medochemie Ltd - Central factory	Medochemie Ltd.- Nhà máy Trung Tâm
730	VN-20288-17	Meglucon 1000	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek S.A
731	VN-18022-14	Meiact 200mg	Công ty Cổ phần dược phẩm Thiên Thảo	Tedec-Meiji Farma, SA
732	VN-18374-14	Meiunem 0,5g	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo	Nipro Pharma Corporation Odate Plant
733	VN-20313-17	Menazin 200mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd.- central Factory
734	VN-16917-13	Menelat	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
735	VN-18109-14	Menelat	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
736	VN-20415-17	Meropenem Kabi 1g	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	ACS Dobfar S.p.A
737	VN-20246-17	Meropenem Kabi 500mg	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	ACS Dobfar S.p.A
738	VN-20408-17	Meropenem/Anfarm	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm hellas S.A
739	VN-20409-17	Meropenem/Anfarm	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm hellas S.A
740	VN-18267-14	Merugold I.V (cơ sở sản xuất bán thành phẩm: Acs Dobfar S.p.A, địa chỉ: Viale Addetta, 4/12-20067 Tribiano, Milan, Italia; sản xuất thành phẩm và xuất xưởng: Facta Farmaceutici S.p.A, địa chỉ: Nucleo	Công ty TNHH Dược phẩm Lamda	Facta Farmaceutici S.p.A
741	VN-20356-17	Mestinon S.C.	A. Menarini Singapore Pte. Ltd	Aupa Biopharm Co., Ltd.
742	VN-20289-17	Metformin 500	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek S.A
743	VN2-634-17	Methotrexat "ebewe" 500mg/5ml	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
744	VN3-19-18	Methotrexate-Belmed	Công ty TNHH MTV Vimepharco	Belmedpreparaty RUE
745	VN-17365-13	Metomol Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm Tú Uyên	Eskayef Bangladesh Limited
746	VN-17293-13	Metrocide	OTSUKA PHARMACEUTICAL INDIA PRIVATE LIMITED.	OTSUKA PHARMACEUTICAL INDIA PRIVATE LIMITED.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
747	VN-17797-14	Metrogyl denta	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Phú	Unique Pharmaceuticals Laboratories (A Div. of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Limited)
748	VN-18992-15	Metronidazole Intravenous Infusion B.P (5GM/LT)	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Ltd
749	VN-16455-13	Mibelcam 15mg/1,5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Idol Ilac Dolum Sanayii Ve Ticaret A.S
750	VN-17970-14	Micocept 250mg	Novartis (Singapore) Pte. Ltd.	Sandoz Private Limited
751	VN-17971-14	Micocept 500mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz Private Limited
752	VN-18018-14	Micomedil	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD - COGOLS FACILITY
753	VN-16472-13	Microstun	Albios Lifesciences Private Limited	Denis Chem Lab Limited
754	VN-18703-15	Microvatin-20	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
755	VN-16993-13	Midazolam - hameln 5mg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
756	VN-17669-14	Miduc	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Saga Laboratories
757	VN-15828-12	Mildocap	CônCông ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Nga	S.C.Arena Group S.A.
758	VN-18480-14	Milgamma mono 150	Wörwag Pharma GmbH & Co. KG	Dragenopharm Apotheker Pueschl GmbH
759	VN-17798-14	Milgamma N	Wörwag Pharma GmbH & Co. KG	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH
760	VN-19323-15	Minigadine	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
761	VN-18893-15	Minirin	Ferring Private Ltd	Ferring International Center S.A.
762	VN-18300-14	Minirin Melt Oral Lyophilisate 120mcg (Đóng gói thứ cấp bởi: Ferring International Center SA, đ/c: Chemin de la Vergognausaz, 50 1162 Saint-Prex, Switzerland)	Ferring Private Ltd.	Catalent U.K. Swindon Zydis Limited
763	VN-18301-14	Minirin Melt Oral Lyophilisate 60mcg (Đóng gói thứ cấp bởi: Ferring International Center SA, đ/c: Chemin de la Vergognausaz, 50 1162 Saint-Prex, Switzerland)	Ferring Private Ltd	Catalent U.K. Swindon Zydis Limited
764	VN-19360-15	Mirtaz 15	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
765	VN-19361-15	Mirtaz 30	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
766	VN-18957-15	Mixipem 500mg/500mg	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Việt	ACS Dobfar S.p.A.
767	VN-16248-13	Mocetrol	Công Ty TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
768	VN-19174-15	Momate	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
769	VN-19663-16	Momate	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
770	VN-20521-17	Momex Nasal Spray	Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd. General Pharm. Factory	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
771	VN3-181-19	MON.IYOT-131	Công Ty Cổ Phần Pharmatopes Việt Nam	Eczacibasi Monrol Nukleer Urunler Sanayi Ve Ticaret A.S.
772	VN-20294-17	Monitazone Nasal Spray	Ildong Pharmaceutical Co., Ltd.	Samchundang Pharm Co., Ltd.
773	VN-18904-15	Monte-H10	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
774	VN-18705-15	Monte-H4	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
775	VN-19702-16	Montemac 10	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
776	VN-19703-16	Montemac 5	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
777	VN-15256-12	Montenuzyd	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
778	VN-16765-13	Montiget 4mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
779	VN-19063-15	Moretel	Công ty TNHH Bình Việt Đức	SM Farmaceutici s.r.l
780	VN-17215-13	Morihepamin	Công ty TNHH DKSH Pharma Việt Nam	AY Pharmaceuticals Co., Ltd.
781	VN-19818-16	Mosane Tablet	Công ty cổ phần BGP Pharma	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd.
782	VN-18708-15	Moxetero	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
783	VN-16572-13	Moxflo	MI Pharma Private Limited	Amanta Healthcare Limited
784	VN-17099-13	Moxilen 500mg	Medochemie Ltd.	MEDOCHEMIE LTD – FACTORY B
785	VN-17950-14	Moxydar	công ty TNHH Dược Phẩm Nhất Anh	Laboratoires Grimberg S.A.
786	VN-18501-14	Mozoly 5	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
787	VN-19508-15	M-prib-3.5	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.
788	VN-20589-17	Mucosta tablets 100mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
789	VN-18709-15	Mycokem tablets 500mg	Alkem Laboratories Ltd.	Alkem Laboratories Ltd.
790	VN-19158-15	Mydocalm	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
791	VN-17953-14	Mydocalm 150	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
792	VN-18223-14	NA Neurocard Plus	Công ty CP Ứng dụng và phát triển công nghệ Y học Sao Việt	Sphere Healthcare Pty., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
793	VN-17014-13	Nadecin 10mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT NGA	S.C. Arena Group S.A
794	VN-17327-13	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
795	VN-18202-14	Nanfizy	Belarusian-Dutch Joint Venture “Pharmland” Limited Liability Company	LTD Farmaprim
796	VN2-393-15	Naprodox 10	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.
797	VN-19509-15	Naprozole-R	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.
798	VN-18021-14	Nat-B	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
799	VN3-6-17	Natrixam 1.5mg/10mg	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
800	VN3-7-17	Natrixam 1.5mg/5mg	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
801	VN-18966-15	Neo-Codion	Tedis	Sophartex
802	VN-20244-17	Neo-Endusix	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm hellas S.A
803	VN-20398-17	Neoloridin	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
804	VN-17152-13	Neopeptine	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
805	VN-18967-15	Neo-Tergynan	Tedis	Sophartex
806	VN-20352-17	Nepicox	Yeva Therapeutics Pvt., Ltd.	Acme Formulation Pvt. Ltd.
807	VN-19131-15	Netlisan	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Sanjivani Paranteral Ltd.
808	VN-18711-15	Neurocetam-400	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
809	VN-17217-13	Nevanac	Novartis Pharma Services AG	s.a. Alcon-Couvreur N.V
810	VN-19704-16	Nevirapine Tablets USP 200mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
811	VN-16295-13	Newfactan	Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	Yuhan Corporation
812	VN-15719-12	Nexium	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	AstraZeneca AB
813	VN-18473-14	Nexzac 20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
814	VN-18474-14	Nexzac 40	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
815	VN-19609-16	Niftclar DT-100	Công ty TNHH Dược phẩm Rồng Vàng	Precise Biopharma Pvt. Ltd
816	VN-18846-15	Niglyvid	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
817	VN-20320-17	Nimodin	Mi Pharma Private Limited	Swiss Parenterals Pvt. Ltd.
818	VN-20232-17	Nimotop	Bayer (South East Asia) Pte, Ltd.	Bayer AG
819	VN-19283-15	Nirpid 10%	Aculife Healthcare Private Limited	Aculife Healthcare Private Limited
820	VN-20270-17	Nitromint	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
821	VN-18915-15	Nizoral	Janssen Cilag Ltd.	Janssen Pharmaceutica N.V.
822	VN-18461-14	Nodict	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
823	VN-19088-15	Noigel suspension 15ml	Công ty TNHH dược phẩm Hoa Lan	Il - yang pharm. Co., Ltd.
824	VN-17923-14	Nolpaza 40mg	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
825	VN-17717-14	Nootropil	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	UCB Pharma SA
826	VN-18876-15	No-Spa forte	Sanofi-Aventis Singapore Pte., Ltd.	Chinoin Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd.
827	VN-19713-16	Novagra Forte	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
828	VN-20342-17	Novalud	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
829	VN-20628-17	Noviceftrin 2g IV	SM Biomed Sdn. Bhd.	Laboratorio Reig Jofre, S.A
830	VN-17336-13	Novocress Infusion	PT Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
831	VN-17120-13	Novoxim-500	Micro Labs Limited	Micro Labs Ltd.
832	VN-17954-14	Novynette	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
833	VN-19598-16	Nozaxen	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
834	VN-19048-15	Nuceftri-1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt An	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
835	VN-19049-15	Nuceftri-2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt An	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
836	VN-18720-15	Nucleo CMP forte	Tedis	Ferrer Internacional S.A.
837	VN-19279-15	Nugrel	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
838	VN-18138-14	Nurich-25	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Bal Pharma Ltd.
839	VN-17822-14	Nurich-50	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Bal Pharma Ltd.
840	VN-19094-15	Octreotide	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.p.A. (Bioindustria L.I.M)
841	VN3-182-19	Ofev (Đóng gói & xuất xưởng: Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG; Đ/c: Binger Str. 173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany)	Boehringer Ingelheim International GmbH	Catalent Germany Eberbach GmbH
842	VN-18723-15	Oflovid ophthalmic ointment	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., nhà máy Shiga
843	VN-20287-17	Olan 5	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
844	VN-19507-15	Olcin-500	Công ty TNHH TM Dược Phẫm Đông Phương	Delta Pharma Limited
845	VN2-523-16	Olimel N9E	Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.	Baxter SA
846	VN-16887-13	Olmed 10mg	Actavis International Ltd	Actavis Ltd.
847	VN-17627-14	Olmed 5mg	Actavis International Ltd.	Actavis Ltd.
848	VN-16377-13	Omelupem I.V. Infusion 40mg	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Standard Chem & Pharm Co., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
849	VN-15965-12	Omemac-20	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
850	VN-20402-17	Omeusa	Công ty cổ phần Dược MK Việt Nam	S.C. Antibiotice S.A.
851	VN-10687-10	Omnipaque	Thay đổi công ty đăng ký, tên công ty đăng ký mới: A. Menarini Singapore Pte. Ltd.	GE Healthcare Ireland
852	VN-10688-10	Omnipaque	Thay đổi công ty đăng ký, tên công ty đăng ký mới: A. Menarini Singapore Pte. Ltd.	GE Healthcare Ireland
853	VN-20357-17	Omnipaque	A. Menarini Singapore Pte. Ltd	GE Healthcare Ireland
854	VN-20358-17	Omnipaque	A. Menarini Singapore Pte. Ltd	GE Healthcare Ireland
855	VN-20406-17	Omsergy	Lần đầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa Lần 2: Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Saga Laboratories
856	VN-17328-13	Ondansetron-hameln 2mg/ml injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
857	VN-17329-13	Ondansetron-hameln 2mg/ml injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
858	VN-20429-17	Ondansevit 8mg/4ml	Công ty CP dược phẩm Pha No	Laboratorios Normon, S.A.
859	VN-19415-15	Opiphine	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
860	VN-19436-15	Orasten	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Delta Pharma Limited
861	VN-18139-14	Orgyl	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
862	VN-20486-17	Orkan SoftCapsule	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Young Poong Pharma. Co., Ltd.
863	VN-18297-14	Orle	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Ltd.
864	VN-19078-15	Osbifin 20 mg (Cơ sở xuất xưởng: Delorbis Pharmaceuticals Ltd., địa chỉ: 17 Athinon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P. O. Box 28629, 2081 Lefkosia, Cyprus)	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Haupt Pharma Munster GmbH
865	VN2-464-16	Oseltamivir Phosphate capsules 30mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
866	VN2-465-16	Oseltamivir Phosphate capsules 45mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
867	VN-17934-14	Osetron 8mg	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
868	VN-19511-15	Ostemax 70 comfort	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharrma S.A.
869	VN-19446-15	Ovalgel chewable tablets	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Fu yuan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.
870	VN2-636-17	Oxaliplatin "Ebewe" 150 mg/30ml	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
871	VN2-637-17	Oxaliplatin "Ebewe" 50mg/10ml	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
872	VN-14990-12	Oxaliplatin Hospira 100mg/20ml	Pfizer (Thailand) Ltd	Hospira Australia Pty Ltd
873	VN-20247-17	Oxitan 100mg/20ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
874	VN-20417-17	Oxitan 50mg/10ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
875	VN-20612-17	Oxytocin injection BP 10 Units	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
876	VN-20411-17	Ozarium	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm Hellas S.A.
877	VN-19447-15	Ozogast 40	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
878	VN-17817-14	Ozurdex	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
879	VN-20432-17	Paciflam	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Hameln Pharmaceuticals GmbH
880	VN-20581-17	Paclitaxel "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
881	VN-11619-10	Paclitaxelum Actavis	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma SRL
882	VN-17852-14	Palibone	Công ty Cổ phần BT Việt Nam	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A.
883	VN-12465-11	Panadol	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Sterling Drug (M) Sdn. Bhd.
884	VN-19159-15	Panangin	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
885	VN-17330-13	Pan-Cloxacillin 500mg	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Panpharma
886	VN-19355-15	Panotox	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Bharat Parenterals Ltd.
887	VN-19184-15	Pantin 40	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
888	VN-20525-17	Pantium-40	Intas Pharmaceuticals Ltd	Intas Pharmaceuticals Ltd
889	VN-20460-17	Pantobone 40	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
890	VN-18947-15	Pantocar-40	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
891	VN-19144-15	Panto-denk 40	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Advance Pharma GmbH
892	VN-19450-15	Pantogut	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd.
893	VN-19534-15	Pantoloc 20mg	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Takeda GmbH
894	VN-18402-14	Pantoloc 40mg	Nycomed GmbH	Takeda GmbH
895	VN-18467-14	Pantoloc I.V	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Takeda GmbH
896	VN-19102-15	Pantonix 40 Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
897	VN-18530-14	Pantonova IV	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Ciron Drugs & Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
898	VN-18044-14	Paratramol	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
899	VN-19418-15	Paratriam 200mg Powder	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Lindopharm GmbH
900	VN-15829-12	Pasapil	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nga	S.C.Arena Group S.A.
901	VN-13472-11	Pataday	Novartis Pharma Services AG	Alcon Research, LLC.
902	VN-16751-13	Pauzin 500	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Limited
903	VN-15429-12	Paxirasol	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
904	VN2-351-15	Paxus PM (công thức Polymeric micelle của Paclitaxel 100 mg)	MEGA LIFESCIENCES PTY LIMITED	Samyang Biopharmaceuticals Corporation
905	VN3-115-19	Pecabine 150mg	Công ty CP dược phẩm Pha No	Laboratorios Normon, S.A.
906	VN-19591-16	Pecolin	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
907	VN3-118-19	Pemetrexed Invagen	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	Thymoorgan Pharmazie GmbH
908	VN3-128-19	Pemexed 500	Mega Lifesciences Public Company Limited	Gland Pharma Limited
909	VN-19350-15	Pentasec 40mg	Công ty TNHH Dược phẩm Vạn Cường Phát	Laboratorio Reig Jofre, S.A
910	VN-19351-15	Penzobact 4/0,5g	Công ty TNHH dược phẩm Vạn Cường Phát	Laboratorio Reig Jofre, S.A
911	VN-20564-17	Perglim 1	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
912	VN2-564-17	Periolimel N4E	Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.	Baxter SA
913	VN2-394-15	Pexate 500	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.
914	VN-18734-15	Phamzopic 7.5mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
915	VN-18407-14	Pharmaclofen	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
916	VN-19307-15	Pharmacort	Fisiopharma SRL	Pharmatex Italia s.r.l.
917	VN-20596-17	Pharmapir 25mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
918	VN-18575-14	Philmoxista Eye Drops	Công ty TNHH Philavida	Samchundang Pharm Co., Ltd.
919	VN-19518-15	Philoclex	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
920	VN-19519-15	Philtobax Eye Drops	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
921	VN-18867-15	Phlebodia	Công ty TNHH Thương Mại Dược Thuận Gia	Innothera Chouzy
922	VN-15300-12	Phocodex 10mg	Công ty Cổ phần Fulink Việt Nam	Farmak JSC
923	VN-16964-13	Phosphalugel	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd.	Pharmatis
924	VN-18427-14	Photomit	Phil International Co., Ltd.	Cho-A Pharm Co., Ltd.
925	VN-16540-13	Piascledine	Hyphens Pharma Pte Ltd.	Laboratoires Expanscience

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
926	VN-18838-15	Picaroxin 500mg	Actavis International Limited	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company
927	VN-19334-15	Picencal Tablet	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Saint Corporation
928	VN-18870-15	Pinclos	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
929	VN-16481-13	Piracetam-Egis	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
930	VN-16482-13	Piracetam-Egis	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
931	VN-20311-17	Pirolam	Medana Pharma S.A.	Medana Pharma S.A.
932	VN-20588-17	Pitator Tablets 2mg	Orient Europharma Pte. Ltd.	Oreint Pharma Co., Ltd.
933	VN-16249-13	Pizulen	Công Ty TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
934	VN-16250-13	Pizulen	Công TY TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
935	VN-16808-13	Planitox	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
936	VN-18879-15	Plavix	SANOFI-AVENTIS SINGAPORE PTE. LTD.	Sanofi Winthrop Industries
937	VN-16229-13	Plavix 75mg	SANOFI-AVENTIS SINGAPORE PTE. LTD.	Sanofi Winthrop Industrie
938	VN-20224-17	Plendil Plus	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca AB
939	VN-20590-17	Pletaal tablets 100mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
940	VN-20591-17	Pletaal tablets 50mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
941	VN-18432-14	PM H-Regulator	Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
942	VN-16986-13	PM Kiddiecal	Công ty Cổ phần dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	Catalent Australia Pty. Ltd.
943	VN-16529-13	PM NextG Cal	Công ty TNHH Đại Bắc	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
944	VN-11788-11	PM Remem	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
945	VN-18408-14	pms -Montelukast FC	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
946	VN-16863-13	PMS-Citalopram 20mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
947	VN-17545-13	PMS-Citalopram 40mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
948	VN-13811-11	PMS-Fluoxetine	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
949	VN-18051-14	pms-Gabapentin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
950	VN-17770-14	PMS-Irbesartan 150 mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
951	VN-17771-14	PMS-Irbesartan 300 mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
952	VN-17772-14	PMS-Irbesartan 75 mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
953	VN-17546-13	PMS-Montelukast 4mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
954	VN-17547-13	PMS-Montelukast 5mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
955	VN-18573-14	PMS-Pregabalin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
956	VN-18574-14	PMS-Pregabalin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
957	VN-18410-14	pms-Rosuvastatin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
958	VN-18411-14	pms-Rosuvastatin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
959	VN-18412-14	pms-Rosuvastatin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
960	VN-18052-14	PMS-Ursodiol C 250mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
961	VN-20500-17	Pollezin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
962	VN-20334-17	Poltraxon	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A
963	VN-18428-14	Posod Eye Drops	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
964	VN-19160-15	Postinor 1	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
965	VN-19161-15	Postinor 2	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
966	VN-20283-17	Powercort	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
967	VN3-156-19	Pravafen	Hyphens Pharma Pte. Ltd	SMB Technology S.A.
968	VN-16685-13	Praverix 250mg	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	S.C. Antibiotice S.A.
969	VN-16686-13	Praverix 500mg	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	S.C. Antibiotice S.A.
970	VN-18287-14	Prazone-S 1.0g	Công ty TNHH Dược phẩm Thủ Đô	Venus Remedies Limited
971	VN-18288-14	Prazone-S 2.0g	Công ty TNHH Dược phẩm Thủ Đô	Venus Remedies Limited
972	VN-19373-15	Prednisolone 5 mg Tablets "Y.Y."	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd.
973	VN-19656-16	Prelox Suspension	Bosch Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd.	Bosch Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd.
974	VN-17997-14	Prepentin 150mg	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
975	VN-17998-14	Prepentin 75mg	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
976	VN-18925-15	Preterax Arginine	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
977	VN-19322-15	Prevomit FT	PT. Dexa Medica	PT. Dexa Medica
978	VN3-159-19	Prezista	Janssen Cilag Ltd.	Janssen-Ortho LLC
979	VN-18238-14	Pricefil	Công ty TNHH Dược TÂM ĐAN	Vianex S.A- Nhà máy D
980	VN-18739-15	Progendo 200mg	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Procaps S.A.
981	VN-16898-13	Progesterone injection BP 25mg	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ thuật Đức Việt	Panpharma GmbH
982	VN-15147-12	Progestogel 1%	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd	Besins Manufacturing Belgium
983	VN-18740-15	Progut	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
984	VN-19568-16	Promaquin	IL-Yang Pharm Co., Ltd	Celltrion pharm, Inc
985	VN-17959-14	Promto Tablet 20mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
986	VN-19457-15	Prorid	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Phương	Yoo Young Pharm. Co., Ltd.
987	VN-17873-14	Prospan Cough Syrup	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm & Thương mại Sohaco	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co..KG
988	VN-15845-12	Protevir	Công ty TNHH Dược phẩm Vietsun	Incepta Pharmaceuticals Limited
989	VN-19044-15	Protomac-40	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	M/s WINDLAS BIOTECH PRIVATE LIMITED
990	VN-16292-13	Protopic	Zuellig Pharma Pte. Ltd.	Astellas Pharma Tech Co. Ltd. Toyama Technology Center (Đóng gói: Zuellig Pharma Specialty Solutions Group Pte Ltd.. địa chỉ: 15 Changi North Way #02-02, #02-10 Singapore 498770)
991	VN-16293-13	Protopic	Zuellig Pharma Pte. Ltd.	Astellas Pharma Tech Co. Ltd. Toyama Technology Center (Đóng gói: Zuellig Pharma Specialty Solutions Group Pte Ltd.. địa chỉ: 15 Changi North Way #02-02, #02-10 Singapore 498770)
992	VN-16415-13	Provinace	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.
993	VN-15653-12	Proxacin 1%	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
994	VN2-640-17	Proxivir Tablet	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
995	VN-19559-16	Pulmicort Respules	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	AstraZeneca AB
996	VN-19405-15	Pulmorest	Công ty TNHH xuất nhập khẩu và phân phối Dược phẩm Hà Nội	Santa Farma Ilac Sanayii A.S.
997	VN-15852-12	Pyrafat 500mg	Công ty TNHH DV TM dược phẩm Chánh Đức	SW Pharma GmbH-subsidiary of RIEMSER Pharma GmbH
998	VN-19076-15	Qapanto	Công ty TNHH DP Quang Anh	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A (Fab. Abrunheira)
999	VN-20279-17	Quamatel	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1000	VN-15896-12	Quinoneg 500	Flamingo Pharmaceuticals Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
1001	VN-17641-14	Rabaris Tablet	Aristo pharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
1002	VN-16603-13	Rabeloc I.V.	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1003	VN-16658-13	Rabenobe	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1004	VN-18521-14	Rabesta-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nga	Stallion Laboratories Pvt. Ltd.
1005	VN-16968-13	Rabicad 10	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1006	VN-16969-13	Rabicad 20	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1007	VN-16032-12	Raciper 20mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Limited
1008	VN-16033-12	Raciper 40mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Limited
1009	VN-17353-13	Ramizes 10	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Farmak JSC
1010	VN-17354-13	Ramizes 2.5	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Farmak JSC
1011	VN-17355-13	Ramizes 5	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Farmak JSC
1012	VN-19408-15	Razocon 2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt An	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1013	VN-19527-15	Reamberin	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd.	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd.
1014	VN-19281-15	Recarb-50	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Bal Pharma Ltd.
1015	VN-19356-15	Recosan 200	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Bharat Parenterals Ltd.
1016	VN-18079-14	Redamox 156 Dry syrup	Sakar Healthcare Pvt. Ltd.	Sakar Healthcare Pvt. Ltd.
1017	VN-16650-13	Redbama	Công ty TNHH Đại Bắc	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A
1018	VN3-122-19	Redivec	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
1019	VN-20390-17	Redoxon Double Action	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	PT Bayer Indonesia
1020	VN-18433-14	Reduze	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
1021	VN-14430-12	Refresh Liquigel	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Sales, LLC
1022	VN-16552-13	Relenza	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome Production
1023	VN-18083-14	Relispa Injection	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1024	VN-9825-10	Remebentin 100	Công ty TNHH Dược Phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
1025	VN-19682-16	Reminyl 16mg	Janssen Cilag Ltd.	Janssen Pharmaceutica NV
1026	VN-19683-16	Reminyl 8mg	Janssen Cilag Ltd.	Janssen Pharmaceutica NV
1027	VN-18124-14	Renapril 10mg	Actavis International Ltd	Balkanpharma-Dupnitsa AD
1028	VN-18125-14	Renapril 5mg	Actavis International Ltd	Balkanpharma - Dupnitsa AD

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1029	VN-18128-14	Reprat (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Delorbis Pharmaceuticals Ltd., địa chỉ: 17 Athinon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P. O. Box 28629, 2081 Lefkosia, Cyprus)	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Advance Pharma GmbH
1030	VN-20314-17	Residron	Mega Lifesciences Limited	Pharmathen S.A
1031	VN-16154-13	Retento-800	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	XL Laboratories Pvt., Ltd.
1032	VN-15387-12	Reumokam	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ánh Sáng Châu Á	Farmak JSC
1033	VN2-526-16	Revolade 25mg	Novartis Pharma Services AG	Cơ sở sản xuất: Glaxo Operations UK Ltd. Cơ sở đóng gói: Glaxo Wellcome, S.A.
1034	VN-19560-16	Rhinocort Aqua	Janssen-Cilag Limited	AstraZeneca AB
1035	VN-19339-15	Rhitas Nasal Spray	Samil Pharm. Co., Ltd	Samil Pharm Co., Ltd.
1036	VN3-17-18	Riboirino 100mg/5ml	Công ty TNHH Dược phẩm & Hoá chất Nam Linh	Thymoorgan Pharmazie GmbH
1037	VN3-18-18	Riboirino 40mg/2ml	Công ty TNHH Dược phẩm & Hoá chất Nam Linh	Thymoorgan Pharmazie GmbH
1038	VN2-569-17	Ribomustin	Janssen - Cilag Ltd.	Oncotec Pharma Produktion GmbH
1039	VN2-570-17	Ribomustin	Janssen - Cilag Ltd.	Oncotec Pharma Produktion GmbH
1040	VN-16766-13	Richstatin 10mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1041	VN-16767-13	Richstatin 20mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1042	VN-17040-13	Richstatin 5 mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1043	VN-17748-14	Ridlor	MEGA LIFESCIENCES PUBLIC COMPANY LIMITED	Pharmathen S.A
1044	VN-19655-16	Rigevidon 21+7	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1045	VN-16749-13	Rileptid	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1046	VN-16750-13	Rileptid	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1047	VN-17620-13	Rinalix-Xepa	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.
1048	VN-18747-15	Ringerfundin	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
1049	VN-18922-15	Rinofil syrup 2,5mg/5ml	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Laboratorios Recalcine S.A.
1050	VN-17150-13	Riosart 150mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1051	VN-17573-13	Riosart 300mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Limited
1052	VN-16998-13	Risperinob-2	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1053	VN-16999-13	Risperinob-4	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1054	VN-17899-14	Rizsyl	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1055	VN-20613-17	Rocalcic 100	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
1056	VN-20345-17	Rocalcic 50	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
1057	VN-14167-11	Rocaltrol (Cơ sở đóng gói: F. Hoffmann-La Roche Ltd, địa chỉ: CH-4303 Kaiseraugst Switzerland	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Catalent Germany Eberbach GmbH
1058	VN-19045-15	Rohapam	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	M/s WINDLAS BIOTECH PRIVATE LIMITED
1059	VN-18556-14	Rolavast 10	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
1060	VN-18557-14	Rolavast 20	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
1061	VN-18283-14	Rolxexim	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
1062	VN-18284-14	Rolxexim	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
1063	VN-18749-15	Ropegold	Công ty TNHH Dược phẩm Lamda	Facta Farmaceutici S.p.A
1064	VN-19222-15	Rosepire	Exeltis Healthcare S.L.	Laboratorios León Farma, S.A
1065	VN-19694-16	Rosepire	Exeltis Healthcare S.L.	Laboratorios León Farma, S.A
1066	VN-19046-15	Rosiduc	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	M/s WINDLAS BIOTECH PRIVATE LIMITED
1067	VN-18110-14	Rosucor 20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1068	VN-18111-14	Rosucor10	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1069	VN-20450-17	Rosutrox	Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến	Biofarm Sp. zo.o
1070	VN-20451-17	Rosutrox	Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến	Biofarm Sp. zo.o
1071	VN-18750-15	Roswera	Công ty TNHH dược phẩm Nam đồng	KRKA, D.D., . Novo Mesto
1072	VN-19424-15	Rovartal 10mg	Công ty TNHH DP Việt pháp	Actavis Ltd.
1073	VN-19425-15	Rovartal 20mg	Công ty TNHH DP Việt pháp	Actavis Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1074	VN-18948-15	Roxithromycin tablets 150mg	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1075	VN-16115-13	R-Tist	Công ty TNHH Reliv Pharma	Lupin Ltd.
1076	VN-16116-13	R-Tist	Công ty TNHH Reliv Pharma	Lupin Ltd.
1077	VN-17360-13	Runolax	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	The Acme Laboratories Ltd.
1078	VN-19193-15	Rupafin	Hyphens Pharma Pte. Ltd	J.Uriach and Cía., S.A.
1079	VN2-504-16	Rupafin	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Italfarmaco, S.A.
1080	VN-14629-12	Sadetabs	Công ty TNHH Thương mại CG Việt Nam	Gramon Bago de Uruguay S.A.
1081	VN-16636-13	Safaria	Belarusian-Dutch Joint Venture "Pharmland" Limited Liability Company	Ltd Farmaprim
1082	VN-18752-15	Safelevo 750	MI Pharma Private Limited	MSN Laboratories Private Limited
1083	VN-19664-16	Saferon	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1084	VN-16573-13	Salbules	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Amanta Healthcare Limited
1085	VN-16406-13	Salbutamol Renaudin 5mg/5ml (0,1%)	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Laboratoire Renaudin
1086	VN-18354-14	Salmeflo	LLoyd Laboratories INC.	LLoyd Laboratories INC.
1087	VN-18355-14	Salmeflo	LLoyd Laboratories INC.	LLoyd Laboratories INC.
1088	VN-18080-14	Samilflurone 0,1% Ophthalmic Suspension	Samil Pharm Co., Ltd.	Samil Pharm. Co., Ltd
1089	VN-17583-13	Samilvidone Ophthalmic Solution	Samil Pharm Co., Ltd.	Samil Pharm. Co., Ltd
1090	VN2-565-17	Samsca Tablets 15 mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
1091	VN-18144-14	Samtoxim	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
1092	VN-16122-13	Sanbepelastin	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	PT. Sanbe Farma
1093	VN-18753-15	Sandimmun Neoral	Novartis Pharma Services AG	Delpharm Huningue S.A.S
1094	VN-17538-13	Sandostatin	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
1095	VN-19357-15	Sanflox	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Bharat Parenterals Ltd.
1096	VN-18562-14	Sangobion	Merck KGaA	PT. Merck Tbk
1097	VN-17157-13	Sanlein 0,1	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.
1098	VN-19738-16	Sanlein Mini 0.1	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto
1099	VN-19739-16	Sanlein Mini 0.3	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto
1100	VN-15773-12	Santafer	Công ty TNHH xuất nhập khẩu và phân phối Dược phẩm Hà Nội	Santa Farma Ilac Sanayii A.S.
1101	VN-19347-15	Scandonest 3% Plain	Septodont	Septodont
1102	VN-19336-15	S-Drox 250	SAKAR HEALTHCARE LIMITED	SAKAR HEALTHCARE LIMITED

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1103	VN-17775-14	Seaoflura	Piramal Healthcare Limited	Piramal Critical Care, Inc
1104	VN-19162-15	Seduxen 5 mg	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1105	VN-17577-13	Selsun	Rohto-Mentholatum (Vietnam) Co., Ltd	Rohto Laboratories Indonesia
1106	VN-18084-14	Septanest with Adrenaline 1/100,000	Septodont	Septodont
1107	VN-15151-12	Serenata-100	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1108	VN-14684-12	Seretide Evohaler DC 25/50mcg	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome S.A,
1109	VN-19627-16	Sergel Injection	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
1110	VN-19401-15	Seroflo-50 (CFC Free)	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
1111	VN-20259-17	Seropin	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	Genepharm S.A.
1112	VN-17823-14	Servonex Tablets 10mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1113	VN-17824-14	Servonex Tablets 5mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1114	VN-18162-14	Sevoflurane	Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.	Baxter Healthcare Corporation
1115	VN-18539-14	Sife-100	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1116	VN-18540-14	Sife-50	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1117	VN-15579-12	Silyhepatis	Phil International Co., Ltd.	Cho-A Pharm Co., Ltd.
1118	VN-19345-15	Simbex 20/10 mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1119	VN-16806-13	Simbidan	Saint Corporation	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.
1120	VN-17569-13	Simvapol	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1121	VN-18761-15	Simvaseo Tablet	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đông Phương	Young Poong Pharma. Co., Ltd.
1122	VN-17210-13	Sindoxplatin 100mg	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.p.A.
1123	VN-17211-13	Sindoxplatin 50mg	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.p.A.
1124	VN-16681-13	Singdot 5	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1125	VN-18127-14	Sintopozid	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma SRL
1126	VN-18985-15	Sitaglo 100	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
1127	VN-18987-15	Sitaglo 50	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
1128	VN-14810-12	Siuguandexaron injection	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.
1129	VN-18032-14	Sketixe	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1130	VN-16682-13	Skidin	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1131	VN-16804-13	Skypodox 100	Từ công ty KHS Synchemica Corp. sang công ty TNHH Dược phẩm New Far East	Health Care Formulations Pvt. Ltd
1132	VN-20278-17	Smofkabiven Peripheral	Fresenius Kabi Deutschland GmbH.	Fresenius Kabi AB

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1133	VN-17173-13	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Laboratoire Renaudin
1134	VN-20375-17	Sodium Chloride Injection BP (0.9% W/V)	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Limited.
1135	VN-20507-17	Solacy Adulte	Galien Pharma	Laboratoires Grimberg S.A.
1136	VN-20331-17	Solu - Medrol	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer Manufacturing Belgium NV
1137	VN-15107-12	Solu-Medrol	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pharmacia & Upjohn Company
1138	VN-17213-13	Somatosan	Actavis International Ltd	BAG Health Care GmbH
1139	VN-20576-17	Somexwell-40	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1140	VN-20347-17	Sotretran 20mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1141	VN-20348-17	Sotretran 20mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1142	VN-19212-15	Speenac S	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
1143	VN2-651-17	Spexib 150mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
1144	VN-16963-13	Spiriva Respimat	Boehringer Ingelheim International GmbH	Boehringer Ingelheim pharma GmbH & Co. KG.
1145	VN-16905-13	Spiromide 40	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1146	VN-10570-10	Spiromide tablets	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1147	VN-20496-17	Stamlo 10	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
1148	VN-18766-15	Sterile Potassium Chloride Concentrate 14.9%	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
1149	VN-18493-14	Sterilised water for injection BP	Công ty TNHH Reliv Pharma	Amanta Healthcare Limited
1150	VN-18494-14	Sterilised water for injection BP	Công ty TNHH Reliv Pharma	Amanta Healthcare Limited
1151	VN-18469-14	Stimol	DKSH Singapore Pte., Ltd.	Biocodex
1152	VN-18071-14	Strepsils Cool	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1153	VN-17574-13	Strepsils Extra Strong	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1154	VN-17195-13	Strepsils Orange with Vitamin C	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1155	VN-17154-13	Strepsils Original	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1156	VN-16361-13	Strepsils Soothing Honey & Lemon	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1157	VN-18578-14	Strepsils Throat Irritation & Cough	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1158	VN-17194-13	Subsyde-M	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
1159	VN-17127-13	Sucracid Suspension	Công ty TNHH Era Pharma	Pacific Pharmaceuticals Ltd.
1160	VN-19105-15	Sucrafil Suspension	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Fourrts (India) Laboratories Pvt., Ltd.
1161	VN-13767-11	Sucrate gel	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Thành	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1162	VN-16994-13	Sufentanil-hameln 50mcg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
1163	VN-20250-17	Sufentanil-hameln 50mcg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Hameln Pharmaceuticals GmbH
1164	VN-18507-14	Sulcilat 250mg/5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Atabay Kimya San ve Tic A.S.
1165	VN-18508-14	Sulcilat 750mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Atabay Kimya Sanayi ve Ticaret A.S.
1166	VN-16910-13	Suncardivas 12.5	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1167	VN-16911-13	Suncardivas 6.25	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1168	VN-18093-14	SUNDONEP 10	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1169	VN-18094-14	SUNDONEP 5	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1170	VN-16912-13	Sunirovel 150	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1171	VN-17202-13	Sunirovel 300	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1172	VN-16913-13	Sunmesacol	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1173	VN-19745-16	SUNPREGABA 75	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1174	VN-19665-16	Supirocin	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1175	VN-18319-14	Supirocin-B	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1176	VN-17261-13	Suprane	Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.	Baxter Healthcare Corporation
1177	VN-17803-14	Surbex-Z	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	PT Abbott Indonesia
1178	VN-16932-13	Suroate Tablets "Honten"	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng	Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd.
1179	VN-17143-13	Surotadina	Adamed Pharma S.A. (tên đầy đủ: Adamed Pharma Spólka Akcyjna)	Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company
1180	VN-17776-14	Surotadina	Adamed Pharma S.A. (tên đầy đủ: Adamed Pharma Spólka Akcyjna)	Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company
1181	VN-20225-17	Symbicort Turbuhaler	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca AB
1182	VN-20379-17	Symbicort Turbuhaler	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca AB
1183	VN-17867-14	Synvetri	Công ty TNHH một thành viên JIO Medical	WINDLAS BIOTECH PRIVATE LIMITED
1184	VN-13977-11	Systane	Alcon Pharmaceuticals Ltd.	Alcon Research, Ltd.
1185	VN-16980-13	Tacrolimus-Teva 0.5mg	Actavis International Ltd	Laboratorios Cinfa SA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1186	VN-16981-13	Tacrolimus-Teva 1mg	Actavis International Ltd	Laboratorios Cinfa SA
1187	VN-16982-13	Tacrolimus-Teva 5mg	Actavis International Ltd	Laboratorios Cinfa SA
1188	VN-20284-17	Tacroz Forte	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1189	VN-16630-13	Tadachem-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt An	Aurochem Pharmaceuticals (1)Pvt.Ltd.
1190	VN-16644-13	Tadaritin	Công ty cổ phần Tada Pharma	Laboratorios Lesvi, S.L.
1191	VN-17807-14	Tadocel 20mg/0.5ml	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma SRL
1192	VN-17808-14	Tadocel 80mg/2ml	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma SRL
1193	VN3-36-18	Tagrisso	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam.	AstraZeneca AB
1194	VN-18299-14	Tamiflu (đóng gói bởi F. Hoffmann La Roche Ltd.; Đ/c: CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Cenexi SAS
1195	VN-18194-14	Tamiram	Công ty Cổ phần BT Việt Nam	Eurofarma Laboratorios SA
1196	VN-20583-17	Tamoxifen Sandoz 10mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Salutas Pharma GmbH
1197	VN-20584-17	Tamoxifen Sandoz 20mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Salutas Pharma GmbH
1198	VN-10116-10	Tamunix	Công ty TNHH DP và TBYT Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
1199	VN-19132-15	Tanagel	Laboratorios Francisco Durban, S.A.	Consorzio Con Attivita' Esterna Medexport Italia
1200	VN-16289-13	Tanakan	Ipsen Consumer Healthcare	Beaufour Ipsen Industrie
1201	VN-19539-15	Tantordio 160	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1202	VN-18475-14	Tantordio 40	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1203	VN-19366-15	Tantordio 80	Torrent Exports Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1204	VN-19376-15	Tapdin	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Sydenham Laboratories, Inc
1205	VN-17941-14	Tarceva (Cơ sở đóng gói: F.Hoffmann-La Roche Ltd; địa chỉ: CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Delpharm Milano S.r.l
1206	VN-11868-11	Tarceva (địa chỉ đóng gói: CH-4303 Kaiseraugst- Thuỵ sỹ)	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	F.Hoffmann-La Roche Ltd.
1207	VN-11870-11	Tarceva (địa chỉ đóng gói: CH-4303 Kaiseraugst, Thuỵ sỹ)	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	F.Hoffmann-La Roche Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1208	VN-19410-15	Tarviluci	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THÀNH VINH	Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd
1209	VN-20586-17	Tasigna 150mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
1210	VN-17539-13	Tasigna 200mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
1211	VN-15347-12	Tauxiz	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Beximco Pharmaceuticals Ltd
1212	VN-15202-12	Taxetil capsule	Aristopharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
1213	VN-15717-12	Taxetil Powder for suspension	Aristo pharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
1214	VN-20265-17	Taxotere	Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH
1215	VN-20266-17	Taxotere	Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH
1216	VN-17686-14	Tazidif 1g/3ml	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hợp	Esseti Farmaceutici Srl
1217	VN-20594-17	Tazocin	Pfizer (Thailand) Ltd.	Wyeth Lederle S.r.l.
1218	VN-18776-15	Tearbalance Ophthalmic solution 0.1%	Senju Pharmaceutical Co., Ltd	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant
1219	VN-19384-15	Tears Naturale II	s.a. Alcon-Couvreur N.V	Alcon Pharmaceuticals Ltd.
1220	VN-17335-13	Tebonin	Diethelm & Co., Ltd	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG
1221	VN-19312-15	Teburap SoftCap	Pharmaunity Co., Ltd	DONGKOO BIO & PHARMA. CO., LTD
1222	VN-18593-15	TEDAVI	Công ty TNHH Dược phẩm A.C.T	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S
1223	VN-19035-15	Tedona 10mg	Công ty cổ phần BGP Việt Nam	Korean Drug Co., Ltd.
1224	VN-19034-15	Tedona 5mg	Công ty cổ phần BGP Việt Nam	Korean Drug Co., Ltd.
1225	VN-18777-15	Tegretol CR 200	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farma S.p.A.
1226	VN-16604-13	Teli 40	CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1227	VN-16605-13	Teli 80	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1228	VN-17047-13	Telma 20	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1229	VN-17048-13	Telma 40	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1230	VN-19666-16	Telma 80	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1231	VN-16921-13	Telmikaa 40	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
1232	VN-20436-17	Telmotens Plus	Công ty TNHH DP Việt pháp	Alembic Pharmaceuticals Limited
1233	VN-15647-12	Telroto 40	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1234	VN-17608-13	Telroto 80	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1235	VN-18905-15	Telsar 40	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1236	VN-17530-13	Temodal Capsule (Đóng gói: Schering-Plough Labo N.V.; d/c: Industriepark 30, B-2220-Heist-op-den Berg, Belgium)	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Orion Corporation
1237	VN-17371-13	Tempovate Cream	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy	P.T Tempo Scan Pacific Tbk
1238	VN-17907-14	Temprosone Cream	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy	PT Tempo Scan Pacific Tbk.
1239	VN-16947-13	Tenofovir disoproxil fumarate/efavirenz/emtricitabine 300mg/600mg/200mg	MI Pharma Private Limited	Mylan Laboratories Limited
1240	VN2-399-15	Tenolam	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
1241	VN-19611-16	Tensira 150	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	PT Pertiwi Agung
1242	VN2-379-15	Thalide 100	Công ty TNHH MTV Vimepharco	United Biotech (P) Limited
1243	VN2-380-15	Thalide 50	Công ty TNHH MTV Vimepharco	United Biotech (P) Limited
1244	VN-17604-13	Thiên sứ thanh phế	Tasly Pharmaceutical Group Co.,Ltd	Tasly Pharmaceutical Group Co.,Ltd
1245	VN-10852-10	Thuốc long đờm New Eascof	Công ty TNHH Thương Mại Thanh Danh	Cachet Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
1246	VN-18481-14	Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Yichang Humanwell Pharmaceutical Co., Ltd
1247	VN-18482-14	Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Yichang Humanwell Pharmaceutical Co., Ltd
1248	VN-17080-13	Thuốc tiêm Korea United Vancomycin HCl 1g	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
1249	VN-18440-14	Tiepanem 1g	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kỹ thuật Đức Việt	ACS Dobfar S.p.A.
1250	VN-19180-15	Tiger Balm Oil	Haw Par Healthcare Ltd.	Haw Par Healthcare Ltd.
1251	VN-18782-15	Tiger Balm Plaster	Haw Par Healthcare Ltd.	Haw Par Healthcare Ltd.
1252	VN-20631-17	Tilatep for I.V. Injection 200mg	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.
1253	VN-17884-14	Tilbec 10	Công ty Cổ phần Dược MK Việt Nam	Softgel Healthcare Pvt., Ltd.
1254	VN-18337-14	Tilcotil	Invida (Singapore) Private Limited	Cenexi S.A.S
1255	VN-20587-17	Tobradex	Novartis Pharma Services AG	s.a. Alcon-Couvreur N.V
1256	VN-16935-13	Tobrex Eye Ointment	Novartis Pharma Services AG	Alcon Pharmaceuticals Ltd.
1257	VN-20366-17	Tobrin 0.3%	Actavis International Ltd	Balkanpharma - Razgrad AD
1258	VN-17670-14	Toduc	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Saga Laboratories

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1259	VN-18949-15	Tolepruv	Panacea Biotec Pharma Limited	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd
1260	VN-20616-17	Tolura 40mg	S.I.A (Tenamyd Canada)Inc.	KRKA, D.D., Novo Mesto
1261	VN-20617-17	Tolura 80mg	S.I.A (Tenamyd Canada)Inc.	KRKA, D.D., Novo Mesto
1262	VN-20529-17	Topamax	Janssen Cilag Ltd.	Cilag AG
1263	VN-14381-11	Toraass 50	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1264	VN-14382-11	Toraass H	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1265	VN-18558-14	Tormeg-10	Mega Lifesciences Public Company Limited	Pharmathen S.A
1266	VN-18783-15	Tormeg-20	Mega Lifesciences Public Company Limited	Pharmathen S.A
1267	VN-18113-14	Tormipex 0.125	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1268	VN-17609-13	Tormipex 0.25	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1269	VN-17610-13	Tormipex 1	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1270	VN-17611-13	Tormita 100	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1271	VN-17612-13	Tormita 25	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1272	VN-17613-13	Tormita 50	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1273	VN-20351-17	Torpace-5	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1274	VN-17171-13	Torsartan 20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1275	VN-17614-13	Torsartan 40	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1276	VN-18114-14	Torsartan H	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1277	VN-19641-16	Torvazin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1278	VN-19642-16	Torvazin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1279	VN-20600-17	Totcal Soft capsule	Pharmaunity Co., Ltd	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd
1280	VN-14919-12	Tracutil	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
1281	VN-20614-17	Tramadol 100mg-Rotexmedica	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
1282	VN-19416-15	Tramadol-hameln50mg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
1283	VN-17416-13	Transamin Tablets	Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.	Olic (Thailand) Ltd.
1284	VN-18808-15	Trantum tablets 500 mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1285	VN-15190-12	Travatan	Novartis Pharma Services AG	s.a. Alcon-Couvreur N.V
1286	VN-19742-16	Trexon	Công ty TNHH Dược phẩm Vạn Cường Phát	Laboratorio Reig Jofre, S.A
1287	VN-18045-14	Trichopol	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
1288	VN3-135-19	Triclofem	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Việt	PT. Tunggal Idaman Abdi
1289	VN-20461-17	Triglo	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
1290	VN-19729-16	Trimpol MR	Polfarmex S.A	Polfarmex S.A
1291	VN3-8-17	TRIPLIXAM 10mg/2.5mg/10mg	Les Laboratoires Servier	Servier (Ireland) Industries Ltd
1292	VN3-9-17	TRIPLIXAM 10mg/2.5mg/5mg	Les Laboratoires Servier	Servier (Ireland) Industries Ltd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1293	VN3-10-17	TRIPLIXAM 5mg/1.25mg/10mg	Les Laboratoires Servier	Servier (Ireland) Industries Ltd
1294	VN3-11-17	TRIPLIXAM 5mg/1.25mg/5mg	Les Laboratoires Servier	Servier (Ireland) Industries Ltd
1295	VN3-160-19	Triveram 10mg/5mg/5mg	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
1296	VN3-161-19	Triveram 20mg/10mg/10mg	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
1297	VN3-162-19	Triveram 20mg/10mg/5mg	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
1298	VN3-163-19	Triveram 20mg/5mg/5mg	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
1299	VN3-164-19	Triveram 40mg/10mg/10mg	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
1300	VN-16922-13	Troypofol	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
1301	VN2-314-15	Trustiva	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1302	VN-19522-15	Trymo tablets	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
1303	VN-19404-15	Tusligo	Công ty cổ phần Dược MK Việt Nam	S.C.Slavia Pharm S.R.L.
1304	VN-16885-13	Tusspol	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1305	VN-20333-17	Tygacil	Pfizer (Thailand) Ltd.	Wyeth Lederle S.r.l.
1306	VN-20256-17	Ulceron	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Lâm	Anfarm hellas S.A
1307	VN-19282-15	Ulcomez	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.
1308	VN-14306-11	Unasyn	Pfizer (Thailand) Ltd.	Haupt Pharma Latina S.r.l
1309	VN-18786-15	Unicet	Công ty TNHH Dược phẩm Y-Med	Bal Pharma Ltd.
1310	VN3-48-18	Uperio 100mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte. Ltd
1311	VN-18357-14	Ursachol	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
1312	VN-20260-17	Ursobil	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	ABC Farmaceutici S.P.A
1313	VN-17706-14	Uruso	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
1314	VN-18256-14	U-Stone	Công ty TNHH Dược phẩm và thiết bị y tế Tuấn Dương	Laboratorios Casasco S.A.I.C
1315	VN-19749-16	U-Thel	Unison Laboratories Co., Ltd.	Unison Laboratories Co., Ltd.
1316	VN-20353-17	Utrazo 20	Yeva Therapeutics Pvt., Ltd.	Acme Formulation Pvt. Ltd.
1317	VN-19420-15	Utrogestan 100 mg	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd	Olic (Thailand) Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1318	VN-19019-15	Utrogestan 100mg (Đóng gói, kiểm nghiệm và xuất xưởng bởi: Besins Manufacturing Belgium, địa chỉ: Groot - Bijgaardenstraat, 128 1620 Drogenbos, Belgium)	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd.	Capsugel Ploermel
1319	VN-19421-15	Utrogestan 200 mg	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd	Olic (Thailand) Ltd.
1320	VN-19020-15	Utrogestan 200mg (Đóng gói, kiểm nghiệm và xuất xưởng bởi: Besins Manufacturing Belgium, địa chỉ: Groot - Bijgaardenstraat, 128 1620 Drogenbos, Belgium)	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd.	Capsugel Ploermel
1321	VN-17918-14	Uvomo	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hoàng Trân	Saga Laboratories
1322	VN-17691-14	Vacitus	Công ty TNHH Dược phẩm Vietsun	Incepta Pharmaceuticals Ltd.
1323	VN-16156-13	Vaklonal	Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân	Klonal S.R.L
1324	VN-20566-17	Valian-X	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
1325	VN-17144-13	Valsacard	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1326	VN-17145-13	Valsacard	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1327	VN-17721-14	Valsartan 160mg	Novartis (Singapore) Pte. Ltd.	Novartis Farmaceutica S.A.
1328	VN-19468-15	Vaminolact	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Austria GmbH
1329	VN-17509-13	Vaptor 20mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1330	VN-12691-11	Vasotrate-30 OD	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1331	VN-17622-13	Vastinxepa 20mg	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.
1332	VN-17623-13	Vastinxepa 40mg	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.
1333	VN-17679-14	Vataxon	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1334	VN-15799-12	Vatirino Paediatric	Công ty cổ phần Y học Quốc tế	Novo Healthcare and Pharma Ltd.
1335	VN-19747-16	Venlif OD 150	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1336	VN-19748-16	Venlif OD 75	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1337	VN-14566-12	Venosan retard	công ty cổ phần dược phẩm Duy Tân	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG
1338	VN-19346-15	Ventek 10mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1339	VN-18454-14	Ventek 5mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1340	VN-18791-15	Ventolin Inhaler (CS đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: GlaxoSmithKline Australia Pty. Ltd, địa chỉ: 1061 Mountain Highway, Boronia, 3155 Victoria, Australia)	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome S.A.
1341	VN-16251-13	Verapime	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
1342	VN-20559-17	Verimed 135mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd.- central Factory
1343	VN-18218-14	Verniqueen	Belarusian-Dutch Joint Venture “Pharmland” Limited Liability Company	LTD Farmaprim
1344	VN-19163-15	Verospiron	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1345	VN-16485-13	Verospiron 25mg	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1346	VN-20234-17	Vertiko 16	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
1347	VN-20235-17	Vertiko 24	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
1348	VN-18792-15	Vertisum tablets	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1349	VN-18927-15	Verzat	LLoyd Laboratories INC.	LLoyd Laboratories INC.
1350	VN-14801-12	Viartril-S	Ever Neuro Pharma GmbH	Rottapharm Ltd.
1351	VN-18386-14	Vidlezine-B 100	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1352	VN-18387-14	Vidlezine-B 200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1353	VN-16700-13	Viên đạn đặt âm đạo Ovumix	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hợp	Laboratorio Elea S.A.C.I.F.yA
1354	VN-17491-13	Viên nang Kupitral	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
1355	VN-17055-13	Viên ngậm kháng viêm Difflam vị chanh-mật ong	DKSH Singapore Pte. Ltd.	Unique Pharmaceuticals Laboratories.
1356	VN-17056-13	Viên ngậm kháng viêm Difflam vị quả mâm xôi	DKSH Singapore Pte. Ltd.	Unique Pharmaceuticals Laboratories.
1357	VN-20582-17	Vinorelbin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
1358	VN2-68-13	Vinorelsin 10mg/1ml	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma SRL
1359	VN-17629-14	Vinorelsin 50mg/5ml	Actavis International Ltd.	S.C.Sindan-Pharma SRL
1360	VN-18285-14	Virupos	Công ty TNHH Trường Sơn	URSAPHARM Arzneimittel GmbH
1361	VN-18122-14	Visipaque	Thay đổi công ty đăng ký, tên cty đăng ký mới: A. Menarini Singapore Pte. Ltd	Đổi tên NSX thành GE Healthcare Ireland Limited
1362	VN-15419-12	Vismed	TRB Chemedica (Thailand) Co., Ltd.	Holopack Verpackungstecknik GmbH

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1363	VN-19349-15	Vitamin C Injection	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.
1364	VN-16886-13	Vixam	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1365	VN-20412-17	Vizimtex	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm Hellas S.A.
1366	VN-20242-17	Vlergy 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Saga Laboratories
1367	VN-20243-17	Vlergy 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Saga Laboratories
1368	VN-18793-15	Volfacine	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d,
1369	VN-11972-11	Voltaren	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farma S.p.A.
1370	VN-16847-13	Voltaren	Novartis Pharma Services AG	Delpharm Huningue S.A.S
1371	VN-13293-11	Voltaren 50	Novartis Pharma Services AG	Novartis Saglik Gida Ve Tarim Urunleri San. ve Tic.A.S
1372	VN-17535-13	Voltaren Emulgel	GlaxoSmithKline Pte Ltd	GSK Consumer Healthcare S.A
1373	VN-18850-15	Voltex	DKSH Singapore Pte. Ltd.	The United Drug (1996) Co.,Ltd.
1374	VN-19651-16	Voluven 6%	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Deutschland GmbH.
1375	VN3-123-19	Winduza	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
1376	VN-17238-13	Wolvit 5mg	Kusum Healthcare Private Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1377	VN-19013-15	Xarelto	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer AG
1378	VN-16788-13	Xenetix 350	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Guerbet
1379	VN-19101-15	Ximeprox Tab	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Fu yuan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.
1380	VN-18958-15	Xorimax 250mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz GmbH
1381	VN-20624-17	Xorimax 500mg	Sandoz GmbH	Sandoz GmbH
1382	VN-19726-16	X-Plended Tablet 5mg	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
1383	VN-19543-15	Xylobalan Nasal Drop 0,05%	Warszawskie Zaklady Farmaceutyczne Polfa Spolka Akcyjna	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
1384	VN-19370-15	Xylobalan Nasal Drop 0,1%	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
1385	VN-19469-15	Xyzal (Đóng gói+ Xuất xưởng: Aesica Pharmaceuticals S.r.l, địa chỉ: Via Praglia, 15, 10044 Pianezza (TO), Italy)	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	UCB Farchim S.A
1386	VN-20388-17	Yasmin	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Cơ sở sản xuất: Bayer Weimar GmbH & Co. KG; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Bayer AG
1387	VN-19182-15	Yesom 40	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1388	VN-18796-15	Yolipraz-40	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 3	M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd
1389	VN-18797-15	Yolipraz-80	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 3	M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd
1390	VN-15674-12	YSPBiotase	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.
1391	VN-19544-15	Yspuripax	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.
1392	VN-19209-15	Yumangel F	Công ty TNHH Đại Bắc	Yuhan Corporation
1393	VN-16470-13	Zanobapine	Tên công ty đăng ký đã được duyệt: Công ty TNHH DP Hiền Vĩ; Tên công ty đăng ký thay đổi: Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1394	VN-16339-13	Zecard-50	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1395	VN-15990-12	Zedcal	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM ACE	Meyer Organics Pvt.Ltd
1396	VN-19272-15	Zedcal OP Tablets	Meyer Healthcare Pvt. Ltd.	Meyer Organics Pvt., Ltd.
1397	VN-17887-14	Zefobol-SB 1000	Công ty TNHH MTV Ân Phát	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1398	VN-16433-13	Zegecid 20	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
1399	VN-20475-17	Zentocor 40mg	Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm Trung ương 1	Pharmathen International SA
1400	VN-17246-13	Zestril	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
1401	VN-17247-13	Zestril	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
1402	VN-17248-13	Zestril	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
1403	VN-18988-15	Zidolam	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
1404	VN-19705-16	Zilamac-50	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1405	VN-10706-10	Zinacef	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA
1406	VN-17385-13	Zinco	IL-Yang Pharm Co., Ltd	Berko Ilac ve Kimya San. A.S
1407	VN-20346-17	Zinecox 200	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1408	VN-9663-10	Zinnat Suspension	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Operations UK Ltd.
1409	VN-17348-13	Zogenex	Công ty TNHH Dược phẩm Bách Việt	Pharmidea (Fab. Olaine)
1410	VN-20226-17	Zoladex	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	AstraZeneca UK Ltd.
1411	VN-19298-15	Zolafren	Adamed Pharma S.A.	Adamed Pharma S.A.
1412	VN-19299-15	Zolafren	Adamed Pharma S.A.	Adamed Pharma S.A.
1413	VN-18046-14	Zolaxa Rapid	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
1414	VN-18047-14	Zolaxa Rapid	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1415	VN-18048-14	Zolaxa Rapid	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
1416	VN-18049-14	Zolaxa Rapid	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
1417	VN-19459-15	Zoledronic acid for injection 4mg	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG PHƯƠNG	Venus Remedies Limited
1418	VN-19417-15	Zoledronic acid-hameln 4mg/5ml solution for infusion	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
1419	VN2-587-17	Zolotraz	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1420	VN-20343-17	Zonaxson	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
1421	VN-17761-14	Zopucef-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1422	VN-20562-17	Zoruxa	Mega Lifesciences Public Company Limited	Gland Pharma Ltd.
1423	VN-15819-12	Zovitit	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	S.C. SLAVIA PHARM S.R.L.
1424	VN-19585-16	ZT-Amox	Công Ty TNHH Medfatop	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S
1425	VN-18930-15	Zuloxib 200	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
1426	VN-10534-10	Zytee - RB	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
1427	VN-19678-16	Zytiga (đóng gói+Xuất xưởng: Janssen-Cilag S.p.A; Đ/chỉ: Via C. Janssen (loc. Borgo S. Michele) - 04100 Latina (LT), Italy)	Janssen - Cilag Ltd.	Patheon Inc.

Phụ lục III

DANH MỤC VẮC XIN, SINH PHẨM CÓ GĐKLH HẾT HIỆU LỰC TỪ 30/12/2021 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 31/12/2022 THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo công văn số /QLD-ĐK ngày / /2022)

(*) Ghi chú: Danh mục này gồm các thuốc hết hạn trước 30/6/2022. Các thuốc khác đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 29/2022/NĐ-CP đang được tiếp tục cập nhật, bổ sung tại các đợt công bố tiếp theo.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1	QLVX-0805-14	ABHAYRAB	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Human Biologicals Institute (A division of Indian Immunologicals Limited)
2	QLSP-948-16	ACTILYSE	Boehringer Ingelheim International GmbH	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG
3	VN-18588-15	Actisoufre	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Laboratoires Grimberg S.A.
4	QLSP-1029-17	Actrapid	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
5	QLSP-889-15	Actrapid Penfill 100IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
6	QLSP-0797-14	Albiomin 20%	Công ty cổ phần thương mại dược Hoàng Long	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/ Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG
7	QLSP-0631-13	Albuman	Công ty cổ phần Medcomtech	Sanquin Plasma Products
8	QLSP-969-16	AlbuRx 20	Unico Alliance Co., Ltd.	CSL Behring AG
9	QLSP-967-16	AlbuRx 25	Unico Alliance Co., Ltd.	CSL Behring AG
10	QLSP-968-16	AlbuRx 5	Unico Alliance Co., Ltd.	CSL Behring AG
11	QLSP-900-15	Albutein 20%	Diethelm & Co., Ltd	Nhà sản xuất: Grifols Biologicals LLC. Cơ sở đóng gói: Grifols Biologicals LLC.
12	QLSP-875-15	Anaferon for children	OOO "NPF" MATERIA MEDICA HOLDING	OOO "NPF" MATERIA MEDICA HOLDING
13	QLSP-976-16	ANTIKANS	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
14	QLSP-915-16	Apidra Solostar	SANOFI-AVENTIS SINGAPORE PTE. LTD.	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH
15	QLSP-977-16	aseFloris	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT
16	QLSP-1010-17	Avastin	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	F.Hoffmann-La Roche Ltd.
17	QLSP-1011-17	Avastin	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	F.Hoffmann-La Roche Ltd.
18	QLSP-840-15	Baci-subti	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang
19	QLSP-841-15	BACI-SUBTI	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
20	QLSP-833-15	BACIVIT	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
21	QLSP-834-15	BACIVIT-H	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
22	QLSP-0634-13	BAILUZYM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
23	QLSP-1007-17	BEAUTEM	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd
24	QLSP-911-16	Binocrit	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH/ Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH
25	QLSP-912-16	Binocrit	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH / Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH
26	QLSP-913-16	Binocrit	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH / Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH
27	QLSP-914-16	Binocrit	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH / Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH
28	QLSP-0767-13	Biosubtyl DL	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT
29	QLSP-819-14	BIOSUPTIN	CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM NIC (NIC-PHARMA)	CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM NIC (NIC-PHARMA)
30	QLSP-946-16	BOLABIO	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
31	QLSP-997-17	BOTOX	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
32	QLSP-998-17	BOTOX	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
33	QLSP-845-15	Cerebrolysin	EVER NEURO PHARMA GmbH	Cơ sở xuất xưởng: EVER Neuro Pharma GmbH, Oberburgau 3, 4866 Unterach am Attersee, Austria. Cơ sở trộn và đóng gói sơ cấp: EVER Pharma Jena GmbH, Otto-Schoot-Str.15, 07745 Jena, Germany. Cơ sở đóng gói thứ cấp: EVER Pharma Jena GmbH, Brüsseler Str. 18, 07747
34	QLSP-1002-17	CIMAher	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Centro de Immunologia Molecular (CIM)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
35	QLVX-1040-17	ComBe Five (liquid)	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Biological E. Limited
36	QLSP-941-16	DIAMISU R	GETZ PHARMA (PVT.) LTD.	GETZ PHARMA (PVT.) LTD.
37	QLSP-902-15	DOMUVAR	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
38	QLSP-1015-17	DYSPORT	Ipsen Pharma	Ipsen Biopharm Limited
39	QLSP-1016-17	DYSPORT	Ipsen Pharma	Ipsen Biopharm Limited
40	QLSP-860-15	EASYEF	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd
41	QLVX-0765-13	ENGERIX B	GlaxoSmithKline Pte Ltd	GlaxoSmithKline Biological S.A
42	QLVX-0766-13	ENGERIX B	GlaxoSmithKline Pte Ltd.	GlaxoSmithKline Biological S.A
43	QLSP-0794-14	Enterobella	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar
44	QLSP-0795-14	Enterobella	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar
45	QLSP-955-16	Enterogolds	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang
46	QLSP-954-16	Enterogran	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang
47	QLSP-938-16	ENZICOBA	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
48	VN-14503-12	Epokine Prefilled injection 2000 Units/0,5ml	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	CJ HealthCare Corporation
49	QLSP-0666-13	Epokine Prefilled Injection 4000IU/0,4ml	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	HK inno.N Corporation
50	QLSP-971-16	EPREX 2000 U	Janssen - Cilag Ltd.	CILAG AG.
51	QLSP-974-16	EPREX 10000 U	Janssen - Cilag Ltd.	CILAG AG.
52	QLSP-975-16	EPREX 4000 U	Janssen - Cilag Ltd.	CILAG AG.
53	QLVX-933-16	Euvax B	Sanofi Pasteur	LG Chem, Ltd.
54	QLVX-934-16	Euvax B	Sanofi Pasteur	LG Chem, Ltd.
55	QLSP-1000-17	FEIBA 25 E./ml	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxter AG
56	QLSP-917-16	Feronsure	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược
57	QLSP-918-16	Feronsure	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NANOGEN	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NANOGEN
58	QLSP-1003-17	Ficocyte	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen
59	QLSP-0635-13	FILGEN	Công ty cổ phần hóa dược Hiệp Lực	LABORATORIOS CLAUSEN SA.
60	QLSP-0602-12	Flebogamma 5% DIF	Diethelm & Co., Ltd.	Instituto Grifols, S.A.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
61	QLSP-0750-13	Flexbumin 20%	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxalta US Inc
62	QLSP-0749-13	Flexbumin 25%	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxalta US INC
63	QLSP-H02-983-16	Fraizeron	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
64	QLVX-883-15	Gardasil	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Nhà sản xuất: Merck Sharp & Dohme Corp; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Merck Sharp & Dohme B.V
65	QLVX-980-16	GC FLU pre-filled syringe inj	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	Green Cross Corporation
66	QLSP-890-15	Gonal-f	Merck Export GmbH	Merck Serono S.A.
67	QLSP-891-15	Gonal-f	Merck Export GmbH	Merck Serono S.p.A.
68	QLSP-959-16	Gonal-f	Merck Export GmbH	Merck Serono S.p.A
69	QLSP-945-16	GRAFEEL	DR. REDDY'S LABORATORIES LTD.	DR. REDDY'S LABORATORIES LTD.
70	QLSP-858-15	Haemoctin SDH 250	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/ Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG
71	QLSP-859-15	Haemoctin SDH 500	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/ Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG
72	QLVX-0748-13	Heberbiovac HB	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	Center for Genetic Engineering and
73	QLVX-0624-13	Heberbiovac HB (20mcg)	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	Center for Genetic Engineering and
74	QLSP-0810-14	HEBERVITAL	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	Center for Genetic Engineering and
75	QLSP-0779-14	HEMAPO	MEGA LIFESCIENCES PTY LIMITED	Shandong Kexing Bioproducts Co. Ltd.
76	QLSP-0780-14	HEMAPO	MEGA LIFESCIENCES PTY LIMITED	Shandong Kexing Bioproducts Co. Ltd.
77	QLSP-0781-14	HEMAPO	MEGA LIFESCIENCES PTY LIMITED	Shandong Kexing Bioproducts Co. Ltd.
78	QLSP-978-16	HEMOFIL M	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte. Ltd	Nhà sản xuất: Baxalta US Inc.
79	QLSP-979-16	HEMOFIL M	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte. Ltd	Nhà sản xuất: Baxalta US Inc.
80	QLSP-1012-17	Herceptin	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Cơ sở sản xuất: Genentech Inc.|Cơ sở sản xuất lọ dung môi: F. Hoffmann-La Roche Ltd. Cơ sở đóng gói: F.Hoffmann-La Roche Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
81	QLSP-1036-17	Human Albumin 20% Behring, low salt	Unico Alliance Co., Ltd.	CSL Behring GmbH
82	QLSP-0701-13	Human Albumin Baxter 200g/l	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxter AG
83	QLSP-0702-13	Human Albumin Baxter 250g/l	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxter AG
84	QLSP-951-16	Humira	Zuellig Pharma Pte. Ltd	Nhà sản xuất: Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG. (Đ/c: Schutzenstrasse 87 and 99-101, 88212 Ravensburg, Germany) Nhà xuất xưởng: Abbvie Biotechnology GmbH. (Đ/c: Knollstrasse 67061 Ludwigshafen, Germany)
85	QLSP-1037-17	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)
86	QLSP-818-14	IMMUBRON	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Bruschettini s.r.l.
87	QLSP-870-15	IMMUNOHBs	KEDRION S.p.A	KEDRION S.P.A
88	QLSP-0754-13	IMMUNOHBs 180IU/ml	KEDRION S.p.A	Kedrion S.p.A
89	QLVX-989-17	Infanrix Hexa	GlaxoSmithKline Pte Ltd	GlaxoSmithKline Biological S.A
90	QLSP-960-16	Insulatard FlexPen 100 IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
91	QLSP-1025-17	Insulatard FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Producão Farmacêutica do Brasil Ltda.
92	QLSP-1031-17	Insulatard FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
93	QLSP-887-15	Insulatard Penfill 100IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
94	QLSP-847-15	INSUNOVA 30/70 (Biphasic)	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
95	QLSP-907-15	INSUNOVA-G PEN	Mega Lifesciences Public Company Limited	M/s. Biocon Limited
96	QLSP-848-15	INSUNOVA-N (NPH)	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
97	QLSP-849-15	INSUNOVA-R (Regular)	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
98	QLSP-0802-14	INTRATECT	Công ty cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long.	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
99	QLVX-H03-1137-19	IVACFLU-S (Vắc xin cúm mùa dạng mảnh bất hoạt)	Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế (IVAC)	Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế (IVAC)
100	QLSP-1018-17	IVF-M INJECTION 150 IU	LG Chem, Ltd.	LG Chem, Ltd.
101	QLSP-1019-17	IVF-M INJECTION 75 IU	LG Chem, Ltd.	LG Chem, Ltd.
102	QLSP-0642-13	KEDRIALB 200 g/l	KEDRION S.p.A	KEDRION S.p.A
103	QLSP-0601-12	KEDRIGAMMA	KEDRION S.p.A	KEDRION S.p.A
104	QLSP-999-17	KIOVIG	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxalta Belgium Manufacturing SA
105	QLSP-851-15	LACBIOSYN	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
106	QLSP-939-16	LACBIOSYN	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
107	QLSP-906-15	LACTEOL 340mg	Tedis	Adare Pharmaceuticals S.A.S
108	QLSP-852-15	L-BIO-N	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
109	QLSP-1033-17	Levemir FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
110	QLSP-892-15	Lovenox	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd.	Sanofi Winthrop Industrie
111	QLSP-893-15	Lovenox	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd.	Sanofi Winthrop Industrie
112	VN-18358-14	Lupiparin	Lupin Limited	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd
113	QLSP-836-15	Masozym	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
114	QLSP-0752-13	Menogon	Ferring Private Ltd	Nhà sản xuất: Ferring GmbH ; Cơ sở đóng gói: Ferring International Center S.A.
115	QLSP-0751-13	Menopur	Ferring Private Ltd.	Nhà sản xuất: Ferring GmbH Cơ sở đóng gói: Ferring International Center S.A.
116	QLSP-868-15	MENOPUR multidose 1200IU	Ferring Private Ltd.	Nhà sản xuất: Ferring GmbH Cơ sở đóng gói thứ cấp: Ferring International Center SA
117	QLSP-869-15	MENOPUR multidose 600IU	Ferring Private Ltd.	Nhà sản xuất: Ferring GmbH Cơ sở đóng gói thứ cấp: Ferring International Center SA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
118	QLSP-0807-14	Merika fort	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT
119	QLSP-0808-14	Merika Probiotics	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT
120	QLSP-947-16	MICEZYM 100	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
121	QLSP-927-16	Mixtard 30 Flexpen 100IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
122	QLSP-888-15	Mixtard 30 Penfill 100IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
123	QLVX-995-17	Mrvac	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y
124	QLSP-H02-1059-17	Myozyme	SANOFI-AVENTIS SINGAPORE PTE. LTD.	Genzyme Ireland Limited
125	QLSP-921-16	Nanokine 10000 IU	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược
126	QLSP-922-16	Nanokine 10000 IU	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược Nanogen	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược Nanogen
127	QLSP-920-16	Nanokine 2000 IU	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược
128	QLSP-919-16	Nanokine 4000 IU	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen
129	QLSP-923-16	Nanokine 4000 IU	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược
130	QLSP-844-15	Norditropin NordiFlex 5 mg/1.5 ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
131	QLSP-823-14	NORMAGUT	MEGA LIFESCIENCES PUBLIC COMPANY LIMITED	Ardeypharm GmbH
132	QLSP-1028-17	NovoMix 30 FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Producão Farmacêutica do Brasil Ltda.
133	QLSP-1034-17	NovoMix 30 FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
134	QLSP-1023-17	NovoRapid	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
135	QLSP-0674-13	Novorapid FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
136	QLSP-963-16	Novorapid Flexpen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S.
137	QLSP-H02-982-16	NovoSeven RT 1mg	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
138	QLSP-0784-14	Ovitrelle	Merck Export GmbH	Merck Serono S.p.A
139	QLSP-0636-13	PEG-GRAFEEL	Dr. Reddy's Laboratories Ltd	Dr. Reddy's Laboratories Ltd
140	QLSP-0803-14	PENTAGLOBIN	Công ty cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long.	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/ Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
141	QLVX-991-17	Pentaxim	Sanofi Pasteur	Nhà sản xuất: Sanofi Pasteur Cơ sở gia công đóng ống, đông khô vắc xin Hib: Sanofi S.P.A.
142	QLSP-842-15	PRO-ACIDOL PLUS	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang
143	QLSP-0737-13	Probio IMP	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
144	QLSP-903-15	PROGERMILA	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
145	QLSP-0764-13	ProIVIG	Công ty TNHH Reliv Pharma	Reliance Life Sciences
146	QLSP-0789-14	PUREGON	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG (Đ/c: Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany); Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: N.V. Organon (Đ/c: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands)
147	QLVX-987-17	QUIMI-HIB	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Center for Genetic Engineering and
148	QLSP-1017-17	Recombinant Human Erythropoietin for	Laboratorios Recalcine S.A	Shanghai Chemo Wanbang Biopharma Co., Ltd.
149	QLSP-821-14	RECORMON	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	ROCHE DIAGNOSTICS GMBH
150	QLSP-861-15	Redditux	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
151	QLSP-862-15	Redditux	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
152	QLSP-871-15	REGREL 0,01% GEL	Mega Lifesciences Public Company Limited	Virchow Biotech Private Limited
153	QLSP-970-16	REMICADE	Janssen - Cilag Ltd.	Nhà sản xuất: Cilag AG Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V;
154	QLSP-1001-17	REMSIMA	Celltrion Healthcare Co., Ltd	Celltrion, Inc.
155	QLSP-905-15	REPLENINE - VF	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	Nhà sản xuất thuốc bột: Bio Products Laboratory Limited; Nhà sản xuất nước cất pha tiêm: Hameln Pharmaceuticals GmbH
156	QLVX-990-17	RotaTeq	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Merck Sharp & Dohme Corp.
157	QLSP-929-16	Ryzodeg Flextouch 100U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
158	QLSP-928-16	Ryzodeg Penfill 100U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
159	QLSP-H02-1075-17	Saxenda 6mg/ml	Novo Nordisk A/S	Nhà sản xuất: Novo Nordisk A/S (Địa chỉ: Novo Allé, DK-2880 Bagsværd, Denmark)
160	QLSP-0648-13	SCILIN M30 (30/70)	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A
161	QLSP-895-15	SCILIN M30 (30/70)	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A.
162	QLSP-0649-13	SCILIN N	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A
163	QLSP-850-15	SCILIN N	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A.
164	QLSP-0650-13	SCILIN R	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A
165	QLSP-H02-1041-17	SIMPONI	Janssen - Cilag Ltd.	Nhà sản xuất: Baxter Pharmaceutical Solutions LLC Cơ sở đóng gói và xuất
166	QLSP-H02-1042-17	SIMPONI I.V.	Janssen - Cilag Ltd.	Cilag AG
167	QLSP-1022-17	Simulect	Novartis Pharma Services AG	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Stein AG|cơ sở sản xuất ống dung môi: Takeda Austria GmbH
168	QLSP-H02-984-16	STELARA	Janssen - Cilag Ltd.	Cilag AG
169	QLSP-966-16	Superferon	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)
170	QLSP-940-16	SURVANTA	Zuellig Pharma Pte., Ltd	ABBVIE Inc.
171	QLSP-H02-1060-17	Sylvant	Janssen - Cilag Ltd.	CILAG AG.
172	QLSP-H02-1061-17	Sylvant	Janssen - Cilag Ltd.	CILAG AG.
173	QLVX-826-14	TETRAXIM	Sanofi Pasteur	Sanofi Pasteur
174	QLSP-930-16	Tresiba Flextouch 100U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
175	QLSP-932-16	Tresiba Flextouch 200U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
176	QLSP-931-16	Tresiba Penfill 100U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
177	QLVX-964-16	Typhim Vi	Sanofi Pasteur	Cơ sở sản xuất: Sanofi Pasteur Cơ sở đóng ống bán thành phẩm cuối (FBP) và kiểm tra test vô trùng thành phẩm đóng ống bổ sung: Sanofi
178	QLVX-965-16	Vắc xin bạch hầu – ho gà – uốn ván hấp phụ (DPT)	Viện vắc xin và Sinh phẩm Y tế (IVAC)	Viện vắc xin và Sinh phẩm Y tế (IVAC)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
179	QLVX-H02-1051-17	Vắc xin bại liệt uống nhị liên	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y
180	QLVX-996-17	Vắc xin phòng lao (BCG)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)
181	QLVX-H02-985-16	VA-MENGOC-BC	Công ty TNHH MTV Vắcxin và Sinh phẩm số 1	Instituto Finlay de Vacunas
182	QLVX-909-15	Varivax	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Nhà sản xuất: Merck Sharp & Dohme Corp; Cơ sở sản xuất dung môi: Jubilant HollisterStier LLC; Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V
183	QLSP-0772-14	VENBIG 2500 IU	KEDRION S.p.A	Kedrion S.p.A
184	QLSP-1024-17	Victoza	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
185	VN-13913-11	Wosulin 30/70	Wockhardt Ltd.	Wockhardt Limited
186	VN-13425-11	Wosulin-N	Wockhardt Ltd.	Wockhardt Ltd.
187	VN-13426-11	Wosulin-R	Wockhardt Ltd.	Wockhardt Ltd.
188	QLSP-1004-17	Xeomin	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Merz Pharma GmbH & Co. KGaA
189	QLSP-1005-17	Xeomin	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Merz Pharma GmbH & Co. KGaA
190	QLSP-H02-950-16	Xolair 150 mg	Novartis Pharma Services AG	Nhà sản xuất lọ bột thuốc: Novartis Pharma Stein AG; Nhà sản xuất ống dung môi: Takeda Austria GmbH hoặc Delpharm Dijon
191	QLSP-1020-17	Zarzio	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH|Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH|Cơ sở đóng gói thứ cấp: Sandoz GmbH-BP Schaftenau
192	QLSP-1021-17	Zarzio	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH|Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH|Cơ sở đóng gói thứ cấp: Sandoz GmbH-BP Schaftenau
193	QLSP-910-15	Zentomyces	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM